

Số: 267/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên
Học kỳ I, năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành hai trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ “Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” ban hành theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ “Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội” ban hành theo Quyết định số 321/QĐ-DHN ngày 12/5/2017, sửa đổi theo Quyết định số 481/QĐ-DHN ngày 13/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên họp ngày 26/3/2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên Học kỳ I, năm học 2023-2024 cho 4127 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

- Loại Xuất sắc: 647 sinh viên;
- Loại Tốt: 2649 sinh viên;
- Loại Khá: 708 sinh viên;
- Loại Trung bình: 114 sinh viên;
- Loại Yếu: 09 sinh viên.

Điều 2. Kết quả đánh giá rèn luyện được lưu vào hồ sơ sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế, Quản lý Đào tạo và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, HVSV-YT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Tuyền

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Khóa: K74

Ngành: Dược học

Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	1601326	Hoàng Ngọc Hưng	P1K74	86	86	Tốt	
2	1701053	Nguyễn Văn Chánh	P1K74	84	84	Tốt	
3	1701268	Cầm Thị Minh Huyền	Q1K74	84	84	Tốt	
4	1801004	Vũ Thị Hải An	Q1K74	83	79	Khá	
5	1801093	Trần Văn Công	Q1K74	84	79	Khá	
6	1801104	Nguyễn Duy Đạt	M1K74	85	85	Tốt	
7	1801294	Trần Thị Hương	O1K74	86	86	Tốt	
8	1801298	Đoàn Danh Huy	P1K74	84	74	Khá	Khiển trách
9	1801469	Nguyễn Thị Lê Na	O1K74	85	85	Tốt	
10	1801533	Nguyễn Tuyết Nhung	Q1K74	86	86	Tốt	
11	1801570	La Thị Phụng	O1K74	86	86	Tốt	
12	1801605	Bùi Hải Sơn	P1K74	81	70	Khá	
13	1801744	Hoàng Tùng	Q1K74	86	86	Tốt	
14	1801783	Nguyễn Thanh Xuân	Q1K74	80	79	Khá	
15	1901002	Lê Văn An	O1K74	85	85	Tốt	
16	1901003	Lê Xuân An	Q1K74	85	85	Tốt	
17	1901004	Nguyễn Đức An	O1K74	86	86	Tốt	
18	1901005	Nguyễn Đức An	N1K74	91	91	Xuất sắc	
19	1901006	Nguyễn Thị Bảo An	O1K74	84	84	Tốt	
20	1901008	Vũ Thị Bình An	N1K74	87	87	Tốt	
21	1901010	Đặng Ngọc Tuấn Anh	M1K74	92	92	Xuất sắc	
22	1901011	Đỗ Ngọc Anh	M1K74	86	86	Tốt	
23	1901012	Đỗ Thị Vi Anh	Q1K74	86	86	Tốt	
24	1901013	Đoàn Ngọc Anh	O1K74	86	86	Tốt	
25	1901015	Dương Văn Anh	N1K74	86	86	Tốt	
26	1901016	Hà Nguyễn Phương Anh	M1K74	89	89	Tốt	
27	1901017	Hoàng Mai Anh	P1K74	85	85	Tốt	
28	1901018	Hoàng Ngọc Tú Anh	Q1K74	83	83	Tốt	
29	1901019	Kiều Quang Anh	O1K74	85	79	Khá	
30	1901021	Lê Hồng Vân Anh	M1K74	87	87	Tốt	
31	1901022	Lê Văn Anh	O1K74	83	83	Tốt	
32	1901023	Lý Đức Anh	Q1K74	86	86	Tốt	
33	1901024	Mai Nguyễn Hà Anh	Q1K74	85	85	Tốt	
34	1901025	Nguyễn Lan Anh	N1K74	80	80	Tốt	
35	1901026	Nguyễn Phương Anh	P1K74	87	87	Tốt	
36	1901027	Nguyễn Quỳnh Anh	N1K74	92	92	Xuất sắc	
37	1901028	Nguyễn Thế Anh	O1K74	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
38	1901029	Nguyễn Thị Anh	O1K74	87	87	Tốt	
39	1901030	Nguyễn Thị Hải Anh	M1K74	88	88	Tốt	
40	1901031	Nguyễn Thị Hồng Anh	M1K74	88	88	Tốt	
41	1901032	Nguyễn Thị Kim Anh	N1K74	86	86	Tốt	
42	1901033	Nguyễn Thị Lan Anh	N1K74	91	91	Xuất sắc	
43	1901034	Nguyễn Thị Lan Anh	M1K74	88	88	Tốt	
44	1901035	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	Q1K74	85	85	Tốt	
45	1901036	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	O1K74	85	85	Tốt	
46	1901037	Nguyễn Thị Vân Anh	O1K74	85	85	Tốt	
47	1901038	Nguyễn Thị Việt Anh	N1K74	86	86	Tốt	
48	1901039	Nguyễn Trúc Anh	N1K74	86	86	Tốt	
49	1901040	Nguyễn Tuấn Anh	Q1K74	87	87	Tốt	
50	1901042	Nguyễn Văn Anh	N1K74	92	92	Xuất sắc	
51	1901043	Nguyễn Việt Anh	N1K74	90	90	Xuất sắc	
52	1901044	Nguyễn Việt Anh	O1K74	81	81	Tốt	
53	1901045	Phạm Thị Kim Anh	M1K74	88	88	Tốt	
54	1901046	Phạm Thị Ngọc Anh	N1K74	87	87	Tốt	
55	1901047	Phạm Văn Anh	N1K74	85	85	Tốt	
56	1901048	Trần Thị Ngọc Anh	P1K74	86	86	Tốt	
57	1901049	Trần Trịnh Phương Anh	O1K74	91	91	Xuất sắc	
58	1901050	Trương Lan Anh	O1K74	91	91	Xuất sắc	
59	1901051	Trương Thị Phương Anh	M1K74	95	95	Xuất sắc	
60	1901052	Vũ Thị Anh	O1K74	86	86	Tốt	
61	1901053	Vũ Thị Lan Anh	N1K74	86	86	Tốt	
62	1901054	Đỗ Thị Ánh	N1K74	88	88	Tốt	
63	1901055	Kim Nguyệt Ánh	Q1K74	84	84	Tốt	
64	1901056	Lê Hải Ánh	N1K74	92	92	Xuất sắc	
65	1901057	Mai Thị Nhật Ánh	P1K74	84	84	Tốt	
66	1901058	Nguyễn Ngọc Ánh	M1K74	88	88	Tốt	
67	1901059	Nguyễn Ngọc Ánh	M1K74	87	87	Tốt	
68	1901060	Nguyễn Ngọc Ánh	Q1K74	85	85	Tốt	
69	1901061	Nguyễn Thị Ánh	N1K74	86	86	Tốt	
70	1901063	Nguyễn Thị Mai Ánh	O1K74	87	87	Tốt	
71	1901064	Phạm Thu Bắc	M1K74	88	88	Tốt	
72	1901065	Trần Trọng Bằng	M1K74	88	88	Tốt	
73	1901066	Bùi Quốc Bảo	P1K74	92	92	Xuất sắc	
74	1901067	Hoàng Thái Bảo	Q1K74	83	83	Tốt	
75	1901068	Lê Đức Bảo	P1K74	86	86	Tốt	
76	1901069	Hoàng Nguyễn Bích	P1K74	86	86	Tốt	
77	1901070	Hoàng Thị Bích	M1K74	88	88	Tốt	
78	1901071	Lương Thị Bích	P1K74	87	87	Tốt	
79	1901072	Nguyễn Thị Bích	P1K74	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
80	1901073	Đỗ Thị Cải	Q1K74	84	84	Tốt	
81	1901074	Lê Hà Cẩm	M1K74	94	94	Xuất sắc	
82	1901075	Hoàng Bảo Châu	N1K74	90	90	Xuất sắc	
83	1901076	Nguyễn Lê Minh Châu	O1K74	86	86	Tốt	
84	1901077	Đào Thị Hương Chi	O1K74	86	86	Tốt	
85	1901078	Lê Thị Phương Chi	Q1K74	80	80	Tốt	
86	1901079	Nguyễn Thị Chi	O1K74	85	85	Tốt	
87	1901080	Nguyễn Thị Kim Chi	M1K74	87	87	Tốt	
88	1901081	Tạ Thị Mai Chi	N1K74	90	90	Xuất sắc	
89	1901082	Trần Khánh Chi	M1K74	85	85	Tốt	
90	1901084	Trịnh Kim Chi	O1K74	88	88	Tốt	
91	1901085	Phạm Thị Chiên	P1K74	87	87	Tốt	
92	1901086	Hoàng Thị Chinh	P1K74	90	90	Xuất sắc	
93	1901087	Lê Đăng Chính	M1K74	85	85	Tốt	
94	1901088	Nguyễn Thành Chung	N1K74	88	88	Tốt	
95	1901089	Đặng Thị Cúc	M1K74	87	87	Tốt	
96	1901090	Nguyễn Thị Cúc	O1K74	87	87	Tốt	
97	1901091	Hà Minh Cường	O1K74	86	86	Tốt	
98	1901092	Hoàng Đức Cường	P1K74	88	88	Tốt	
99	1901094	Hoàng Hữu Danh	O1K74	87	87	Tốt	
100	1901095	Đặng Thị Bích Đào	M1K74	92	92	Xuất sắc	
101	1901096	Phạm Thị Bích Đào	Q1K74	87	87	Tốt	
102	1901097	Trịnh Hồng Đạo	M1K74	92	92	Xuất sắc	
103	1901098	Hoàng Thành Đạt	M1K74	86	86	Tốt	
104	1901099	Ngô Quốc Đạt	M1K74	91	91	Xuất sắc	
105	1901100	Nguyễn Văn Đạt	Q1K74	88	88	Tốt	
106	1901101	Nguyễn Viết Thành Đạt	P1K74	82	49	Yếu	
107	1901102	Phạm Quốc Đạt	Q1K74	86	86	Tốt	
108	1901103	Vũ Đình Diệm	P1K74	87	87	Tốt	
109	1901104	Dewlavanh DOUANGSONTHI	O1K74	82	70	Khá	
110	1901105	Chu Ngọc Diệp	O1K74	87	87	Tốt	
111	1901106	Đỗ Thị Hồng Diệp	M1K74	88	88	Tốt	
112	1901107	Ngô Thị Ngọc Diệp	N1K74	86	86	Tốt	
113	1901108	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	P1K74	86	86	Tốt	
114	1901109	Trần Phương Diệp	M1K74	90	90	Xuất sắc	
115	1901110	Đỗ Thị Bích Diệp	N1K74	92	92	Xuất sắc	
116	1901111	Nguyễn Thị Diệu	O1K74	85	85	Tốt	
117	1901112	Ngô Duy Đoan	O1K74	83	83	Tốt	
118	1901113	Đoàn Bá Đức	O1K74	86	86	Tốt	
119	1901114	Lê Thành Đức	N1K74	95	95	Xuất sắc	
120	1901115	Nguyễn Hà Minh Đức	O1K74	85	85	Tốt	
121	1901116	Nguyễn Thế Đức	N1K74	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
122	1901117	Nguyễn Tiến Đức	O1K74	82	64	Trung bình	
123	1901118	Trần Vũ Đức	M1K74	90	90	Xuất sắc	
124	1901119	Trần Vũ Hoàng Đức	O1K74	86	86	Tốt	
125	1901120	Trương Trung Đức	Q1K74	87	87	Tốt	
126	1901121	Bùi Thị Thùy Dung	Q1K74	86	86	Tốt	
127	1901122	Ngô Thùy Dung	Q1K74	86	86	Tốt	
128	1901123	Nguyễn Thị Phương Dung	P1K74	86	86	Tốt	
129	1901124	Nguyễn Thị Thanh Dung	Q1K74	85	85	Tốt	
130	1901126	Nguyễn Thị Thùy Dung	M1K74	87	87	Tốt	
131	1901127	Nguyễn Thị Thùy Dung	O1K74	87	87	Tốt	
132	1901128	Thiều Thị Minh Dung	M1K74	88	88	Tốt	
133	1901129	Trần Thị Dung	N1K74	86	86	Tốt	
134	1901130	Trần Thị Dung	O1K74	86	86	Tốt	
135	1901131	Đỗ Tuấn Dũng	O1K74	85	85	Tốt	
136	1901132	Lê Tiến Dũng	N1K74	90	90	Xuất sắc	
137	1901133	Nguyễn Anh Dũng	O1K74	86	86	Tốt	
138	1901134	Trần Việt Dũng	O1K74	85	85	Tốt	
139	1901135	Vũ Tiến Dũng	Q1K74	86	86	Tốt	
140	1901136	Đỗ Thùy Dương	P1K74	85	85	Tốt	
141	1901137	Hoàng Ánh Dương	O1K74	85	85	Tốt	
142	1901138	Lê Minh Dương	N1K74	86	86	Tốt	
143	1901141	Nguyễn Nhật Dương	Q1K74	85	85	Tốt	
144	1901142	Nguyễn Quý Dương	Q1K74	84	80	Tốt	
145	1901143	Nguyễn Thế Dương	O1K74	87	87	Tốt	
146	1901144	Nguyễn Thùy Dương	N1K74	87	87	Tốt	
147	1901145	Phùng Đức Dương	O1K74	87	87	Tốt	
148	1901147	Tạ Hoàng Dương	O1K74	86	86	Tốt	
149	1901148	Lê Thị Duyên	M1K74	92	92	Xuất sắc	
150	1901149	Lê Thị Mỹ Duyên	Q1K74	86	86	Tốt	
151	1901150	Đỗ Thị Hồng Gấm	Q1K74	87	87	Tốt	
152	1901151	Đỗ Hương Giang	Q1K74	82	82	Tốt	
153	1901152	Hồ Thị Hà Giang	Q1K74	86	86	Tốt	
154	1901153	Hoàng Thị Hà Giang	N1K74	88	88	Tốt	
155	1901154	La Hương Giang	N1K74	95	95	Xuất sắc	
156	1901155	Lê Thị Giang	Q1K74	85	85	Tốt	
157	1901157	Nguyễn Hương Giang	Q1K74	85	85	Tốt	
158	1901158	Nguyễn Ninh Giang	Q1K74	86	86	Tốt	
159	1901159	Nguyễn Thị Giang	M1K74	92	92	Xuất sắc	
160	1901160	Nguyễn Thị Hương Giang	N1K74	89	89	Tốt	
161	1901161	Nguyễn Thu Giang	O1K74	86	86	Tốt	
162	1901162	Nguyễn Trường Giang	M1K74	83	83	Tốt	
163	1901163	Trần Đình Giang	O1K74	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
164	1901164	Trần Hương Giang	N1K74	92	92	Xuất sắc	
165	1901165	Trần Thị Hương Giang	M1K74	85	85	Tốt	
166	1901166	Trần Thị Thanh Giang	N1K74	87	87	Tốt	
167	1901168	Bùi Thị Hà	O1K74	88	88	Tốt	
168	1901169	Đặng Nguyệt Hà	N1K74	98	98	Xuất sắc	
169	1901170	Dương Hồng Hà	N1K74	88	88	Tốt	
170	1901171	Hoàng Mạnh Hà	M1K74	85	85	Tốt	
171	1901173	Lê Thị Hà	P1K74	86	86	Tốt	
172	1901174	Nguyễn Minh Hà	Q1K74	85	85	Tốt	
173	1901175	Nguyễn Thị Thu Hà	Q1K74	84	84	Tốt	
174	1901176	Phạm Ngọc Hà	N1K74	86	86	Tốt	
175	1901177	Phạm Nguyễn Phương Hà	P1K74	90	90	Xuất sắc	
176	1901178	Phan Thị Thanh Hà	N1K74	87	87	Tốt	
177	1901179	Phùng Thị Thanh Hà	Q1K74	84	84	Tốt	
178	1901180	Tô Thị Thu Hà	N1K74	93	93	Xuất sắc	
179	1901181	Trần Ngân Hà	O1K74	97	97	Xuất sắc	
180	1901182	Trần Thị Thu Hà	N1K74	87	87	Tốt	
181	1901183	Trần Thị Thúy Hà	O1K74	85	85	Tốt	
182	1901184	Lê Thu Hạ	O1K74	88	88	Tốt	
183	1901185	Trần Việt Hạ	M1K74	99	99	Xuất sắc	
184	1901186	Lê Hoàng Hải	Q1K74	83	83	Tốt	
185	1901187	Ninh Văn Hải	O1K74	87	87	Tốt	
186	1901189	Phạm Thị Hồng Hải	N1K74	88	88	Tốt	
187	1901190	Vũ Thị Hải	O1K74	85	85	Tốt	
188	1901191	Trần Thị Ngọc Hân	N1K74	96	96	Xuất sắc	
189	1901192	Đặng Thanh Hằng	M1K74	92	92	Xuất sắc	
190	1901193	Đỗ Bích Hằng	M1K74	86	86	Tốt	
191	1901194	Giang Thúy Hằng	O1K74	85	85	Tốt	
192	1901195	Lê Minh Hằng	O1K74	92	92	Xuất sắc	
193	1901196	Lê Thị Thanh Hằng	M1K74	89	89	Tốt	
194	1901197	Ngô Thúy Hằng	M1K74	92	92	Xuất sắc	
195	1901198	Nguyễn Minh Hằng	M1K74	90	90	Xuất sắc	
196	1901199	Nguyễn Minh Hằng	O1K74	86	86	Tốt	
197	1901201	Nguyễn Thị Hằng	M1K74	86	86	Tốt	
198	1901202	Nguyễn Thị Hằng	M1K74	87	87	Tốt	
199	1901203	Nguyễn Thị Hằng	Q1K74	86	86	Tốt	
200	1901204	Nguyễn Thị Thu Hằng	N1K74	92	92	Xuất sắc	
201	1901205	Nguyễn Thị Thu Hằng	P1K74	85	85	Tốt	
202	1901206	Phạm Thị Minh Hằng	Q1K74	85	75	Khá	Khiển trách
203	1901207	Vũ Minh Hằng	P1K74	87	87	Tốt	
204	1901208	Đinh Thị Hồng Hạnh	O1K74	87	87	Tốt	
205	1901210	Lê Thị Hồng Hạnh	P1K74	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
206	1901211	Nguyễn Thị Hạnh	P1K74	91	91	Xuất sắc	
207	1901212	Nguyễn Thị Hạnh	Q1K74	85	85	Tốt	
208	1901213	Vũ Hồng Hạnh	M1K74	92	92	Xuất sắc	
209	1901214	Lê Thị Hậu	Q1K74	85	85	Tốt	
210	1901215	Quản Thị Hậu	M1K74	88	88	Tốt	
211	1901216	Bùi Thị Thu Hiền	Q1K74	86	86	Tốt	
212	1901217	Chu Thị Thanh Hiền	M1K74	87	87	Tốt	
213	1901219	Lê Thị Thúy Hiền	P1K74	86	86	Tốt	
214	1901220	Nguyễn Thị Thanh Hiền	N1K74	92	92	Xuất sắc	
215	1901221	Nguyễn Thu Hiền	M1K74	85	85	Tốt	
216	1901222	Nguyễn Thúy Hiền	O1K74	86	86	Tốt	
217	1901223	Phan Thảo Hiền	M1K74	92	92	Xuất sắc	
218	1901224	Trần Thu Hiền	N1K74	88	88	Tốt	
219	1901225	Trần Thu Hiền	Q1K74	85	85	Tốt	
220	1901226	Võ Minh Hiền	M1K74	92	92	Xuất sắc	
221	1901227	Hoàng Trung Hiếu	P1K74	85	85	Tốt	
222	1901231	Nguyễn Trung Hiếu	Q1K74	83	83	Tốt	
223	1901233	Trần Văn Hiếu	P1K74	86	86	Tốt	
224	1901234	Vũ Minh Hiếu	O1K74	85	85	Tốt	
225	1901235	Bùi Thị Hoa	N1K74	89	89	Tốt	
226	1901236	Nguyễn Thị Hoa	N1K74	86	86	Tốt	
227	1901237	Nguyễn Thị Hoa	Q1K74	82	82	Tốt	
228	1901239	Trần Thị Hoa	Q1K74	87	87	Tốt	
229	1901240	Vũ Nguyễn Minh Hoa	O1K74	85	85	Tốt	
230	1901241	Lê Thị Hòa	O1K74	86	86	Tốt	
231	1901242	Nguyễn Thị Hoài	P1K74	86	86	Tốt	
232	1901243	Nguyễn Thị Hoài	M1K74	85	85	Tốt	
233	1901244	Nguyễn Thị Thu Hoài	P1K74	85	85	Tốt	
234	1901245	Phạm Thị Thu Hoài	M1K74	86	86	Tốt	
235	1901246	Nguyễn Công Hoan	P1K74	85	85	Tốt	
236	1901247	Dương Thế Hoàng	Q1K74	83	79	Khá	
237	1901248	Lại Việt Hoàng	N1K74	87	87	Tốt	
238	1901249	Nguyễn Huy Hoàng	O1K74	89	89	Tốt	
239	1901250	Nguyễn Tiến Hoàng	P1K74	81	81	Tốt	
240	1901252	Phạm Tuấn Hoàng	N1K74	87	87	Tốt	
241	1901253	Phương Mạnh Hoàng	O1K74	92	92	Xuất sắc	
242	1901254	Quách Huy Hoàng	Q1K74	81	79	Khá	
243	1901255	Trần Thủy Hoàng	N1K74	90	90	Xuất sắc	
244	1901256	Vũ Thanh Hoàng	Q1K74	85	85	Tốt	
245	1901257	Tô Minh Hoành	M1K74	90	90	Xuất sắc	
246	1901258	Nguyễn Thị Thu Hồng	O1K74	86	86	Tốt	
247	1901259	Nguyễn Thị Thu Hồng	O1K74	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
248	1901260	Dương Văn Huân	N1K74	86	86	Tốt	
249	1901261	Nguyễn Thị Huê	P1K74	86	86	Tốt	
250	1901262	Nguyễn Thị Minh Huệ	N1K74	92	92	Xuất sắc	
251	1901263	Đinh Thu Huệ	N1K74	85	85	Tốt	
252	1901264	Đỗ Thị Thu Huệ	O1K74	86	86	Tốt	
253	1901265	Hoàng Mai Huệ	P1K74	86	86	Tốt	
254	1901266	Trần Thị Huệ	N1K74	88	88	Tốt	
255	1901267	Nguyễn Xuân Hùng	Q1K74	83	83	Tốt	
256	1901268	Nghiêm Xuân Hưng	O1K74	86	86	Tốt	
257	1901269	Vũ Mạnh Hưng	M1K74	98	98	Xuất sắc	
258	1901270	Bùi Thị Hương	Q1K74	85	85	Tốt	
259	1901271	Đỗ Thị Hương	Q1K74	84	84	Tốt	
260	1901273	Hoàng Thị Lan Hương	M1K74	93	93	Xuất sắc	
261	1901274	Lê Quỳnh Hương	P1K74	89	89	Tốt	
262	1901275	Lê Thị Lan Hương	Q1K74	86	86	Tốt	
263	1901276	Lê Thị Thu Hương	N1K74	97	97	Xuất sắc	
264	1901277	Ngô Thị Quỳnh Hương	N1K74	85	85	Tốt	
265	1901278	Nguyễn Kim Hương	P1K74	82	80	Tốt	
266	1901279	Nguyễn Mai Hương	P1K74	87	87	Tốt	
267	1901280	Nguyễn Thị Mai Hương	M1K74	88	88	Tốt	
268	1901281	Nguyễn Thị Thu Hương	M1K74	87	87	Tốt	
269	1901282	Nguyễn Thu Hương	M1K74	90	90	Xuất sắc	
270	1901283	Nguyễn Thu Hương	N1K74	90	90	Xuất sắc	
271	1901284	Phí Mai Hương	Q1K74	85	85	Tốt	
272	1901285	Vũ Thị Hương	Q1K74	83	83	Tốt	
273	1901286	Bùi Thị Thu Hường	O1K74	86	86	Tốt	
274	1901287	Kiều Thị Hường	Q1K74	85	85	Tốt	
275	1901288	Nguyễn Thu Hường	Q1K74	85	85	Tốt	
276	1901289	Vương Thị Hường	Q1K74	85	85	Tốt	
277	1901290	Đoàn Quốc Huy	P1K74	87	87	Tốt	
278	1901291	Dương Quang Huy	N1K74	86	86	Tốt	
279	1901292	Hoàng Anh Huy	O1K74	85	85	Tốt	
280	1901294	Lê Quang Huy	Q1K74	89	89	Tốt	
281	1901295	Nguyễn Hữu Huy	N1K74	88	88	Tốt	
282	1901296	Nguyễn Ngọc Quang Huy	O1K74	85	85	Tốt	
283	1901297	Nguyễn Thành Huy	P1K74	87	87	Tốt	
284	1901298	Phạm Quốc Huy	O1K74	81	81	Tốt	
285	1901299	Trần Quang Huy	Q1K74	86	86	Tốt	
286	1901300	Vũ Khắc Huy	M1K74	92	92	Xuất sắc	
287	1901301	Cao Thị Hoàng Huyền	M1K74	87	87	Tốt	
288	1901302	Hà Thu Huyền	M1K74	92	92	Xuất sắc	
289	1901303	Hoàng Thị Huyền	M1K74	88	88	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
290	1901304	Hoàng Thị Khánh Huyền	P1K74	85	85	Tốt	
291	1901305	Kim Thị Khánh Huyền	N1K74	84	84	Tốt	
292	1901306	Lê Thanh Huyền	N1K74	89	89	Tốt	
293	1901307	Lê Thị Khánh Huyền	N1K74	87	87	Tốt	
294	1901308	Nguyễn Thị Huyền	O1K74	86	86	Tốt	
295	1901309	Nguyễn Thị Huyền	Q1K74	84	84	Tốt	
296	1901310	Nguyễn Thị Khánh Huyền	P1K74	93	93	Xuất sắc	
297	1901311	Nguyễn Thị Thanh Huyền	N1K74	95	95	Xuất sắc	
298	1901312	Nguyễn Thu Huyền	M1K74	86	86	Tốt	
299	1901313	Phạm Ngọc Huyền	N1K74	87	77	Khá	Khiến trách
300	1901316	Tạ Thị Huyền	M1K74	88	88	Tốt	
301	1901317	Trần Thị Khánh Huyền	M1K74	95	95	Xuất sắc	
302	1901318	Trần Thị Thanh Huyền	M1K74	90	90	Xuất sắc	
303	1901319	Trần Thị Thu Huyền	M1K74	93	93	Xuất sắc	
304	1901320	Trương Khánh Huyền	O1K74	85	75	Khá	Khiến trách
305	1901321	Phạm Đình Huỳnh	Q1K74	83	83	Tốt	
306	1901322	Hồ Nguyên Khanh	O1K74	96	96	Xuất sắc	
307	1901323	Đào Nguyệt Khánh	N1K74	87	87	Tốt	
308	1901324	Hoàng Quốc Khánh	Q1K74	88	88	Tốt	
309	1901326	Phạm An Khánh	M1K74	95	95	Xuất sắc	
310	1901327	Trần Quang Khuê	P1K74	84	84	Tốt	
311	1901328	Nguyễn Công Khương	M1K74	90	90	Xuất sắc	
312	1901329	Thái Trung Kiên	O1K74	86	86	Tốt	
313	1901330	Trần Trung Kiên	O1K74	92	90	Xuất sắc	
314	1901331	Trịnh Minh Kiên	O1K74	87	87	Tốt	
315	1901332	Võ Trung Kiên	O1K74	86	86	Tốt	
316	1901333	Lương Thị Thanh Lam	Q1K74	84	84	Tốt	
317	1901334	Nguyễn Thị Thanh Lam	N1K74	86	86	Tốt	
318	1901336	Mai Duy Lâm	O1K74	84	80	Tốt	
319	1901337	Nguyễn Thị Ngọc Lan	M1K74	86	86	Tốt	
320	1901338	Nguyễn Thị Phương Lan	O1K74	85	85	Tốt	
321	1901339	Phạm Thị Mai Lan	Q1K74	81	81	Tốt	
322	1901340	Vũ Thị Thu Lan	M1K74	90	90	Xuất sắc	
323	1901341	Nguyễn Đô Lanh	O1K74	86	86	Tốt	
324	1901343	Đặng Thị Lành	N1K74	87	87	Tốt	
325	1901344	Triệu Thị Lập	N1K74	86	86	Tốt	
326	1901345	Trần Thị Lê	P1K74	86	86	Tốt	
327	1901346	Lê Nhật Lệ	O1K74	87	87	Tốt	
328	1901347	Phạm Hoàng Lịch	M1K74	87	87	Tốt	
329	1901348	Nguyễn Cao Liêm	Q1K74	85	85	Tốt	
330	1901349	Nguyễn Phương Liên	Q1K74	85	85	Tốt	
331	1901350	Nguyễn Thị Bích Liên	Q1K74	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
332	1901351	Nguyễn Văn Liên	P1K74	82	60	Trung bình	Cảnh cáo
333	1901352	Phạm Thị Liễu	O1K74	86	86	Tốt	
334	1901353	Cao Tùng Linh	Q1K74	83	83	Tốt	
335	1901354	Đào Thị Diệu Linh	O1K74	87	87	Tốt	
336	1901355	Đậu Thị Thùy Linh	Q1K74	87	87	Tốt	
337	1901357	Dương Thị Khánh Linh	O1K74	85	85	Tốt	
338	1901358	Dương Thị Thùy Linh	M1K74	89	89	Tốt	
339	1901359	Hoàng Thị Thùy Linh	Q1K74	86	86	Tốt	
340	1901360	Lê Khánh Linh	N1K74	84	84	Tốt	
341	1901361	Lê Ngọc Linh	M1K74	92	92	Xuất sắc	
342	1901362	Lê Phương Linh	O1K74	87	87	Tốt	
343	1901363	Lê Thị Linh	M1K74	89	89	Tốt	
344	1901364	Lê Thị Mai Linh	P1K74	86	86	Tốt	
345	1901365	Ngô Thùy Linh	Q1K74	87	87	Tốt	
346	1901366	Ngũ Văn Linh	O1K74	83	79	Khá	
347	1901367	Nguyễn Khánh Linh	N1K74	87	87	Tốt	
348	1901368	Nguyễn Khánh Linh	O1K74	85	85	Tốt	
349	1901369	Nguyễn Ngọc Linh	Q1K74	86	86	Tốt	
350	1901370	Nguyễn Phương Linh	P1K74	84	84	Tốt	
351	1901371	Nguyễn Thị Linh	M1K74	86	86	Tốt	
352	1901372	Nguyễn Thị Linh	N1K74	95	95	Xuất sắc	
353	1901373	Nguyễn Thị Thảo Linh	N1K74	91	91	Xuất sắc	
354	1901374	Phạm Khánh Linh	N1K74	87	87	Tốt	
355	1901375	Phan Hà Linh	O1K74	85	75	Khá	Khiển trách
356	1901376	Phan Thị Linh	N1K74	93	93	Xuất sắc	
357	1901378	Thái Nguyễn Thảo Linh	Q1K74	85	85	Tốt	
358	1901379	Tổng Khánh Linh	N1K74	91	91	Xuất sắc	
359	1901380	Trần Hải Linh	M1K74	91	91	Xuất sắc	
360	1901381	Trần Khánh Linh	M1K74	88	88	Tốt	
361	1901382	Trần Thị Linh	M1K74	87	87	Tốt	
362	1901383	Triệu Thị Linh	N1K74	87	87	Tốt	
363	1901384	Trịnh Khánh Linh	P1K74	86	86	Tốt	
364	1901385	Vũ Thùy Linh	N1K74	92	92	Xuất sắc	
365	1901386	Kim Thị Hồng Lĩnh	N1K74	91	91	Xuất sắc	
366	1901387	Đỗ Đoàn Phương Loan	Q1K74	83	83	Tốt	
367	1901388	Đỗ Hiếu Loan	M1K74	87	87	Tốt	
368	1901389	Hà Thị Loan	P1K74	83	83	Tốt	
369	1901390	Hoàng Thị Loan	M1K74	96	96	Xuất sắc	
370	1901391	Lý Thị Loan	N1K74	86	86	Tốt	
371	1901392	Bùi Đức Long	M1K74	84	84	Tốt	
372	1901393	Bùi Nhật Long	O1K74	86	86	Tốt	
373	1901394	Lê Thiên Bảo Long	M1K74	94	94	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
374	1901395	Nguyễn Thành Long	N1K74	87	87	Tốt	
375	1901396	Nguyễn Thị Cẩm Long	P1K74	85	85	Tốt	
376	1901397	Phạm Ngọc Long	Q1K74	85	85	Tốt	
377	1901399	Trần Hoàng Long	N1K74	97	97	Xuất sắc	
378	1901400	Lư Thị Luân	P1K74	86	86	Tốt	
379	1901401	Nhâm Đình Luân	P1K74	86	86	Tốt	
380	1901402	Nguyễn Thế Luật	M1K74	86	86	Tốt	
381	1901403	Nguyễn Thế Lực	O1K74	86	86	Tốt	
382	1901404	Bùi Đức Lương	O1K74	88	88	Tốt	
383	1901405	Vũ Đức Lương	O1K74	79	70	Khá	
384	1901406	Vũ Thị Lương	Q1K74	86	86	Tốt	
385	1901407	Lê Duy Lượng	P1K74	82	82	Tốt	
386	1901408	Nguyễn Thị Luyến	O1K74	86	86	Tốt	
387	1901409	Bùi Thị Khánh Ly	P1K74	85	85	Tốt	
388	1901410	Đậu Thị Khánh Ly	N1K74	92	92	Xuất sắc	
389	1901411	Nguyễn Hương Ly	Q1K74	86	86	Tốt	
390	1901412	Nguyễn Khánh Ly	N1K74	92	92	Xuất sắc	
391	1901413	Nguyễn Khánh Ly	O1K74	83	83	Tốt	
392	1901414	Nguyễn Thị Hà Ly	N1K74	85	85	Tốt	
393	1901415	Nguyễn Thị Khánh Ly	M1K74	95	95	Xuất sắc	
394	1901416	Nguyễn Thị Khánh Ly	Q1K74	88	88	Tốt	
395	1901417	Nguyễn Thị Kiều Ly	P1K74	86	86	Tốt	
396	1901418	Nguyễn Thị Lưu Ly	O1K74	87	87	Tốt	
397	1901421	Trịnh Khánh Ly	P1K74	92	92	Xuất sắc	
398	1901422	Phùng Thị Lý	P1K74	87	87	Tốt	
399	1901423	Trương Thị Hồng Lý	M1K74	88	88	Tốt	
400	1901424	Đặng Thị Hoa Mai	M1K74	86	86	Tốt	
401	1901425	Đinh Thị Mai	P1K74	85	85	Tốt	
402	1901426	Đỗ Thị Mai	M1K74	87	87	Tốt	
403	1901427	Nguyễn Hương Mai	N1K74	86	86	Tốt	
404	1901428	Nguyễn Ngọc Mai	P1K74	87	87	Tốt	
405	1901429	Nguyễn Quỳnh Mai	N1K74	87	87	Tốt	
406	1901430	Nguyễn Thanh Mai	Q1K74	90	90	Xuất sắc	
407	1901431	Nguyễn Thị Tuyết Mai	O1K74	87	87	Tốt	
408	1901432	Nguyễn Thị Xuân Mai	O1K74	86	86	Tốt	
409	1901433	Phạm Thanh Mai	Q1K74	85	85	Tốt	
410	1901434	Phạm Thị Phương Mai	M1K74	92	92	Xuất sắc	
411	1901435	Phùng Thị Mai	P1K74	84	84	Tốt	
412	1901436	Trương Thị Ngọc Mai	Q1K74	88	88	Tốt	
413	1901437	Vũ Quỳnh Mai	M1K74	88	88	Tốt	
414	1901438	Shyphayvan MANGNOMEK	O1K74	86	86	Tốt	
415	1901439	Nguyễn Đức Mạnh	P1K74	86	76	Khá	Khiển trách

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
416	1901441	Nguyễn Tiến Mạnh	O1K74	85	85	Tốt	
417	1901442	Phan Đăng Tuấn Mạnh	Q1K74	86	86	Tốt	
418	1901443	Bùi Nhật Minh	N1K74	87	87	Tốt	
419	1901444	Đào Tuấn Minh	O1K74	86	86	Tốt	
420	1901445	Lê Đình Nhật Minh	M1K74	88	88	Tốt	
421	1901446	Lê Ngọc Minh	N1K74	88	88	Tốt	
422	1901447	Lê Thị Hồng Minh	P1K74	87	87	Tốt	
423	1901448	Nguyễn Thị Hồng Minh	O1K74	85	85	Tốt	
424	1901449	Nguyễn Tuấn Minh	O1K74	86	86	Tốt	
425	1901450	Phí Quang Minh	M1K74	90	90	Xuất sắc	
426	1901451	Trịnh Quang Minh	O1K74	87	87	Tốt	
427	1901452	Trương Cao Minh	N1K74	90	90	Xuất sắc	
428	1901453	Vũ Đức Minh	Q1K74	84	84	Tốt	
429	1901454	Đặng Trà My	N1K74	86	86	Tốt	
430	1901455	Lương Thị Trà My	N1K74	87	87	Tốt	
431	1901456	Nguyễn Thị Trà My	O1K74	85	85	Tốt	
432	1901457	Nguyễn Thị Trà My	O1K74	86	86	Tốt	
433	1901458	Vũ Ánh Mỹ	O1K74	86	86	Tốt	
434	1901459	Vũ Hồng My	O1K74	86	86	Tốt	
435	1901460	Bùi Minh Nam	N1K74	87	87	Tốt	
436	1901463	Phạm Hoài Nam	N1K74	83	83	Tốt	
437	1901465	Phạm Phương Nam	O1K74	82	82	Tốt	
438	1901466	Đào Thị Nga	P1K74	86	86	Tốt	
439	1901467	Đỗ Thị Nga	N1K74	99	99	Xuất sắc	
440	1901468	Lê Bảo Nga	Q1K74	81	81	Tốt	
441	1901469	Mai Thị Nga	N1K74	90	90	Xuất sắc	
442	1901470	Ngô Hằng Nga	N1K74	89	89	Tốt	
443	1901471	Nguyễn Lê Phương Nga	N1K74	88	88	Tốt	
444	1901472	Nguyễn Thị Nga	M1K74	90	90	Xuất sắc	
445	1901473	Nguyễn Thị Nga	M1K74	92	92	Xuất sắc	
446	1901474	Nguyễn Thị Phương Nga	N1K74	86	86	Tốt	
447	1901475	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	O1K74	85	85	Tốt	
448	1901476	Nguyễn Thúy Nga	N1K74	88	88	Tốt	
449	1901477	Trần Quỳnh Nga	M1K74	94	94	Xuất sắc	
450	1901478	Võ Thị Ngọc Nga	N1K74	84	84	Tốt	
451	1901479	Vũ Thị Nga	P1K74	85	85	Tốt	
452	1901480	Bùi Thị Ngân	N1K74	87	87	Tốt	
453	1901481	Bùi Vũ Thủy Ngân	Q1K74	85	85	Tốt	
454	1901483	Đặng Thị Ngân	Q1K74	84	84	Tốt	
455	1901484	Nguyễn Thị Hồng Ngân	M1K74	90	90	Xuất sắc	
456	1901485	Nguyễn Thị Ngân	P1K74	85	85	Tốt	
457	1901486	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	N1K74	95	95	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
458	1901487	Nguyễn Thị Thu Ngân	Q1K74	92	92	Xuất sắc	
459	1901488	Nguyễn Trọng Hoàng Ngân	P1K74	89	89	Tốt	
460	1901489	Trần Kim Ngân	N1K74	88	88	Tốt	
461	1901490	Trần Thúy Ngân	Q1K74	85	85	Tốt	
462	1901491	Vương Thảo Ngân	N1K74	93	93	Xuất sắc	
463	1901492	Hoàng Đại Nghĩa	O1K74	86	86	Tốt	
464	1901493	Trần Xuân Nghĩa	O1K74	85	85	Tốt	
465	1901494	Bùi Minh Ngọc	Q1K74	85	85	Tốt	
466	1901495	Đinh Thúy Ngọc	M1K74	87	87	Tốt	
467	1901496	Đoàn Thị Như Ngọc	O1K74	85	85	Tốt	
468	1901497	Hà Bảo Ngọc	M1K74	88	88	Tốt	
469	1901498	Lê Thị Bảo Ngọc	P1K74	86	86	Tốt	
470	1901499	Lưu Bảo Ngọc	M1K74	85	85	Tốt	
471	1901500	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	M1K74	91	91	Xuất sắc	
472	1901501	Nguyễn Thị Bích Ngọc	M1K74	94	94	Xuất sắc	
473	1901502	Nguyễn Thị Ngọc	Q1K74	82	82	Tốt	
474	1901504	Phạm Ánh Ngọc	P1K74	98	98	Xuất sắc	
475	1901505	Phạm Bích Ngọc	M1K74	85	85	Tốt	
476	1901506	Phạm Đặng Hồng Ngọc	Q1K74	85	85	Tốt	
477	1901507	Phạm Thị Minh Ngọc	N1K74	86	86	Tốt	
478	1901508	Phan Thị Hồng Ngọc	M1K74	88	88	Tốt	
479	1901509	Phùng Thị Kim Ngọc	P1K74	86	86	Tốt	
480	1901510	Đỗ Thảo Nguyên	N1K74	86	86	Tốt	
481	1901511	Thái Vũ Thảo Nguyên	M1K74	89	89	Tốt	
482	1901512	Đinh Thị Thu Nguyệt	P1K74	86	86	Tốt	
483	1901513	Lê Thị Nguyệt	O1K74	87	87	Tốt	
484	1901515	Ninh Quang Nhã	Q1K74	87	87	Tốt	
485	1901516	Nguyễn Thị Nhãn	M1K74	87	87	Tốt	
486	1901517	Hoàng Yến Nhi	P1K74	85	85	Tốt	
487	1901518	Lương Thị Huyền Nhi	Q1K74	81	81	Tốt	
488	1901519	Nguyễn Thị Nhi	N1K74	91	91	Xuất sắc	
489	1901522	Chu Hồng Nhung	O1K74	86	86	Tốt	
490	1901523	Chu Thị Hồng Nhung	Q1K74	82	82	Tốt	
491	1901526	Nguyễn Hồng Nhung	M1K74	87	87	Tốt	
492	1901527	Nguyễn Thị Nhung	M1K74	89	89	Tốt	
493	1901528	Nguyễn Thị Nhung	Q1K74	86	86	Tốt	
494	1901529	Phạm Thị Kiều Nhung	N1K74	90	90	Xuất sắc	
495	1901530	Phạm Thị Nhung	Q1K74	84	84	Tốt	
496	1901531	Trịnh Hồng Nhung	P1K74	84	79	Khá	
497	1901532	Vũ Hồng Nhung	N1K74	86	86	Tốt	
498	1901533	Phạm Duy Niên	Q1K74	83	83	Tốt	
499	1901534	Bùi Thị Oanh	O1K74	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
500	1901535	Hà Kiều Oanh	M1K74	86	86	Tốt	
501	1901536	Aoyma PHIMKEO	O1K74	83	65	Khá	
502	1901537	Đặng Hoàng Phong	P1K74	98	98	Xuất sắc	
503	1901538	Nguyễn Văn Phú	P1K74	85	85	Tốt	
504	1901539	Nguyễn Hồng Phúc	P1K74	82	40	Yếu	Đình chỉ HT
505	1901540	Trịnh Thị Phúc	O1K74	86	86	Tốt	
506	1901541	Vũ Ngọc Phúc	Q1K74	80	79	Khá	
507	1901542	Vũ Văn Phùng	M1K74	95	95	Xuất sắc	
508	1901543	Chu Thị Phương	M1K74	87	87	Tốt	
509	1901544	Chu Thị Phương	N1K74	90	90	Xuất sắc	
510	1901545	Noknoy PHAENGMIXAY	O1K74	84	70	Khá	
511	1901546	Đặng Thị Hoài Phương	M1K74	88	88	Tốt	
512	1901547	Đỗ Nguyên Phương	O1K74	90	90	Xuất sắc	
513	1901548	Đỗ Thị Thanh Phương	Q1K74	81	81	Tốt	
514	1901549	Dương Thu Phương	O1K74	85	85	Tốt	
515	1901550	Hoàng Thị Yến Phương	P1K74	82	49	Yếu	Đình chỉ HT
516	1901551	Lê Thị Thảo Phương	P1K74	86	86	Tốt	
517	1901552	Mai Thanh Phương	Q1K74	87	87	Tốt	
518	1901553	Mai Vân Phương	N1K74	90	90	Xuất sắc	
519	1901555	Nguyễn Mai Phương	Q1K74	91	90	Xuất sắc	
520	1901556	Nguyễn Thị Phương Phương	O1K74	85	85	Tốt	
521	1901557	Nguyễn Thu Phương	M1K74	88	88	Tốt	
522	1901558	Nông Thị Thu Phương	P1K74	86	86	Tốt	
523	1901559	Phạm Minh Phương	O1K74	84	84	Tốt	
524	1901560	Phạm Thị Phương	M1K74	86	86	Tốt	
525	1901561	Phạm Thị Phương	O1K74	87	87	Tốt	
526	1901562	Trần Thị Phương	O1K74	87	87	Tốt	
527	1901563	Trần Thu Phương	O1K74	87	87	Tốt	
528	1901564	Vũ Minh Phương	N1K74	87	87	Tốt	
529	1901565	Đinh Thị Phương	O1K74	86	86	Tốt	
530	1901567	Nguyễn Bích Phương	O1K74	88	88	Tốt	
531	1901568	Nguyễn Thị Phương	P1K74	86	86	Tốt	
532	1901569	Trần Thị Phương	N1K74	89	89	Tốt	
533	1901571	Phạm Minh Quân	M1K74	87	87	Tốt	
534	1901572	Trần Hồng Quân	M1K74	89	89	Tốt	
535	1901573	Trịnh Minh Quân	P1K74	84	84	Tốt	
536	1901575	Đỗ Ngọc Quang	M1K74	96	96	Xuất sắc	
537	1901576	Kiều Thế Quang	P1K74	87	87	Tốt	
538	1901577	Nguyễn Minh Quang	N1K74	91	91	Xuất sắc	
539	1901578	Vũ Minh Quang	Q1K74	85	85	Tốt	
540	1901580	Trần Nhật Quế	P1K74	86	86	Tốt	
541	1901581	Đào Việt Quốc	P1K74	96	96	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
542	1901582	Đỗ Khương Bảo Quốc	O1K74	78	78	Khá	
543	1901583	Ngô Kiến Quốc	O1K74	84	80	Tốt	
544	1901584	Dương Quang Quý	M1K74	92	92	Xuất sắc	
545	1901585	Nguyễn Thị Quyên	O1K74	87	87	Tốt	
546	1901586	Phạm Thị Lệ Quyên	M1K74	91	91	Xuất sắc	
547	1901588	Tạ An Quyên	Q1K74	86	86	Tốt	
548	1901590	Đặng Diễm Quỳnh	O1K74	87	87	Tốt	
549	1901591	Hoàng Như Quỳnh	M1K74	87	87	Tốt	
550	1901592	Lê Thị Quỳnh	M1K74	96	96	Xuất sắc	
551	1901593	Nguyễn Ngọc Quỳnh	P1K74	86	86	Tốt	
552	1901594	Nguyễn Thị Như Quỳnh	N1K74	89	89	Tốt	
553	1901595	Phạm Đức Quỳnh	P1K74	86	86	Tốt	
554	1901596	Phạm Thị Diễm Quỳnh	N1K74	86	86	Tốt	
555	1901597	Phạm Thị Xuân Quỳnh	N1K74	88	88	Tốt	
556	1901598	Trần Như Quỳnh	N1K74	90	90	Xuất sắc	
557	1901599	Vũ Thị Mai Quỳnh	N1K74	92	92	Xuất sắc	
558	1901600	Ousara SICHALEUNE	O1K74	75	65	Khá	
559	1901601	Đinh Thị Sim	N1K74	88	88	Tốt	
560	1901602	Đặng Ngọc Sơn	O1K74	86	86	Tốt	
561	1901603	Đoàn Ngân Sơn	P1K74	85	85	Tốt	
562	1901604	Lê Trường Sơn	O1K74	83	83	Tốt	
563	1901606	Nguyễn Trường Sơn	M1K74	97	97	Xuất sắc	
564	1901607	Trần Tiến Sỹ	O1K74	87	87	Tốt	
565	1901609	Đặng Thị Tâm	N1K74	79	79	Khá	
566	1901610	Dương Thị Thanh Tâm	P1K74	83	83	Tốt	
567	1901611	Hoàng Minh Tấn	O1K74	85	85	Tốt	
568	1901612	Hoàng Xuân Thái	M1K74	87	87	Tốt	
569	1901615	Trần Minh Thái	N1K74	84	84	Tốt	
570	1901616	Trần Ngọc Thái	O1K74	88	88	Tốt	
571	1901617	Trịnh Thị Hồng Thắm	N1K74	87	87	Tốt	
572	1901618	Hoàng Văn Thắng	Q1K74	84	84	Tốt	
573	1901620	Đỗ Khắc Thắng	P1K74	87	87	Tốt	
574	1901622	Mai Quyết Thắng	M1K74	87	87	Tốt	
575	1901623	Nguyễn Trần Đức Thắng	O1K74	82	79	Khá	
576	1901624	Kiều Hà Thanh	M1K74	98	98	Xuất sắc	
577	1901625	Lê Phương Thanh	M1K74	90	90	Xuất sắc	
578	1901626	Phạm Thị Thu Thanh	N1K74	86	86	Tốt	
579	1901627	Trịnh Thị Thanh Thanh	Q1K74	84	84	Tốt	
580	1901628	Nguyễn Văn Thành	Q1K74	76	76	Khá	
581	1901630	Thiều Đức Thành	M1K74	84	84	Tốt	
582	1901631	Bùi Thị Phương Thảo	N1K74	83	83	Tốt	
583	1901632	Đỗ Phương Thảo	M1K74	89	89	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
584	1901633	Đỗ Thị Phương Thảo	N1K74	84	84	Tốt	
585	1901634	Hoàng Phương Thảo	N1K74	86	86	Tốt	
586	1901635	Hoàng Thị Phương Thảo	O1K74	84	84	Tốt	
587	1901636	Hoàng Thị Thảo	M1K74	86	86	Tốt	
588	1901637	Lê Thị Thảo	M1K74	90	90	Xuất sắc	
589	1901638	Nguyễn Phương Thảo	M1K74	92	92	Xuất sắc	
590	1901639	Nguyễn Phương Thảo	M1K74	88	88	Tốt	
591	1901640	Nguyễn Phương Thảo	N1K74	92	92	Xuất sắc	
592	1901641	Nguyễn Phương Thảo	N1K74	93	93	Xuất sắc	
593	1901642	Nguyễn Phương Thảo	Q1K74	83	83	Tốt	
594	1901643	Nguyễn Thanh Thảo	N1K74	86	86	Tốt	
595	1901644	Nguyễn Thị Phương Thảo	P1K74	86	86	Tốt	
596	1901647	Nguyễn Thị Thảo	M1K74	86	86	Tốt	
597	1901648	Nguyễn Thị Thảo	O1K74	86	86	Tốt	
598	1901649	Phạm Thị Phương Thảo	M1K74	86	86	Tốt	
599	1901651	Phạm Thị Thu Thảo	M1K74	87	87	Tốt	
600	1901652	Phan Minh Thảo	M1K74	87	87	Tốt	
601	1901653	Trần Phương Thảo	O1K74	86	86	Tốt	
602	1901654	Trần Thị Bích Thảo	Q1K74	88	88	Tốt	
603	1901655	Trần Thị Phương Thảo	M1K74	90	90	Xuất sắc	
604	1901656	Trần Thu Thảo	M1K74	95	95	Xuất sắc	
605	1901657	Trương Thị Hương Thảo	P1K74	86	86	Tốt	
606	1901658	Trương Thị Thảo	N1K74	86	86	Tốt	
607	1901659	Đinh Thị Thêu	P1K74	86	86	Tốt	
608	1901660	Phạm Thị Hồng Thêu	M1K74	93	93	Xuất sắc	
609	1901662	Phạm Hưng Thịnh	N1K74	87	87	Tốt	
610	1901663	Lưu Thị Thơ	M1K74	93	93	Xuất sắc	
611	1901664	Nguyễn Thị Thom	P1K74	91	91	Xuất sắc	
612	1901665	Nguyễn Thị Thom	M1K74	85	85	Tốt	
613	1901666	Lê Thị Hoài Thu	Q1K74	80	80	Tốt	
614	1901667	Lương Nguyễn Hà Thu	P1K74	84	84	Tốt	
615	1901668	Nguyễn Song Thu	N1K74	92	92	Xuất sắc	
616	1901669	Nguyễn Thị Thu	P1K74	85	85	Tốt	
617	1901670	Nguyễn Thị Thu	N1K74	87	87	Tốt	
618	1901672	Nguyễn Thị Thu	P1K74	84	80	Tốt	
619	1901673	Trần Thị Thu	N1K74	87	87	Tốt	
620	1901674	Lê Anh Thu	M1K74	100	100	Xuất sắc	
621	1901675	Nguyễn Anh Thu	N1K74	86	86	Tốt	
622	1901676	Nguyễn Anh Thu	M1K74	87	87	Tốt	
623	1901677	Nguyễn Hoàng Thanh Thu	N1K74	87	87	Tốt	
624	1901678	Đinh Hà Thương	O1K74	86	86	Tốt	
625	1901679	Mạnh Thị Hà Thương	N1K74	92	92	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
626	1901680	Nguyễn Thị Hoài Thương	N1K74	92	92	Xuất sắc	
627	1901681	Nguyễn Thị Hoài Thương	O1K74	86	86	Tốt	
628	1901682	Nguyễn Thị Thu Thương	O1K74	88	88	Tốt	
629	1901683	Nguyễn Thị Diệu Thúy	P1K74	94	94	Xuất sắc	
630	1901684	Nguyễn Thị Thanh Thúy	P1K74	87	87	Tốt	
631	1901685	Nguyễn Thị Thúy	O1K74	86	86	Tốt	
632	1901686	Văn Thị Phương Thúy	O1K74	86	86	Tốt	
633	1901687	Đặng Thị Thùy	O1K74	85	85	Tốt	
634	1901688	Lê Thị Thùy	N1K74	90	90	Xuất sắc	
635	1901689	Đoàn Thị Thủy	M1K74	87	87	Tốt	
636	1901690	Dương Thanh Thủy	O1K74	85	85	Tốt	
637	1901691	Hồ Thị Thủy	O1K74	87	87	Tốt	
638	1901693	Lê Thu Thủy	Q1K74	83	83	Tốt	
639	1901694	Nguyễn Thị Hương Thủy	M1K74	87	87	Tốt	
640	1901695	Nguyễn Thu Thủy	O1K74	86	86	Tốt	
641	1901696	Phạm Thị Thủy	Q1K74	87	87	Tốt	
642	1901697	Tạ Thị Thu Thủy	Q1K74	81	81	Tốt	
643	1901698	Vũ Thị Thu Thủy	N1K74	93	93	Xuất sắc	
644	1901699	Chung Thủy Tiên	Q1K74	82	82	Tốt	
645	1901700	Đặng Thủy Tiên	N1K74	90	90	Xuất sắc	
646	1901701	Kiều Thủy Tiên	O1K74	85	85	Tốt	
647	1901702	Nguyễn Thị Thủy Tiên	M1K74	90	90	Xuất sắc	
648	1901703	Lý Anh Tiến	Q1K74	79	70	Khá	
649	1901704	Thò Bá Tính	Q1K74	83	83	Tốt	
650	1901705	Phí Đức Toàn	Q1K74	82	82	Tốt	
651	1901706	Nguyễn Thị Thu Trà	M1K74	90	90	Xuất sắc	
652	1901707	Nông Thị Hương Trà	P1K74	80	80	Tốt	
653	1901708	Đoàn Ngọc Trâm	N1K74	87	60	Trung bình	Cảnh cáo
654	1901709	Lê Bảo Trâm	Q1K74	85	85	Tốt	
655	1901710	Phí Ngọc Trâm	M1K74	87	87	Tốt	
656	1901711	Bùi Thu Trang	N1K74	87	87	Tốt	
657	1901712	Đặng Thị Trang	P1K74	86	86	Tốt	
658	1901714	Đào Minh Trang	Q1K74	85	85	Tốt	
659	1901715	Đỗ Thị Huyền Trang	P1K74	92	92	Xuất sắc	
660	1901716	Dương Thị Hiền Trang	M1K74	87	87	Tốt	
661	1901717	Hán Thu Trang	M1K74	92	92	Xuất sắc	
662	1901718	Hoàng Thị Quỳnh Trang	N1K74	92	92	Xuất sắc	
663	1901719	Khuất Thị Trang	N1K74	90	90	Xuất sắc	
664	1901720	Lại Thị Thu Trang	Q1K74	83	83	Tốt	
665	1901721	Lê Thị Huyền Trang	P1K74	86	86	Tốt	
666	1901722	Lê Thị Kiều Trang	P1K74	87	87	Tốt	
667	1901723	Lê Thùy Trang	N1K74	97	97	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
668	1901724	Mẫn Thị Thu Trang	O1K74	86	86	Tốt	
669	1901725	Ngô Thu Trang	P1K74	89	89	Tốt	
670	1901726	Nguyễn Minh Trang	M1K74	92	92	Xuất sắc	
671	1901727	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang	N1K74	94	94	Xuất sắc	
672	1901728	Nguyễn Thị Hà Trang	Q1K74	79	50	Trung bình	
673	1901729	Nguyễn Thị Hạnh Trang	O1K74	85	85	Tốt	
674	1901730	Nguyễn Thị Huyền Trang	O1K74	85	85	Tốt	
675	1901731	Nguyễn Thị Thu Trang	N1K74	86	86	Tốt	
676	1901732	Nguyễn Thị Thu Trang	O1K74	87	87	Tốt	
677	1901733	Nguyễn Thị Thu Trang	O1K74	87	87	Tốt	
678	1901735	Nguyễn Thùy Trang	O1K74	95	95	Xuất sắc	
679	1901736	Phạm Thị Thu Trang	O1K74	85	85	Tốt	
680	1901737	Phạm Thị Trang	M1K74	96	96	Xuất sắc	
681	1901738	Phạm Thu Trang	M1K74	92	92	Xuất sắc	
682	1901739	Phạm Thùy Trang	M1K74	85	85	Tốt	
683	1901740	Quan Thùy Trang	P1K74	83	80	Tốt	
684	1901741	Trần Thị Hà Trang	P1K74	86	86	Tốt	
685	1901742	Vũ Thị Ngọc Trang	M1K74	90	90	Xuất sắc	
686	1901743	Nguyễn Thị Kiều Trinh	N1K74	86	86	Tốt	
687	1901744	Vũ Đặng Yến Trinh	Q1K74	86	86	Tốt	
688	1901745	Ngô Đức Trung	N1K74	87	87	Tốt	
689	1901746	Nguyễn Đức Trung	M1K74	89	89	Tốt	
690	1901747	Phạm Quang Trung	P1K74	82	82	Tốt	
691	1901748	Bùi Văn Trường	M1K74	92	92	Xuất sắc	
692	1901749	Đào Văn Trường	P1K74	84	84	Tốt	
693	1901750	Lê Nguyễn Phi Trường	Q1K74	91	91	Xuất sắc	
694	1901751	Lê Quang Trường	Q1K74	87	87	Tốt	
695	1901752	Nguyễn Văn Trường	M1K74	92	92	Xuất sắc	
696	1901753	Cao Hà Cẩm Tú	N1K74	86	86	Tốt	
697	1901754	Hoàng Thanh Tú	N1K74	90	90	Xuất sắc	
698	1901756	Mai Thị Cẩm Tú	O1K74	86	86	Tốt	
699	1901757	Nguyễn Đức Tú	M1K74	93	93	Xuất sắc	
700	1901758	Nguyễn Ngọc Tú	P1K74	85	85	Tốt	
701	1901759	Vũ Viết Tú	N1K74	88	88	Tốt	
702	1901760	Nguyễn Hải Tuấn	P1K74	85	85	Tốt	
703	1901761	Trần Minh Tuấn	P1K74	90	90	Xuất sắc	
704	1901762	Trần Văn Tuấn	M1K74	88	88	Tốt	
705	1901763	Đoàn Duy Tùng	O1K74	85	85	Tốt	
706	1901764	Hà Văn Tùng	N1K74	86	86	Tốt	
707	1901765	Lê Đức Tùng	Q1K74	86	86	Tốt	
708	1901766	Lưu Văn Tùng	Q1K74	84	84	Tốt	
709	1901767	Nguyễn Duy Tùng	N1K74	88	88	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
710	1901768	Đặng Văn Tường	O1K74	86	86	Tốt	
711	1901769	Đỗ Thị Tuyền	Q1K74	84	84	Tốt	
712	1901770	Đặng Ngọc Tuyết	M1K74	87	87	Tốt	
713	1901771	Hoàng Thị Ánh Tuyết	P1K74	88	88	Tốt	
714	1901772	Lê Thị Tuyết	P1K74	87	87	Tốt	
715	1901773	Phan Thị Ánh Tuyết	O1K74	87	87	Tốt	
716	1901774	Trịnh Ánh Tuyết	N1K74	86	86	Tốt	
717	1901775	Đinh Thị Thu Uyên	M1K74	94	94	Xuất sắc	
718	1901778	Nguyễn Thị Tú Uyên	O1K74	85	85	Tốt	
719	1901779	Phạm Đặng Thu Uyên	N1K74	86	86	Tốt	
720	1901780	Phạm Thị Mỹ Uyên	O1K74	85	85	Tốt	
721	1901782	Nguyễn Thị Vân	P1K74	83	83	Tốt	
722	1901783	Trịnh Thảo Vân	Q1K74	85	85	Tốt	
723	1901784	Ngô Hà Vi	M1K74	95	95	Xuất sắc	
724	1901785	Nguyễn Duy Việt	P1K74	81	81	Tốt	
725	1901786	Nguyễn Thị Thanh Việt	P1K74	86	86	Tốt	
726	1901787	Đặng Thành Vinh	M1K74	92	92	Xuất sắc	
727	1901788	Vũ Quang Vinh	M1K74	89	89	Tốt	
728	1901789	Nguyễn Hữu Võ	M1K74	86	86	Tốt	
729	1901790	Vũ Minh Vương	Q1K74	87	87	Tốt	
730	1901791	Nguyễn Thị Xuân	P1K74	86	86	Tốt	
731	1901792	Trần Thị Thanh Xuân	M1K74	87	87	Tốt	
732	1901793	Trần Thị Xuân	O1K74	85	85	Tốt	
733	1901794	Lâm Thị Xuyến	P1K74	84	84	Tốt	
734	1901796	Lại Thị Hải Yến	Q1K74	89	89	Tốt	
735	1901798	Lê Văn Hồng Yến	N1K74	86	86	Tốt	
736	1901799	Nguyễn Thị Hải Yến	N1K74	88	88	Tốt	
737	1901800	Nguyễn Thị Hải Yến	O1K74	85	85	Tốt	
738	1901801	Phùng Thị Hải Yến	N1K74	90	90	Xuất sắc	
739	1901802	Trần Thị Hải Yến	N1K74	92	92	Xuất sắc	
740	1901803	Vũ Hải Yến	O1K74	85	85	Tốt	
741	1901804	Vũ Thị Yến	M1K74	88	88	Tốt	
742	1901805	Vũ Thị Yến	P1K74	86	86	Tốt	

Tổng số 742 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 155
- Loại Tốt: 554
- Loại Khá: 26
- Loại Trung bình: 4
- Loại Yếu: 3

ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Khóa: K75

Ngành: Dược học

Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
1	1901007	Trịnh Thu An	M1K75	87	87	Tốt	
2	1901140	Nguyễn Ánh Dương	O1K75	85	85	Tốt	
3	1901172	Lê Hoàng Hà	N1K75	81	60	Trung bình	
4	1901228	Lục Thị Hiếu	Q1K75	81	64	Trung bình	
5	1901579	Nguyễn Thị Hương Quế	O1K75	82	79	Khá	
6	1901621	Mai Đức Thắng	O1K75	86	86	Tốt	
7	1901645	Nguyễn Thị Phương Thảo	O1K75	82	65	Khá	
8	1901777	Nguyễn Thị Thu Uyên	M1K75	86	86	Tốt	
9	2001001	Hồ Minh An	M1K75	86	86	Tốt	
10	2001002	Ngô Thị Vân An	M1K75	86	86	Tốt	
11	2001003	Nguyễn Thị Thu An	Q1K75	87	87	Tốt	
12	2001004	Phạm Thị Thúy An	O1K75	84	84	Tốt	
13	2001005	Trần Hoàng Thu An	M1K75	91	91	Xuất sắc	
14	2001006	Bùi Hải Anh	Q1K75	84	79	Khá	
15	2001007	Bùi Thế Anh	P1K75	83	79	Khá	
16	2001008	Đào Phương Anh	N1K75	85	85	Tốt	
17	2001009	Đinh Thị Lan Anh	M1K75	84	84	Tốt	
18	2001010	Đinh Thị Lan Anh	Q1K75	86	86	Tốt	
19	2001011	Đinh Thị Việt Anh	M1K75	86	86	Tốt	
20	2001012	Đỗ Thị Kim Anh	N1K75	86	86	Tốt	
21	2001013	Đỗ Thị Quỳnh Anh	N1K75	85	85	Tốt	
22	2001014	Đỗ Việt Anh	Q1K75	82	79	Khá	
23	2001015	Dương Hải Anh	Q1K75	87	70	Khá	
24	2001016	Dương Thị Tú Anh	N1K75	90	90	Xuất sắc	
25	2001017	Hà Thị Vân Anh	N1K75	85	85	Tốt	
26	2001018	Hoàng Minh Anh	N1K75	87	87	Tốt	
27	2001019	Lê Diệu Anh	O1K75	96	96	Xuất sắc	
28	2001020	Lê Đức Anh	O1K75	81	55	Trung bình	Khiển trách
29	2001021	Mạc Đình Quang Anh	O1K75	85	85	Tốt	
30	2001022	Mai Diệp Anh	N1K75	92	92	Xuất sắc	
31	2001023	Mai Phương Anh	O1K75	83	79	Khá	
32	2001024	Mai Thị Ngọc Anh	O1K75	83	83	Tốt	
33	2001025	Nguyễn Duy Anh	O1K75	85	85	Tốt	
34	2001026	Nguyễn Ngọc Anh	Q1K75	83	83	Tốt	
35	2001027	Nguyễn Phương Anh	Q1K75	87	87	Tốt	
36	2001028	Nguyễn Phương Anh	Q1K75	85	85	Tốt	
37	2001029	Nguyễn Thị Hồng Anh	N1K75	87	87	Tốt	
38	2001030	Nguyễn Thị Kim Anh	N1K75	86	86	Tốt	
39	2001031	Nguyễn Thị Lan Anh	N1K75	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2001032	Nguyễn Thị Lan Anh	Q1K75	85	85	Tốt	
41	2001033	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Q1K75	82	65	Khá	
42	2001034	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	M1K75	86	86	Tốt	
43	2001035	Phạm Minh Anh	M1K75	86	86	Tốt	
44	2001036	Phạm Minh Anh	M1K75	86	86	Tốt	
45	2001037	Phạm Phương Anh	O1K75	91	90	Xuất sắc	
46	2001038	Phạm Thị Hà Anh	M1K75	90	90	Xuất sắc	
47	2001039	Phạm Thị Vân Anh	P1K75	86	86	Tốt	
48	2001041	Thái Doãn Hoàng Anh	M1K75	87	87	Tốt	
49	2001042	Trần Hà Anh	N1K75	85	85	Tốt	
50	2001043	Trần Thị Lan Anh	Q1K75	87	87	Tốt	
51	2001044	Trần Thị Mai Anh	O1K75	96	90	Xuất sắc	
52	2001045	Võ Kim Anh	M1K75	98	98	Xuất sắc	
53	2001046	Vũ Hải Anh	O1K75	82	70	Khá	
54	2001047	Vũ Lan Anh	N1K75	86	86	Tốt	
55	2001048	Vũ Quốc Anh	M1K75	94	94	Xuất sắc	
56	2001049	Vũ Thị Lan Anh	Q1K75	83	79	Khá	
57	2001050	Vũ Thị Quỳnh Anh	Q1K75	86	86	Tốt	
58	2001051	Hà Nguyệt Ánh	O1K75	84	84	Tốt	
59	2001052	Hà Thị Minh Ánh	Q1K75	84	80	Tốt	
60	2001053	Hoàng Ngọc Ánh	O1K75	84	84	Tốt	
61	2001054	Mông Hồng Ánh	P1K75	86	86	Tốt	
62	2001055	Nguyễn Ngọc Ánh	M1K75	87	87	Tốt	
63	2001056	Nguyễn Ngọc Ánh	O1K75	83	79	Khá	
64	2001057	Nguyễn Ngọc Ánh	O1K75	86	86	Tốt	
65	2001058	Nguyễn Thị Hồng Ánh	O1K75	84	80	Tốt	
66	2001059	Nguyễn Thị Hồng Ánh	P1K75	85	85	Tốt	
67	2001060	Đỗ Xuân Bách	O1K75	85	80	Tốt	
68	2001061	Nguyễn Gia Bách	O1K75	81	60	Trung bình	Khiến trách
69	2001062	Nhâm Đức Bách	O1K75	85	80	Tốt	
70	2001063	Nguyễn Gia Bảo	O1K75	82	80	Tốt	
71	2001064	Nguyễn Thị Ngọc Bích	M1K75	87	87	Tốt	
72	2001065	Hoàng Văn Bình	N1K75	91	91	Xuất sắc	
73	2001066	Nguyễn Nho Bình	Q1K75	96	96	Xuất sắc	
74	2001067	Trần Thị Thanh Bình	Q1K75	83	83	Tốt	
75	2001068	Nguyễn Thị Bông	O1K75	83	80	Tốt	
76	2001069	Nguyễn Quế Châu	Q1K75	85	85	Tốt	
77	2001070	Phí Thị Mỹ Châu	O1K75	85	85	Tốt	
78	2001071	Trịnh Thị Minh Châu	N1K75	86	86	Tốt	
79	2001072	Vũ Minh Châu	M1K75	86	86	Tốt	
80	2001073	Đỗ Thị Linh Chi	N1K75	86	86	Tốt	
81	2001074	Mạc Quỳnh Chi	M1K75	87	87	Tốt	
82	2001075	Ngô Lệ Chi	O1K75	86	86	Tốt	
83	2001076	Nguyễn Anh Chi	M1K75	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
84	2001077	Nguyễn Kim Chi	M1K75	86	86	Tốt	
85	2001078	Nguyễn Kim Chi	N1K75	85	85	Tốt	
86	2001079	Nguyễn Lê Chi	P1K75	86	86	Tốt	
87	2001080	Nguyễn Lệ Chi	O1K75	85	85	Tốt	
88	2001081	Nguyễn Linh Chi	O1K75	86	80	Tốt	
89	2001082	Nguyễn Ngọc Chi	N1K75	87	87	Tốt	
90	2001083	Nguyễn Quế Chi	O1K75	90	90	Xuất sắc	
91	2001084	Nguyễn Quỳnh Chi	N1K75	87	87	Tốt	
92	2001085	Tạ Linh Chi	N1K75	83	83	Tốt	
93	2001086	Trần Linh Chi	N1K75	87	87	Tốt	
94	2001087	Trần Thị Quỳnh Chi	Q1K75	85	85	Tốt	
95	2001088	Trịnh Linh Chi	O1K75	85	85	Tốt	
96	2001089	Đinh Mạnh Chung	N1K75	86	86	Tốt	
97	2001090	Nguyễn Phúc Chung	M1K75	87	87	Tốt	
98	2001091	Vũ Đức Chung	N1K75	86	86	Tốt	
99	2001092	Vũ Thị Chuyên	O1K75	85	85	Tốt	
100	2001093	Bàn Thị Cối	Q1K75	86	86	Tốt	
101	2001094	Dương Chí Công	P1K75	86	86	Tốt	
102	2001095	Nguyễn Văn Công	Q1K75	81	70	Khá	
103	2001096	Trần Thị Kim Cúc	O1K75	86	86	Tốt	
104	2001097	Vũ Thị Kim Cúc	P1K75	83	79	Khá	
105	2001098	Phạm Huy Cương	O1K75	84	80	Tốt	
106	2001099	Mai Mạnh Cường	N1K75	87	87	Tốt	
107	2001100	Nguyễn Văn Cường	O1K75	86	86	Tốt	
108	2001101	Hoàng Quốc Đại	Q1K75	92	92	Xuất sắc	
109	2001103	Bùi Song Đan	M1K75	87	87	Tốt	
110	2001104	Hoàng Thị Tâm Đan	Q1K75	84	79	Khá	
111	2001105	Nguyễn Hải Đăng	N1K75	87	87	Tốt	
112	2001106	Đặng Cao Thành Đạt	N1K75	84	79	Khá	
113	2001107	Dương Thành Đạt	M1K75	85	75	Khá	Khiển trách
114	2001108	Lê Tiến Đạt	Q1K75	85	85	Tốt	
115	2001109	Nguyễn Thị Ánh Diệp	N1K75	90	90	Xuất sắc	
116	2001110	Nguyễn Thị Hồng Diệp	P1K75	86	86	Tốt	
117	2001111	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	O1K75	85	85	Tốt	
118	2001112	Trần Thị Ngọc Diệp	P1K75	85	85	Tốt	
119	2001113	Vũ Thị Bách Diệp	O1K75	85	85	Tốt	
120	2001114	Chu Huyền Diệu	O1K75	86	86	Tốt	
121	2001115	Hoàng Thị Xuân Diệu	Q1K75	85	85	Tốt	
122	2001116	Nguyễn Phương Đông	M1K75	90	90	Xuất sắc	
123	2001120	Bùi Ngọc Đức	N1K75	85	85	Tốt	
124	2001121	Đặng Minh Đức	N1K75	87	87	Tốt	
125	2001122	Đào Minh Đức	M1K75	92	92	Xuất sắc	
126	2001123	Lê Trung Đức	Q1K75	90	90	Xuất sắc	
127	2001124	Nguyễn Trọng Đức	O1K75	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
128	2001125	Phạm Minh Đức	Q1K75	82	70	Khá	
129	2001126	Trần Doãn Đức	N1K75	88	88	Tốt	
130	2001127	Vũ Minh Đức	M1K75	86	86	Tốt	
131	2001128	Bùi Thị Thùy Dung	N1K75	85	85	Tốt	
132	2001129	Đào Thị Dung	N1K75	86	86	Tốt	
133	2001130	Đinh Phương Dung	N1K75	86	86	Tốt	
134	2001131	Dương Bùi Ngọc Dung	O1K75	88	88	Tốt	
135	2001132	Hoàng Thị Dung	O1K75	87	87	Tốt	
136	2001133	Lê Thị Dung	P1K75	85	85	Tốt	
137	2001134	Trịnh Ngọc Minh Dung	M1K75	91	91	Xuất sắc	
138	2001135	Đặng Mạnh Dũng	M1K75	86	86	Tốt	
139	2001136	Nguyễn Tiến Dũng	M1K75	87	87	Tốt	
140	2001137	Nguyễn Tiến Dũng	Q1K75	85	85	Tốt	
141	2001138	Đặng Đăng Dương	P1K75	96	96	Xuất sắc	
142	2001139	Đỗ Thái Dương	Q1K75	85	80	Tốt	
143	2001140	Đoàn Vũ Thùy Dương	N1K75	90	90	Xuất sắc	
144	2001142	Nguyễn Thế Triều Dương	Q1K75	82	70	Khá	
145	2001143	Nguyễn Thị Thùy Dương	N1K75	87	87	Tốt	
146	2001144	Nguyễn Thùy Dương	N1K75	85	85	Tốt	
147	2001145	Trần Thị Khánh Dương	N1K75	85	85	Tốt	
148	2001146	Đặng Trần Duy	N1K75	84	84	Tốt	
149	2001147	Lê Quang Duy	O1K75	86	86	Tốt	
150	2001148	Phí Anh Duy	O1K75	84	84	Tốt	
151	2001149	Hoàng Thị Duyên	O1K75	85	85	Tốt	
152	2001150	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	N1K75	85	85	Tốt	
153	2001151	Trần Mỹ Duyên	P1K75	84	84	Tốt	
154	2001152	Vũ Thị Hồng Duyên	O1K75	84	84	Tốt	
155	2001153	Vũ Thị Thùy Duyên	M1K75	88	88	Tốt	
156	2001155	Bùi Thị Giang	O1K75	84	84	Tốt	
157	2001156	Đinh Hương Giang	N1K75	87	87	Tốt	
158	2001157	Lưu Thị Hương Giang	M1K75	87	87	Tốt	
159	2001158	Ngô Thị Kiều Giang	M1K75	86	86	Tốt	
160	2001159	Nguyễn Bằng Giang	M1K75	87	87	Tốt	
161	2001160	Nguyễn Hoàng Giang	N1K75	86	86	Tốt	
162	2001161	Nguyễn Quỳnh Giang	N1K75	91	91	Xuất sắc	
163	2001162	Nguyễn Thị Trà Giang	N1K75	84	84	Tốt	
164	2001163	Nguyễn Thị Trà Giang	O1K75	82	80	Tốt	
165	2001164	Nông Thị Trà Giang	O1K75	86	86	Tốt	
166	2001165	Phan Thị Giang	Q1K75	85	85	Tốt	
167	2001166	Trần Thị Vân Giang	M1K75	87	87	Tốt	
168	2001167	Vũ Hương Giang	M1K75	85	85	Tốt	
169	2001168	Bùi Thị Thu Hà	N1K75	87	87	Tốt	
170	2001169	Hoàng Ngọc Hà	O1K75	86	86	Tốt	
171	2001170	Lăng Trần Khánh Hà	O1K75	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
172	2001171	Lê Thị Ngọc Hà	Q1K75	85	85	Tốt	
173	2001172	Lê Thị Thu Hà	Q1K75	94	94	Xuất sắc	
174	2001173	Lê Thu Hà	N1K75	88	88	Tốt	
175	2001175	Nguyễn Ngọc Hà	M1K75	87	87	Tốt	
176	2001176	Nguyễn Ngọc Hà	M1K75	85	85	Tốt	
177	2001177	Nguyễn Thị Hà	N1K75	84	84	Tốt	
178	2001178	Nguyễn Thu Hà	P1K75	87	87	Tốt	
179	2001179	Nguyễn Trần Nhật Hà	Q1K75	83	79	Khá	
180	2001180	Ninh Khắc Quang Hà	N1K75	84	84	Tốt	
181	2001181	Phạm Thị Thu Hà	M1K75	94	94	Xuất sắc	
182	2001182	Phạm Thu Hà	O1K75	86	86	Tốt	
183	2001183	Phạm Việt Hà	M1K75	93	79	Khá	Khiển trách
184	2001184	Phan Thị Nguyệt Hà	N1K75	86	86	Tốt	
185	2001185	Trần Thị Hà	O1K75	84	80	Tốt	
186	2001186	Trần Thị Thu Hà	N1K75	93	93	Xuất sắc	
187	2001187	Trần Thu Hà	N1K75	84	84	Tốt	
188	2001188	Trịnh Việt Hà	N1K75	84	84	Tốt	
189	2001189	Trương Thị Hà	Q1K75	85	85	Tốt	
190	2001190	Vũ Thu Hà	N1K75	97	97	Xuất sắc	
191	2001191	Cù Xuân Hải	O1K75	86	86	Tốt	
192	2001192	Đào Thu Hải	P1K75	86	86	Tốt	
193	2001193	Lê Thị Hồng Hải	P1K75	85	85	Tốt	
194	2001194	Bùi Thị Diệu Hằng	O1K75	87	87	Tốt	
195	2001195	Lê Thị Hằng	N1K75	87	87	Tốt	
196	2001196	Lê Thị Thúy Hằng	N1K75	87	87	Tốt	
197	2001197	Nguyễn Thị Hằng	P1K75	87	87	Tốt	
198	2001198	Nguyễn Thị Minh Hằng	P1K75	96	96	Xuất sắc	
199	2001199	Nguyễn Thu Hằng	N1K75	85	85	Tốt	
200	2001200	Phạm Thị Minh Hằng	M1K75	86	86	Tốt	
201	2001201	Phan Thị Thu Hằng	M1K75	86	86	Tốt	
202	2001202	Trần Thị Hằng	P1K75	85	85	Tốt	
203	2001203	Trần Thu Hằng	Q1K75	81	65	Khá	
204	2001204	An Hồng Hạnh	M1K75	87	87	Tốt	
205	2001205	Bùi Thị Hạnh	P1K75	85	85	Tốt	
206	2001206	Bùi Thị Hồng Hạnh	Q1K75	84	84	Tốt	
207	2001207	Hoàng Thị Hạnh	Q1K75	86	86	Tốt	
208	2001208	Hoàng Thúy Hạnh	P1K75	86	86	Tốt	
209	2001209	Ngô Thị Phương Hào	O1K75	86	86	Tốt	
210	2001210	Chu Xuân Hậu	O1K75	82	80	Tốt	
211	2001211	Dương Thị Bích Hậu	N1K75	84	84	Tốt	
212	2001212	Dương Thị Hậu	N1K75	85	85	Tốt	
213	2001215	Trần Hải Hậu	O1K75	85	85	Tốt	
214	2001216	Phạm Thị Ngọc Hiền	Q1K75	86	86	Tốt	
215	2001217	Hà Thị Nguyệt Hiền	Q1K75	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
216	2001218	Hoàng Thị Thu Hiền	Q1K75	85	85	Tốt	
217	2001219	Lê Thị Thu Hiền	O1K75	85	85	Tốt	
218	2001220	Nguyễn Ngọc Hiền	N1K75	86	86	Tốt	
219	2001221	Nguyễn Thị Thanh Hiền	M1K75	88	88	Tốt	
220	2001222	Nguyễn Thu Hiền	M1K75	88	88	Tốt	
221	2001223	Nguyễn Thu Hiền	M1K75	87	87	Tốt	
222	2001224	Phan Thị Đức Hiền	M1K75	92	92	Xuất sắc	
223	2001225	Nguyễn Vinh Hiền	O1K75	84	80	Tốt	
224	2001226	Đinh Công Hiếu	M1K75	98	98	Xuất sắc	
225	2001227	Hồ Dương Hiếu	P1K75	86	86	Tốt	
226	2001228	Lê Minh Hiếu	M1K75	86	86	Tốt	
227	2001229	Ngô Đức Hiếu	O1K75	95	95	Xuất sắc	
228	2001230	Ngô Minh Hiếu	Q1K75	87	87	Tốt	
229	2001231	Nguyễn Trung Hiếu	N1K75	85	85	Tốt	
230	2001232	Nguyễn Việt Hiếu	Q1K75	84	84	Tốt	
231	2001233	Phạm Minh Hiếu	O1K75	86	86	Tốt	
232	2001234	Phan Trọng Hiếu	O1K75	85	79	Khá	
233	2001235	Trương Vũ Hiếu	Q1K75	82	79	Khá	
234	2001236	Vương Trọng Hiếu	O1K75	90	90	Xuất sắc	
235	2001237	Đinh Hồ Đức Hiệu	Q1K75	85	85	Tốt	
236	2001238	Lê Huy Hiệu	Q1K75	86	86	Tốt	
237	2001239	Đặng Thị Mai Hoa	O1K75	85	85	Tốt	
238	2001240	Mai Ngọc Thanh Hoa	Q1K75	87	87	Tốt	
239	2001241	Ngô Thị Thanh Hoa	N1K75	85	85	Tốt	
240	2001242	Nguyễn Lê Hoa	Q1K75	85	85	Tốt	
241	2001243	Trần Thị Mai Hoa	Q1K75	85	85	Tốt	
242	2001244	Trần Thị Hòa	N1K75	87	87	Tốt	
243	2001245	Đoàn Thị Thanh Hòa	O1K75	85	85	Tốt	
244	2001246	Nguyễn Việt Hòa	Q1K75	86	86	Tốt	
245	2001247	Lý Thị Thu Hoài	Q1K75	84	80	Tốt	
246	2001248	Nguyễn Thị Hoài	M1K75	85	85	Tốt	
247	2001250	Lê Sỹ Hoan	Q1K75	86	86	Tốt	
248	2001251	Hồ Thị Hoàn	O1K75	86	86	Tốt	
249	2001254	Bùi Minh Hoàng	Q1K75	85	85	Tốt	
250	2001255	Nguyễn Bá Hoàng	O1K75	85	85	Tốt	
251	2001256	Nguyễn Đỗ Hoàng	M1K75	88	88	Tốt	
252	2001257	Nguyễn Minh Hoàng	O1K75	85	85	Tốt	
253	2001258	Lê Thị Thu Hồng	M1K75	84	84	Tốt	
254	2001259	Nguyễn Thị Hồng	O1K75	85	85	Tốt	
255	2001260	Nguyễn Thị Thúy Hồng	N1K75	97	97	Xuất sắc	
256	2001261	Phạm Thị Minh Hồng	N1K75	84	84	Tốt	
257	2001262	Nguyễn Thị Huế	P1K75	87	87	Tốt	
258	2001263	Lý Thị Huệ	P1K75	86	86	Tốt	
259	2001264	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	P1K75	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
260	2001265	Phạm Thị Gia Huệ	M1K75	86	86	Tốt	
261	2001266	Hoàng Minh Hùng	O1K75	85	85	Tốt	
262	2001267	Nguyễn Mạnh Hùng	M1K75	85	85	Tốt	
263	2001268	Nguyễn Minh Hùng	M1K75	98	98	Xuất sắc	
264	2001269	Phạm Mạnh Hùng	N1K75	85	85	Tốt	
265	2001270	Nguyễn Tuấn Hưng	O1K75	98	98	Xuất sắc	
266	2001271	Vương Văn Hưng	Q1K75	87	87	Tốt	
267	2001272	Chu Hải Hương	Q1K75	84	79	Khá	
268	2001273	Đỗ Thị Hương	N1K75	93	93	Xuất sắc	
269	2001274	Hà Thị Lan Hương	N1K75	98	98	Xuất sắc	
270	2001275	Lê Thị Hương	Q1K75	85	85	Tốt	
271	2001276	Lê Thị Hương	N1K75	85	85	Tốt	
272	2001277	Ngô Thị Thu Hương	O1K75	86	86	Tốt	
273	2001279	Nguyễn Thị Hương	N1K75	85	85	Tốt	
274	2001280	Nguyễn Thị Lan Hương	Q1K75	85	85	Tốt	
275	2001281	Nguyễn Thị Mai Hương	M1K75	94	94	Xuất sắc	
276	2001282	Nguyễn Thị Thu Hương	Q1K75	85	85	Tốt	
277	2001283	Nguyễn Thị Thu Hương	O1K75	83	79	Khá	
278	2001284	Phạm Thị Hương	M1K75	85	85	Tốt	
279	2001285	Phạm Thị Thu Hương	N1K75	86	86	Tốt	
280	2001286	Đào Thị Hường	N1K75	85	85	Tốt	
281	2001287	Đỗ Thị Hường	M1K75	87	87	Tốt	
282	2001288	Đặng Xuân Huy	Q1K75	93	93	Xuất sắc	
283	2001289	Trần Quang Huy	O1K75	85	85	Tốt	
284	2001290	Vũ Minh Huy	M1K75	86	86	Tốt	
285	2001292	Đỗ Thị Khánh Huyền	M1K75	86	86	Tốt	
286	2001293	Hoàng Thị Mai Huyền	O1K75	86	86	Tốt	
287	2001294	Lê Thị Huyền	M1K75	86	86	Tốt	
288	2001295	Nguyễn Thanh Huyền	N1K75	86	86	Tốt	
289	2001297	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	M1K75	86	86	Tốt	
290	2001298	Nguyễn Thu Huyền	Q1K75	85	85	Tốt	
291	2001299	Ninh Thị Thu Huyền	Q1K75	84	80	Tốt	
292	2001300	Phạm Khánh Huyền	N1K75	90	90	Xuất sắc	
293	2001301	Trần Thị Thanh Huyền	O1K75	85	85	Tốt	
294	2001302	Võ Thị Minh Huyền	M1K75	93	93	Xuất sắc	
295	2001303	Vũ Thu Huyền	N1K75	86	86	Tốt	
296	2001304	Vũ Công Khải	Q1K75	84	79	Khá	
297	2001305	Nguyễn Thịnh Khang	M1K75	86	86	Tốt	
298	2001306	Trịnh Vũ Mai Khanh	O1K75	84	80	Tốt	
299	2001307	Đinh Việt Khánh	O1K75	85	85	Tốt	
300	2001308	Nguyễn Huy Khánh	P1K75	87	87	Tốt	
301	2001309	Trần Ngọc Khánh	M1K75	86	86	Tốt	
302	2001310	Trần Thị Cát Khánh	N1K75	93	93	Xuất sắc	
303	2001311	Hoàng Việt Khoa	M1K75	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
304	2001312	Lê Minh Khôi	P1K75	87	87	Tốt	
305	2001314	Đinh Công Khuê	P1K75	86	86	Tốt	
306	2001315	Nguyễn Trần Trung Kiên	P1K75	85	80	Tốt	
307	2001316	Nguyễn Trọng Kiên	N1K75	86	86	Tốt	
308	2001318	Lê Thị Phương Lam	O1K75	85	85	Tốt	
309	2001319	Nguyễn Công Lâm	O1K75	87	87	Tốt	
310	2001320	Hoàng Thị Phương Lan	O1K75	86	86	Tốt	
311	2001322	Nguyễn Thị Nhật Lệ	O1K75	85	79	Khá	Phê bình
312	2001323	Trần Thị Lệ	O1K75	84	84	Tốt	
313	2001324	Đào Thị Hồng Liên	M1K75	94	94	Xuất sắc	
314	2001325	Ngô Thị Bích Liên	N1K75	86	86	Tốt	
315	2001326	Nguyễn Thị Hồng Liên	P1K75	87	87	Tốt	
316	2001327	Nguyễn Thị Phương Liên	Q1K75	87	87	Tốt	
317	2001328	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	N1K75	86	86	Tốt	
318	2001329	Bạch Thảo Linh	N1K75	85	85	Tốt	
319	2001330	Cao Thị Linh	N1K75	85	85	Tốt	
320	2001331	Chu Nguyên Thảo Linh	O1K75	83	79	Khá	
321	2001332	Đặng Khánh Linh	O1K75	84	79	Khá	
322	2001333	Đoàn Thị Huyền Linh	M1K75	87	87	Tốt	
323	2001334	Hà Khánh Linh	M1K75	87	87	Tốt	
324	2001335	Hồ Nhật Linh	P1K75	85	85	Tốt	
325	2001336	Hoàng Diệu Linh	P1K75	87	87	Tốt	
326	2001337	Hoàng Mai Linh	N1K75	93	93	Xuất sắc	
327	2001338	Hoàng Thị Hương Linh	M1K75	86	86	Tốt	
328	2001339	Lê Thị Linh	Q1K75	85	85	Tốt	
329	2001340	Lê Thị Yến Linh	P1K75	84	80	Tốt	
330	2001341	Lê Thùy Linh	Q1K75	88	65	Khá	
331	2001342	Mai Thùy Linh	O1K75	83	80	Tốt	
332	2001344	Nguyễn Đăng Linh	P1K75	82	79	Khá	
333	2001345	Nguyễn Hải Linh	M1K75	86	86	Tốt	
334	2001346	Nguyễn Khánh Linh	O1K75	85	79	Khá	
335	2001347	Nguyễn Thảo Linh	N1K75	87	87	Tốt	
336	2001348	Nguyễn Thị Diệu Linh	N1K75	86	86	Tốt	
337	2001349	Nguyễn Thị Diệu Linh	N1K75	85	85	Tốt	
338	2001350	Nguyễn Thị Linh	N1K75	86	86	Tốt	
339	2001352	Nguyễn Thị Thúy Linh	Q1K75	84	84	Tốt	
340	2001353	Nguyễn Tổng Ái Linh	M1K75	87	87	Tốt	
341	2001354	Nguyễn Văn Linh	Q1K75	84	84	Tốt	
342	2001355	Phạm Khánh Linh	P1K75	88	88	Tốt	
343	2001356	Phạm Thị Tuyết Linh	O1K75	83	79	Khá	
344	2001357	Phan Thị Linh	P1K75	86	86	Tốt	
345	2001358	Phan Thị Thùy Linh	N1K75	87	87	Tốt	
346	2001359	Phan Trang Linh	M1K75	88	88	Tốt	
347	2001360	Trần Thị Thùy Linh	M1K75	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
348	2001361	Trần Thị Thùy Linh	N1K75	88	88	Tốt	
349	2001362	Trịnh Khánh Linh	N1K75	86	86	Tốt	
350	2001364	Vũ Thị Hoài Linh	N1K75	86	86	Tốt	
351	2001365	Vũ Thị Linh	N1K75	84	84	Tốt	
352	2001366	Vũ Thị Thảo Linh	N1K75	85	85	Tốt	
353	2001367	Vũ Xuân Nhật Linh	P1K75	85	85	Tốt	
354	2001368	Nguyễn Thị Bích Loan	M1K75	96	96	Xuất sắc	
355	2001369	Đỗ Bá Việt Long	P1K75	95	95	Xuất sắc	
356	2001370	Ngô Ngọc Long	M1K75	86	86	Tốt	
357	2001371	Nguyễn Thành Long	Q1K75	85	80	Tốt	
358	2001372	Đoàn Thị Lụa	M1K75	85	85	Tốt	
359	2001373	Nguyễn Duy Lương	M1K75	85	85	Tốt	
360	2001374	Bùi Thị Cẩm Ly	M1K75	87	87	Tốt	
361	2001375	Lưu Thảo Ly	Q1K75	84	84	Tốt	
362	2001376	Mai Thị Cẩm Ly	O1K75	85	85	Tốt	
363	2001377	Trần Cẩm Ly	O1K75	87	87	Tốt	
364	2001378	Trần Huỳnh Khánh Ly	M1K75	96	96	Xuất sắc	
365	2001379	Trịnh Thị Ly	N1K75	84	84	Tốt	
366	2001380	Đoàn Thị Thanh Mai	M1K75	87	87	Tốt	
367	2001381	Hoàng Ngọc Mai	P1K75	84	84	Tốt	
368	2001382	Lại Thị Ngọc Mai	M1K75	95	95	Xuất sắc	
369	2001383	Lương Thị Ngọc Mai	M1K75	86	86	Tốt	
370	2001384	Nguyễn Hương Mai	M1K75	90	90	Xuất sắc	
371	2001385	Nguyễn Ngọc Mai	N1K75	93	93	Xuất sắc	
372	2001386	Phùng Ngọc Mai	N1K75	90	90	Xuất sắc	
373	2001387	Trần Thị Ngọc Mai	M1K75	87	87	Tốt	
374	2001388	Nguyễn Đức Mạnh	M1K75	88	88	Tốt	
375	2001389	Nguyễn Văn Mạnh	O1K75	87	87	Tốt	
376	2001391	Vũ Thế Mạnh	N1K75	85	85	Tốt	
377	2001392	Hà Ngọc Minh	N1K75	86	86	Tốt	
378	2001393	Lê Khánh Minh	O1K75	85	85	Tốt	
379	2001394	Ngô Hoàng Minh	Q1K75	85	85	Tốt	
380	2001395	Nguyễn Huy Minh	N1K75	86	86	Tốt	
381	2001396	Nguyễn Lưu Anh Minh	O1K75	86	86	Tốt	
382	2001397	Phạm Thị Ngọc Minh	N1K75	87	87	Tốt	
383	2001398	Nguyễn Thị Mừng	P1K75	85	85	Tốt	
384	2001399	Đỗ Trà My	Q1K75	83	83	Tốt	
385	2001400	Nguyễn Thị Trà My	Q1K75	84	84	Tốt	
386	2001401	Nguyễn Tiến Huyền My	Q1K75	86	86	Tốt	
387	2001402	Quách Thị Trà My	Q1K75	84	80	Tốt	
388	2001403	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	N1K75	85	85	Tốt	
389	2001404	Nguyễn Thành Nam	Q1K75	86	86	Tốt	
390	2001405	Phạm Đài Nam	M1K75	87	87	Tốt	
391	2001406	Trần Đức Nam	N1K75	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
392	2001407	Trần Văn Nam	Q1K75	84	79	Khá	
393	2001408	Đỗ Thị Năm	N1K75	86	86	Tốt	
394	2001409	Anousone NAVIXAY	O1K75	86	86	Tốt	
395	2001410	Lê Thị Quỳnh Nga	N1K75	85	85	Tốt	
396	2001411	Nguyễn Thị Nga	M1K75	87	87	Tốt	
397	2001413	Phan Tổ Nga	M1K75	85	85	Tốt	
398	2001415	Đỗ Thu Nga	Q1K75	83	79	Khá	
399	2001416	Đặng Hoàng Ngân	M1K75	86	86	Tốt	
400	2001417	Đỗ Thị Thúy Ngân	Q1K75	85	79	Khá	
401	2001419	Đồng Mai Ngân	M1K75	86	86	Tốt	
402	2001420	Dương Thị Ngân	N1K75	85	85	Tốt	
403	2001421	Hoàng Kim Ngân	Q1K75	81	79	Khá	
404	2001422	Hoàng Thị Kim Ngân	Q1K75	96	96	Xuất sắc	
405	2001423	Lê Thu Ngân	M1K75	87	87	Tốt	
406	2001424	Nguyễn Hà Ngân	M1K75	87	87	Tốt	
407	2001425	Nguyễn Phương Ngân	M1K75	90	90	Xuất sắc	
408	2001426	Nguyễn Thị Kim Ngân	M1K75	85	85	Tốt	
409	2001427	Nguyễn Thị Ngân	P1K75	89	89	Tốt	
410	2001428	Phương Thị Ngân	Q1K75	84	84	Tốt	
411	2001430	Tăng Trung Nghĩa	M1K75	87	87	Tốt	
412	2001431	Đinh Thị Hồng Ngọc	M1K75	86	86	Tốt	
413	2001432	Hoàng Bích Ngọc	O1K75	97	90	Xuất sắc	
414	2001433	Hoàng Kim Ngọc	M1K75	86	86	Tốt	
415	2001435	Nguyễn Bích Ngọc	Q1K75	83	79	Khá	
416	2001436	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	N1K75	86	86	Tốt	
417	2001437	Nguyễn Thị Ngọc	P1K75	83	83	Tốt	
418	2001438	Phạm Bích Ngọc	Q1K75	82	82	Tốt	
419	2001439	Phạm Thái Ngọc	M1K75	85	85	Tốt	
420	2001440	Trần Minh Ngọc	O1K75	84	74	Khá	Khẩn trách
421	2001441	Trần Thị Thúy Ngọc	M1K75	91	91	Xuất sắc	
422	2001442	Trịnh Bảo Ngọc	M1K75	86	86	Tốt	
423	2001443	Võ Minh Ngọc	O1K75	83	83	Tốt	
424	2001444	Vương Thảo Ngọc	O1K75	92	92	Xuất sắc	
425	2001445	Phan Tuấn Nguyên	Q1K75	85	85	Tốt	
426	2001446	Trần Thảo Nguyên	M1K75	92	92	Xuất sắc	
427	2001447	Phạm Thị Minh Nguyệt	M1K75	87	87	Tốt	
428	2001448	Nguyễn Thị Thanh Nhân	P1K75	84	80	Tốt	
429	2001449	Nguyễn Thị Thanh Nhân	M1K75	86	86	Tốt	
430	2001450	Trần Thị Thanh Nhân	N1K75	86	86	Tốt	
431	2001451	Bùi Hữu Nhật	Q1K75	81	64	Trung bình	
432	2001452	Nguyễn Lê Việt Nhật	Q1K75	80	70	Khá	
433	2001453	Hoàng Thị Uyên Nhi	O1K75	87	87	Tốt	
434	2001454	Nguyễn Linh Nhi	P1K75	87	87	Tốt	
435	2001455	Nguyễn Thị Vân Nhi	O1K75	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
436	2001456	Nguyễn Thị Yến Nhi	Q1K75	83	79	Khá	
437	2001457	Nguyễn Uyên Nhi	M1K75	85	85	Tốt	
438	2001458	Phạm Huệ Nhi	M1K75	86	86	Tốt	
439	2001459	Trần Thị Nhi	N1K75	86	86	Tốt	
440	2001460	Đào Hồng Nhung	N1K75	91	91	Xuất sắc	
441	2001461	Nguyễn Phi Nhung	O1K75	84	79	Khá	
442	2001462	Nguyễn Thị Thu Nhung	N1K75	85	85	Tốt	
443	2001463	Phạm Thị Hồng Nhung	O1K75	85	85	Tốt	
444	2001464	Phạm Thị Nhung	M1K75	86	86	Tốt	
445	2001465	Nguyễn Thị Ninh	Q1K75	86	86	Tốt	
446	2001466	Trần Thế Ninh	M1K75	86	86	Tốt	
447	2001467	Lâm Thị Nương	P1K75	87	87	Tốt	
448	2001468	Nguyễn Kiều Oanh	Q1K75	85	85	Tốt	
449	2001469	Trần Thị Oanh	Q1K75	85	85	Tốt	
450	2001471	Vàng Mùi Phạm	P1K75	85	85	Tốt	
451	2001472	Hồ Sỹ Phát	M1K75	86	86	Tốt	
452	2001473	Trần Tuấn Phi	Q1K75	85	79	Khá	
453	2001474	Nguyễn Thành Phở	P1K75	92	92	Xuất sắc	
454	2001476	Nguyễn Đăng Phúc	O1K75	85	85	Tốt	
455	2001477	Nguyễn Hồng Phúc	O1K75	85	85	Tốt	
456	2001478	Nguyễn Tài Phúc	Q1K75	80	65	Khá	
457	2001479	Đinh Thị Phương	O1K75	86	86	Tốt	
458	2001480	Đinh Thị Thu Phương	Q1K75	81	65	Khá	
459	2001481	Đỗ Thị Phương	P1K75	85	85	Tốt	
460	2001482	Lê Thị Hà Phương	O1K75	90	90	Xuất sắc	
461	2001483	Lê Trịnh Lan Phương	N1K75	86	86	Tốt	
462	2001484	Mai Thị Phương	N1K75	86	86	Tốt	
463	2001485	Nguyễn Linh Phương	N1K75	88	88	Tốt	
464	2001486	Nguyễn Nam Phương	Q1K75	92	92	Xuất sắc	
465	2001487	Nguyễn Nhật Hà Phương	M1K75	86	86	Tốt	
466	2001488	Nguyễn Thị Phương	O1K75	87	87	Tốt	
467	2001489	Nguyễn Thu Phương	O1K75	97	97	Xuất sắc	
468	2001490	Phạm Thị Hà Phương	O1K75	83	60	Trung bình	Cảnh cáo
469	2001491	Tổng Thị Thu Phương	Q1K75	84	84	Tốt	
470	2001492	Trần Thị Thu Phương	Q1K75	85	85	Tốt	
471	2001493	Trần Thị Thu Phương	O1K75	87	87	Tốt	
472	2001494	Trịnh Thị Mai Phương	O1K75	86	86	Tốt	
473	2001495	Ngô Hoàng Phương	P1K75	87	87	Tốt	
474	2001496	Nguyễn Bích Phương	M1K75	86	86	Tốt	
475	2001497	Bùi Văn Quân	M1K75	85	85	Tốt	
476	2001498	Phạm Đình Quân	O1K75	86	86	Tốt	
477	2001499	Nguyễn Cường Quốc	N1K75	89	89	Tốt	
478	2001500	Nguyễn Văn Quý	Q1K75	86	86	Tốt	
479	2001501	Trần Văn Quý	N1K75	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
480	2001502	Trịnh Thị Thanh Quý	M1K75	86	86	Tốt	
481	2001503	Bùi Thanh Uyên	O1K75	87	87	Tốt	
482	2001504	Đặng Thị Uyên	M1K75	85	85	Tốt	
483	2001505	Đinh Ngọc Phương Uyên	O1K75	81	65	Khá	
484	2001506	Hà Thị Lệ Uyên	P1K75	85	85	Tốt	
485	2001507	Phạm Thị Hồng Uyên	N1K75	87	87	Tốt	
486	2001508	Đinh Xuân Quỳnh	M1K75	86	86	Tốt	
487	2001509	Đỗ Trúc Quỳnh	M1K75	86	86	Tốt	
488	2001510	Lê Thị Diễm Quỳnh	O1K75	82	79	Khá	
489	2001511	Lê Thị Quỳnh	N1K75	86	86	Tốt	
490	2001512	Lê Thị Thu Quỳnh	Q1K75	82	82	Tốt	
491	2001513	Mai Ánh Quỳnh	O1K75	85	85	Tốt	
492	2001514	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	N1K75	87	87	Tốt	
493	2001515	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	N1K75	87	87	Tốt	
494	2001516	Phan Như Quỳnh	Q1K75	87	87	Tốt	
495	2001517	Trịnh Hương Quỳnh	N1K75	90	90	Xuất sắc	
496	2001518	Vũ Bích Quỳnh	O1K75	85	85	Tốt	
497	2001519	Vũ Thị Diễm Quỳnh	M1K75	86	86	Tốt	
498	2001520	Trần Văn Sang	Q1K75	83	83	Tốt	
499	2001521	Phạm Thị Sen	O1K75	86	86	Tốt	
500	2001522	Đặng Hoàng Sơn	Q1K75	84	84	Tốt	
501	2001523	Hồ Sỹ Sơn	Q1K75	84	79	Khá	
502	2001524	Hoàng Thái Sơn	Q1K75	81	70	Khá	
503	2001525	Lê Giang Sơn	O1K75	87	87	Tốt	
504	2001526	Mai Thanh Sơn	O1K75	86	80	Tốt	
505	2001527	Trịnh Công Sơn	N1K75	85	85	Tốt	
506	2001528	Johnson SOULIYASENG	O1K75	82	49	Yếu	Đình chỉ HT
507	2001529	Nguyễn Thị Sương	N1K75	87	87	Tốt	
508	2001530	Nguyễn Đức Tài	Q1K75	82	65	Khá	
509	2001531	Đỗ Thanh Tâm	M1K75	86	86	Tốt	
510	2001532	Hồ Tuệ Tâm	M1K75	87	87	Tốt	
511	2001533	Hoàng Thị Tâm	Q1K75	85	85	Tốt	
512	2001534	Lương Tuệ Tâm	Q1K75	83	79	Khá	
513	2001535	Nguyễn Minh Tâm	N1K75	87	87	Tốt	
514	2001536	Nguyễn Thị Minh Tâm	N1K75	76	76	Khá	
515	2001537	Thái Chính Tâm	M1K75	96	96	Xuất sắc	
516	2001538	Trần Đức Tâm	M1K75	85	85	Tốt	
517	2001539	Vũ Thanh Tâm	O1K75	85	85	Tốt	
518	2001540	Nguyễn Hồng Thái	O1K75	85	79	Khá	
519	2001542	Lê Thị Hồng Thắm	N1K75	86	86	Tốt	
520	2001543	Phạm Thị Hồng Thắm	N1K75	90	90	Xuất sắc	
521	2001544	Bùi Thị Thân	O1K75	86	86	Tốt	
522	2001545	Bùi Văn Thắng	Q1K75	85	85	Tốt	
523	2001546	Nguyễn Hữu Thắng	O1K75	81	60	Trung bình	Khiển trách

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
524	2001547	Nguyễn Văn Thắng	Q1K75	85	85	Tốt	
525	2001548	Vũ Đức Thắng	Q1K75	84	84	Tốt	
526	2001550	Nguyễn Thị Kim Thanh	N1K75	93	93	Xuất sắc	
527	2001551	Nguyễn Thị Thanh	N1K75	86	86	Tốt	
528	2001552	Nguyễn Thị Thanh Thanh	P1K75	94	94	Xuất sắc	
529	2001554	Dương Đức Thành	Q1K75	85	85	Tốt	
530	2001555	Nguyễn Đức Thành	N1K75	92	92	Xuất sắc	
531	2001556	Nguyễn Huy Thành	Q1K75	84	70	Khá	
532	2001557	Nguyễn Tuấn Thành	M1K75	86	86	Tốt	
533	2001558	Phạm Việt Thành	N1K75	88	88	Tốt	
534	2001559	Trần Minh Thành	N1K75	85	85	Tốt	
535	2001560	Vũ Tiến Thành	N1K75	84	84	Tốt	
536	2001561	Vũ Tuấn Thành	M1K75	86	86	Tốt	
537	2001562	Bùi Thanh Thảo	O1K75	85	85	Tốt	
538	2001563	Bùi Thị Thảo	Q1K75	81	70	Khá	
539	2001564	Chu Thị Hương Thảo	P1K75	87	87	Tốt	
540	2001565	Chu Thị Phương Thảo	N1K75	86	86	Tốt	
541	2001566	Hà Thị Phương Thảo	N1K75	87	87	Tốt	
542	2001567	Hoàng Thị Thảo	M1K75	86	86	Tốt	
543	2001568	Lê Phương Thảo	N1K75	87	87	Tốt	
544	2001569	Lê Thị Phương Thảo	Q1K75	84	84	Tốt	
545	2001570	Lục Thanh Thảo	Q1K75	82	70	Khá	
546	2001571	Nguyễn Phương Thảo	M1K75	86	86	Tốt	
547	2001572	Nguyễn Thị Minh Thảo	P1K75	95	89	Tốt	
548	2001573	Nguyễn Thị Phương Thảo	M1K75	95	95	Xuất sắc	
549	2001574	Nguyễn Thị Phương Thảo	O1K75	83	79	Khá	
550	2001575	Nguyễn Thị Thanh Thảo	P1K75	86	86	Tốt	
551	2001576	Nguyễn Thị Thảo	N1K75	86	86	Tốt	
552	2001577	Nguyễn Thị Thảo	O1K75	84	79	Khá	
553	2001578	Nguyễn Thu Thảo	M1K75	86	86	Tốt	
554	2001579	Nông Thị Thảo	Q1K75	83	79	Khá	
555	2001580	Quách Trịnh Phương Thảo	O1K75	83	79	Khá	
556	2001581	Trần Phương Thảo	N1K75	91	91	Xuất sắc	
557	2001582	Trần Thị Thảo	Q1K75	86	86	Tốt	
558	2001583	Trịnh Phương Thảo	O1K75	86	86	Tốt	
559	2001584	Bùi Thị Thêu	M1K75	87	87	Tốt	
560	2001585	Nguyễn Thị Thi	N1K75	87	87	Tốt	
561	2001586	Vũ Kim Thiên	N1K75	94	94	Xuất sắc	
562	2001587	Nguyễn Đức Thiện	M1K75	92	92	Xuất sắc	
563	2001588	Trần Đức Thiện	M1K75	86	86	Tốt	
564	2001589	Vũ Công Thiện	M1K75	95	95	Xuất sắc	
565	2001590	Đàm Thế Thịnh	M1K75	82	70	Khá	
566	2001591	Tô Vũ Thịnh	Q1K75	85	85	Tốt	
567	2001592	Nguyễn Thị Anh Thơ	N1K75	84	84	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
568	2001593	Nguyễn Văn Thoan	Q1K75	85	85	Tốt	
569	2001594	Đặng Thị Hoài Thu	N1K75	85	85	Tốt	
570	2001595	Lê Thị Thu	O1K75	85	85	Tốt	
571	2001596	Lương Hoài Thu	Q1K75	83	79	Khá	
572	2001597	Nguyễn Hà Thu	Q1K75	85	85	Tốt	
573	2001598	Phạm Diệu Thu	Q1K75	94	94	Xuất sắc	
574	2001599	Phạm Minh Thu	M1K75	86	86	Tốt	
575	2001600	Trần Kiều Thu	Q1K75	83	79	Khá	
576	2001601	Trịnh Thị Thu	N1K75	85	85	Tốt	
577	2001602	Đỗ Thị Minh Thư	O1K75	85	85	Tốt	
578	2001603	Giáp Thị Anh Thư	N1K75	99	99	Xuất sắc	
579	2001604	Lê Anh Thư	M1K75	86	86	Tốt	
580	2001605	Nguyễn Minh Thư	Q1K75	83	70	Khá	
581	2001606	Nguyễn Văn Thuận	M1K75	89	89	Tốt	
582	2001607	Phan Đức Thuận	M1K75	87	87	Tốt	
583	2001608	Hoàng Văn Thức	Q1K75	91	90	Xuất sắc	
584	2001610	Biện Thị Thương	M1K75	86	86	Tốt	
585	2001611	Đào Thị Thương	O1K75	85	85	Tốt	
586	2001612	Kim Hoài Thương	O1K75	85	85	Tốt	
587	2001613	Nguyễn Hoài Thương	Q1K75	83	80	Tốt	
588	2001614	Trần Thị Thương Thương	M1K75	87	87	Tốt	
589	2001615	Nguyễn Ngọc Thúy	P1K75	84	84	Tốt	
590	2001616	Cao Thị Thủy	N1K75	86	86	Tốt	
591	2001617	Nguyễn Thu Thủy	O1K75	92	89	Tốt	
592	2001618	Nguyễn Thị Thủy	P1K75	87	87	Tốt	
593	2001619	Nguyễn Thị Thủy	N1K75	86	86	Tốt	
594	2001620	Nguyễn Thu Thủy	M1K75	87	87	Tốt	
595	2001621	Phan Thanh Thủy	N1K75	85	85	Tốt	
596	2001622	Vũ Thị Thu Thủy	P1K75	85	85	Tốt	
597	2001623	Vũ Thị Thủy	Q1K75	87	87	Tốt	
598	2001624	Chu Quang Tích	Q1K75	71	49	Yếu	
599	2001626	Trịnh Hoàng Tiến	O1K75	92	92	Xuất sắc	
600	2001627	Đỗ Thị Tố	M1K75	86	86	Tốt	
601	2001628	Đặng Công Toán	O1K75	84	84	Tốt	
602	2001629	Cao Thị Tốt	O1K75	83	79	Khá	
603	2001630	Bùi Thị Thu Trà	Q1K75	86	86	Tốt	
604	2001631	Đỗ Hoa Trà	O1K75	87	87	Tốt	
605	2001632	Nguyễn Thị Hương Trà	M1K75	88	88	Tốt	
606	2001634	Tạ Thị Thanh Trà	P1K75	87	87	Tốt	
607	2001635	Trần Thị Trà	M1K75	85	85	Tốt	
608	2001636	Phạm Thị Ngọc Trâm	O1K75	85	85	Tốt	
609	2001637	Bùi Minh Trang	O1K75	84	84	Tốt	
610	2001638	Đặng Kiều Trang	M1K75	87	87	Tốt	
611	2001639	Đặng Thị Huyền Trang	N1K75	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
612	2001640	Đỗ Thị Thu Trang	O1K75	84	79	Khá	
613	2001642	Lê Thị Huyền Trang	M1K75	87	87	Tốt	
614	2001643	Lê Thị Thu Trang	M1K75	90	90	Xuất sắc	
615	2001644	Ngô Thị Phương Trang	P1K75	95	90	Xuất sắc	
616	2001645	Ngô Thu Trang	O1K75	85	85	Tốt	
617	2001646	Nguyễn Huyền Trang	N1K75	86	86	Tốt	
618	2001647	Nguyễn Lê Thùy Trang	M1K75	92	89	Tốt	
619	2001648	Nguyễn Quỳnh Trang	M1K75	86	86	Tốt	
620	2001649	Nguyễn Quỳnh Trang	N1K75	86	86	Tốt	
621	2001650	Nguyễn Quỳnh Trang	Q1K75	85	85	Tốt	
622	2001651	Nguyễn Thị Huyền Trang	M1K75	87	87	Tốt	
623	2001652	Nguyễn Thị Huyền Trang	P1K75	86	86	Tốt	
624	2001653	Nguyễn Thị Huyền Trang	N1K75	91	91	Xuất sắc	
625	2001654	Nguyễn Thị Trang	N1K75	86	86	Tốt	
626	2001655	Nguyễn Thu Trang	M1K75	87	87	Tốt	
627	2001656	Nguyễn Thu Trang	N1K75	92	92	Xuất sắc	
628	2001657	Phạm Hà Trang	Q1K75	85	85	Tốt	
629	2001658	Phạm Huyền Trang	O1K75	84	80	Tốt	
630	2001659	Phạm Lâm Trang	M1K75	87	87	Tốt	
631	2001660	Phạm Thị Hà Trang	N1K75	85	85	Tốt	
632	2001661	Phạm Thị Huyền Trang	M1K75	87	77	Khá	Khiển trách
633	2001662	Phan Quỳnh Trang	P1K75	86	86	Tốt	
634	2001663	Phùng Thị Thu Trang	N1K75	86	86	Tốt	
635	2001664	Trần Thị Thu Trang	M1K75	87	87	Tốt	
636	2001665	Trần Thị Thu Trang	O1K75	86	86	Tốt	
637	2001666	Trịnh Ngọc Huyền Trang	N1K75	86	86	Tốt	
638	2001667	Vũ Quỳnh Trang	M1K75	90	90	Xuất sắc	
639	2001668	Vũ Thị Trang	M1K75	88	88	Tốt	
640	2001669	Nguyễn Văn Tráng	M1K75	95	95	Xuất sắc	
641	2001670	Lê Thị Kiều Trinh	N1K75	87	87	Tốt	
642	2001671	Nguyễn Thị Xuân Trinh	P1K75	86	86	Tốt	
643	2001672	Cung Đình Trung	Q1K75	86	86	Tốt	
644	2001674	Tô Thành Trung	N1K75	82	82	Tốt	
645	2001675	Nguyễn Phạm Phi Trường	O1K75	85	85	Tốt	
646	2001676	Trịnh Công Trường	N1K75	87	87	Tốt	
647	2001677	Đào Anh Tú	M1K75	85	85	Tốt	
648	2001678	Đỗ Ngọc Tú	M1K75	85	85	Tốt	
649	2001679	Hoàng Anh Tú	M1K75	86	86	Tốt	
650	2001680	Nguyễn Mạnh Tuấn	N1K75	87	87	Tốt	
651	2001681	Nguyễn Minh Tuấn	Q1K75	89	89	Tốt	
652	2001682	Phạm Anh Tuấn	Q1K75	83	79	Khá	
653	2001683	Phạm Anh Tuấn	Q1K75	86	86	Tốt	
654	2001685	Tạ Văn Tuấn	O1K75	85	85	Tốt	
655	2001687	Nguyễn Ngọc Tùng	O1K75	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
656	2001688	Trần Anh Tuyền	Q1K75	87	87	Tốt	
657	2001689	Chu Ánh Tuyết	Q1K75	87	87	Tốt	
658	2001690	Lê Thị Tuyết	N1K75	92	92	Xuất sắc	
659	2001691	Nguyễn Thị Tuyết	M1K75	88	88	Tốt	
660	2001692	Phạm Thị Tuyết	P1K75	90	90	Xuất sắc	
661	2001693	Trần Thị Ánh Tuyết	N1K75	86	86	Tốt	
662	2001694	Nguyễn Ngọc Thùy Uyên	Q1K75	87	87	Tốt	
663	2001695	Nguyễn Thu Uyên	O1K75	85	85	Tốt	
664	2001696	Phạm Lê Tú Uyên	O1K75	85	85	Tốt	
665	2001698	Trịnh Thị Tổ Uyên	M1K75	95	95	Xuất sắc	
666	2001699	Hoàng Thị Hải Vân	O1K75	84	79	Khá	
667	2001700	Lê Thị Vân	M1K75	86	86	Tốt	
668	2001701	Trịnh Cẩm Vân	O1K75	84	84	Tốt	
669	2001702	Bùi Đức Văn	P1K75	82	64	Trung bình	
670	2001703	Lê Đình Văn	N1K75	95	95	Xuất sắc	
671	2001704	Vũ Đức Văn	N1K75	85	85	Tốt	
672	2001705	Dương Tường Vi	N1K75	86	86	Tốt	
673	2001706	Nguyễn Xuân Việt	M1K75	85	85	Tốt	
674	2001707	Vũ Trí Việt	Q1K75	82	70	Khá	
675	2001708	Philakone VILAVOUT	O1K75	81	65	Khá	
676	2001709	Nguyễn Hoàng Vũ	M1K75	81	79	Khá	
677	2001710	Nguyễn Long Vũ	O1K75	86	86	Tốt	
678	2001711	Hồ Diệu Trúc Vy	N1K75	85	85	Tốt	
679	2001713	Nguyễn Thị Kim Xuyên	N1K75	95	95	Xuất sắc	
680	2001715	Đào Hải Yến	Q1K75	84	79	Khá	
681	2001716	Hà Tiểu Yến	O1K75	86	86	Tốt	
682	2001717	Nguyễn Thị Hải Yến	M1K75	87	87	Tốt	
683	2001718	Nguyễn Thị Yến	P1K75	87	87	Tốt	
684	2001719	Nguyễn Thị Yến	Q1K75	84	84	Tốt	
685	2001720	Phạm Hải Yến	Q1K75	85	85	Tốt	
686	2001721	Phạm Thị Yến	O1K75	85	85	Tốt	
687	2001722	Trần Minh Yến	M1K75	84	84	Tốt	
688	2001723	Huỳnh Thị Kim Chi	O1K75	87	87	Tốt	
689	2001724	Bùi Đức Hải	Q1K75	85	85	Tốt	
690	2001725	Trần Thanh Hoạt	O1K75	83	79	Khá	
691	2001726	Nguyễn Nhật Minh	M1K75	90	90	Xuất sắc	
692	2001727	Nguyễn Thị Hồng Nhung	P1K75	85	60	Trung bình	Cảnh cáo
693	2001728	Chu Thị Trang	M1K75	93	93	Xuất sắc	

Tổng số 693 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 88
- Loại Tốt: 520
- Loại Khá: 74
- Loại Trung bình: 9
- Loại Yếu: 2

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Khóa: K76

Ngành: Dược học

Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	1801306	Bùi Thị Huyền	A2K76	83	49	Yếu	Cảnh cáo
2	2001321	Trần Thị Phương Lan	A2K76	87	87	Tốt	
3	2101001	Nguyễn Thanh An	A4K76	87	87	Tốt	
4	2101002	Bùi Thị Lan Anh	A4K76	83	83	Tốt	
5	2101003	Đặng Thị Vân Anh	A3K76	85	85	Tốt	
6	2101004	Đào Nguyễn Vân Anh	A3K76	85	85	Tốt	
7	2101005	Đinh Quốc Anh	A2K76	87	87	Tốt	
8	2101006	Đỗ Minh Anh	A1K76	87	87	Tốt	
9	2101007	Đỗ Thị Lan Anh	A3K76	86	86	Tốt	
10	2101008	Hà Hải Anh	A2K76	86	86	Tốt	
11	2101009	Hoàng Hải Anh	A3K76	86	86	Tốt	
12	2101010	Hoàng Thị Huệ Anh	A4K76	98	98	Xuất sắc	
13	2101011	Lại Đức Anh	A4K76	93	90	Xuất sắc	
14	2101012	Lê Hoàng Phương Anh	A2K76	85	85	Tốt	
15	2101013	Lê Hồng Anh	A3K76	85	85	Tốt	
16	2101014	Lê Thị Lan Anh	A2K76	85	85	Tốt	
17	2101015	Lê Thị Quỳnh Anh	A4K76	85	85	Tốt	
18	2101016	Lưu Trần Minh Anh	A1K76	86	86	Tốt	
19	2101017	Ngô Đức Anh	A4K76	85	85	Tốt	
20	2101018	Ngô Quỳnh Anh	A1K76	86	86	Tốt	
21	2101019	Nguyễn Hà Anh	A4K76	81	79	Khá	
22	2101021	Nguyễn Linh Anh	A4K76	80	70	Khá	
23	2101022	Nguyễn Mai Anh	A1K76	86	86	Tốt	
24	2101023	Nguyễn Ngọc Anh	A1K76	87	87	Tốt	
25	2101024	Nguyễn Ngọc Anh	A3K76	92	92	Xuất sắc	
26	2101025	Nguyễn Ngọc Anh	A4K76	85	85	Tốt	
27	2101026	Nguyễn Thế Anh	A3K76	87	87	Tốt	
28	2101027	Nguyễn Thị Hiếu Anh	A1K76	87	87	Tốt	
29	2101028	Nguyễn Thị Hồng Anh	A4K76	85	85	Tốt	
30	2101029	Nguyễn Thị Ngọc Anh	A3K76	87	87	Tốt	
31	2101030	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	A4K76	87	87	Tốt	
32	2101031	Nguyễn Thị Vân Anh	A4K76	85	85	Tốt	
33	2101032	Nguyễn Trọng Sơn Anh	A1K76	92	92	Xuất sắc	
34	2101033	Nguyễn Tuấn Anh	A1K76	90	90	Xuất sắc	
35	2101034	Nguyễn Tuấn Anh	A2K76	82	79	Khá	
36	2101035	Phạm Hồng Anh	A4K76	86	86	Tốt	
37	2101036	Phạm Thị Kim Anh	A1K76	86	86	Tốt	
38	2101037	Phạm Thị Phương Anh	A4K76	84	84	Tốt	
39	2101038	Phạm Trần Lan Anh	A2K76	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2101039	Phan Hoàng Anh	A1K76	80	80	Tốt	
41	2101040	Tăng Thị Vân Anh	A1K76	85	85	Tốt	
42	2101041	Trần Hà Anh	A3K76	85	85	Tốt	
43	2101042	Trần Phương Anh	A1K76	86	86	Tốt	
44	2101043	Trần Thị Lan Anh	A1K76	86	86	Tốt	
45	2101044	Trần Thị Quỳnh Anh	A1K76	87	87	Tốt	
46	2101045	Trần Thị Trâm Anh	A2K76	87	87	Tốt	
47	2101046	Trần Thị Vân Anh	A3K76	91	91	Xuất sắc	
48	2101047	Vũ Hoàng Thảo Anh	A4K76	86	86	Tốt	
49	2101048	Vũ Lan Anh	A4K76	86	86	Tốt	
50	2101049	Vũ Lê Vân Anh	A2K76	89	89	Tốt	
51	2101050	Vũ Quỳnh Anh	A4K76	88	88	Tốt	
52	2101051	Vũ Thị Linh Anh	A2K76	87	87	Tốt	
53	2101052	Bùi Thị Ngọc Ánh	A3K76	90	90	Xuất sắc	
54	2101053	Lê Thị Ngọc Ánh	A3K76	89	89	Tốt	
55	2101054	Lê Thị Ngọc Ánh	A1K76	85	85	Tốt	
56	2101055	Nguyễn Ngọc Ánh	A3K76	87	87	Tốt	
57	2101056	Trần Thị Minh Ánh	A2K76	85	85	Tốt	
58	2101057	Trần Thị Ngọc Ánh	A4K76	92	92	Xuất sắc	
59	2101058	Vũ Ngọc Ánh	A1K76	75	70	Khá	Phê bình
60	2101059	Hoàng Văn Bắc	A4K76	82	82	Tốt	
61	2101060	Phạm Trí Bắc	A4K76	98	98	Xuất sắc	
62	2101061	Nguyễn Việt Bách	A1K76	88	88	Tốt	
63	2101062	Trần Anh Bách	A1K76	85	79	Khá	Phê bình
64	2101063	Cao Thị Ban	A4K76	83	60	Trung bình	Cảnh cáo
65	2101064	Nguyễn Ngọc Bằng	A2K76	87	87	Tốt	
66	2101065	Lê Ngọc Bảo	A3K76	83	79	Khá	
67	2101066	Đoàn Ngọc Bích	A1K76	86	86	Tốt	
68	2101067	Nguyễn Thị Ngọc Bích	A3K76	88	88	Tốt	
69	2101068	Nguyễn Thanh Bình	A1K76	83	79	Khá	
70	2101069	Nguyễn Tiến Bình	A1K76	85	85	Tốt	
71	2101070	Đỗ Phạm Minh Châu	A4K76	88	88	Tốt	
72	2101072	Đặng Thị Yến Chi	A3K76	85	85	Tốt	
73	2101073	Đỗ Linh Chi	A4K76	87	87	Tốt	
74	2101074	Lê Phương Chi	A2K76	87	87	Tốt	
75	2101075	Lê Phương Thảo Chi	A2K76	93	93	Xuất sắc	
76	2101076	Lê Thị Mai Chi	A4K76	86	86	Tốt	
77	2101077	Lộc Thị Linh Chi	A2K76	84	84	Tốt	
78	2101080	Phạm Hà Chi	A3K76	85	85	Tốt	
79	2101081	Phan Mai Chi	A1K76	86	86	Tốt	
80	2101082	Nguyễn Anh Chính	A2K76	83	83	Tốt	
81	2101083	Phùng Ngọc Chúc	A1K76	86	86	Tốt	
82	2101084	Lê Hồng Chuyền	A1K76	85	85	Tốt	
83	2101085	Phan Quyền Công	A3K76	83	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
84	2101086	Bùi Đại Cường	A2K76	86	86	Tốt	
85	2101087	Dương Đức Cường	A2K76	87	87	Tốt	
86	2101089	Phạm Trí Cường	A1K76	86	60	Trung bình	Cảnh cáo
87	2101090	Ngô Thị Vân Đài	A4K76	88	88	Tốt	
88	2101091	Đinh Văn Đại	A4K76	86	86	Tốt	
89	2101092	Hà Hải Đăng	A4K76	87	87	Tốt	
90	2101093	Vũ Đỗ Hải Đăng	A2K76	83	79	Khá	
91	2101094	Cao Tiến Đạt	A2K76	88	88	Tốt	
92	2101095	Lê Quang Đạt	A4K76	84	84	Tốt	
93	2101096	Mai Công Đạt	A1K76	85	85	Tốt	
94	2101097	Nguyễn Đức Đạt	A4K76	81	60	Trung bình	Khiển trách
95	2101098	Nguyễn Duy Đạt	A2K76	86	86	Tốt	
96	2101099	Nguyễn Thành Đạt	A1K76	87	87	Tốt	
97	2101100	Nguyễn Thành Đạt	A3K76	79	64	Trung bình	
98	2101101	Tô Xuân Đạt	A4K76	95	95	Xuất sắc	
99	2101102	Trần Quốc Đạt	A2K76	88	88	Tốt	
100	2101103	Hoàng Mùi Diệm	A2K76	84	70	Khá	
101	2101104	Nguyễn Đặng Minh Diệp	A2K76	99	99	Xuất sắc	
102	2101105	Nguyễn Hoàng Diệp	A3K76	91	91	Xuất sắc	
103	2101106	Phùng Bích Diệp	A3K76	87	87	Tốt	
104	2101107	Trần Xuân Đình	A1K76	85	85	Tốt	
105	2101108	Chenny DOUANGSAVATH	A1K76	82	79	Khá	
106	2101109	Hà Cảnh Đức	A3K76	87	87	Tốt	
107	2101110	Hoàng Trung Đức	A4K76	83	83	Tốt	
108	2101111	Hoàng Việt Đức	A1K76	86	86	Tốt	
109	2101112	Phạm Anh Đức	A2K76	96	96	Xuất sắc	
110	2101114	Đồng Thị Thùy Dung	A4K76	86	86	Tốt	
111	2101115	Hồ Thị Dung	A1K76	84	84	Tốt	
112	2101116	Hoàng Hạnh Dung	A2K76	83	83	Tốt	
113	2101117	Nguyễn Kim Dung	A2K76	87	87	Tốt	
114	2101118	Nguyễn Ngọc Dung	A1K76	85	85	Tốt	
115	2101119	Nguyễn Thùy Dung	A1K76	85	85	Tốt	
116	2101120	Nguyễn Thùy Dung	A2K76	83	79	Khá	
117	2101121	Nhữ Thị Dung	A2K76	87	87	Tốt	
118	2101122	Phạm Thùy Dung	A3K76	86	86	Tốt	
119	2101123	Vũ Thị Kim Dung	A3K76	90	90	Xuất sắc	
120	2101124	Đặng Quang Dũng	A4K76	80	65	Khá	
121	2101125	Đinh Trần Quang Dũng	A3K76	86	86	Tốt	
122	2101126	Hà Quang Dũng	A1K76	93	90	Xuất sắc	
123	2101127	Lê Tiến Dũng	A3K76	87	87	Tốt	
124	2101128	Nguyễn Dũng	A4K76	85	75	Khá	Khiển trách
125	2101129	Nguyễn Tuấn Dũng	A4K76	91	90	Xuất sắc	
126	2101131	Phạm Trí Dũng	A3K76	85	85	Tốt	
127	2101132	Phạm Việt Dũng	A1K76	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
128	2101133	Trần Hữu Dũng	A4K76	82	82	Tốt	
129	2101134	Trần Quang Dũng	A3K76	85	85	Tốt	
130	2101135	Cao Bình Dương	A3K76	80	70	Khá	Khiến trách
131	2101136	Đặng Văn Dương	A1K76	82	60	Trung bình	Khiến trách
132	2101137	Đỗ Thùy Dương	A2K76	86	86	Tốt	
133	2101138	Hoàng Thùy Dương	A4K76	87	87	Tốt	
134	2101139	Ngô Ánh Dương	A4K76	88	88	Tốt	
135	2101140	Nguyễn Đăng Dương	A4K76	82	82	Tốt	
136	2101141	Nguyễn Hải Dương	A2K76	86	86	Tốt	
137	2101142	Nguyễn Lê Thùy Dương	A3K76	88	88	Tốt	
138	2101143	Nguyễn Nam Dương	A3K76	86	86	Tốt	
139	2101144	Nguyễn Thùy Ánh Dương	A4K76	94	94	Xuất sắc	
140	2101146	Phạm Thùy Dương	A2K76	87	87	Tốt	
141	2101147	Trương Thị Thùy Dương	A2K76	86	86	Tốt	
142	2101148	Vũ Ánh Dương	A2K76	87	87	Tốt	
143	2101149	Vũ Đình Dương	A1K76	86	86	Tốt	
144	2101150	Bùi An Duy	A1K76	91	91	Xuất sắc	
145	2101151	Đỗ Ngọc Duy	A2K76	85	60	Trung bình	Cảnh cáo
146	2101152	Nguyễn Đức Duy	A4K76	99	99	Xuất sắc	
147	2101153	Nguyễn Khánh Duy	A4K76	82	80	Tốt	
148	2101154	Bùi Thị Hương Duyên	A1K76	86	86	Tốt	
149	2101155	Đặng Khánh Duyên	A2K76	85	85	Tốt	
150	2101156	Hồ Thị Duyên	A3K76	92	92	Xuất sắc	
151	2101157	Lê Thị Ái Duyên	A1K76	85	85	Tốt	
152	2101158	Nguyễn Hạnh Duyên	A2K76	92	92	Xuất sắc	
153	2101159	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	A1K76	87	87	Tốt	
154	2101160	Võ Thị Duyên	A3K76	83	80	Tốt	
155	2101161	Hoàng Thị Hồng Gấm	A1K76	85	85	Tốt	
156	2101162	Bùi Vân Giang	A1K76	88	88	Tốt	
157	2101163	Đỗ Thị Hương Giang	A1K76	87	87	Tốt	
158	2101164	Hoàng Vĩnh Giang	A4K76	81	79	Khá	
159	2101165	Lê Thị Trà Giang	A1K76	94	94	Xuất sắc	
160	2101166	Lưu Mai Giang	A1K76	87	87	Tốt	
161	2101167	Nguyễn Hương Giang	A1K76	96	96	Xuất sắc	
162	2101168	Nguyễn Hương Giang	A2K76	85	85	Tốt	
163	2101169	Nguyễn Hương Giang	A3K76	77	70	Khá	
164	2101170	Nguyễn Thị Giang	A3K76	87	87	Tốt	
165	2101171	Nguyễn Thị Hà Giang	A4K76	90	90	Xuất sắc	
166	2101172	Nguyễn Thị Hương Giang	A4K76	94	94	Xuất sắc	
167	2101173	Nguyễn Thị Minh Giang	A3K76	86	86	Tốt	
168	2101174	Phạm Hương Giang	A3K76	86	86	Tốt	
169	2101175	Từ Hữu Hoàng Giang	A3K76	91	91	Xuất sắc	
170	2101176	Đặng Hoàng Hà	A3K76	65	49	Yếu	
171	2101177	Đinh Thu Hà	A1K76	83	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
172	2101178	Đỗ Việt Hà	A1K76	99	99	Xuất sắc	
173	2101179	Dương Thị Thu Hà	A4K76	87	87	Tốt	
174	2101180	Nguyễn Thị Hà	A4K76	87	87	Tốt	
175	2101181	Nguyễn Thị Hà	A3K76	85	85	Tốt	
176	2101182	Nguyễn Thị Hà	A1K76	85	85	Tốt	
177	2101183	Nguyễn Thị Việt Hà	A3K76	94	94	Xuất sắc	
178	2101184	Nguyễn Trần Nhật Hà	A4K76	83	83	Tốt	
179	2101185	Nhữ Thanh Hà	A2K76	85	85	Tốt	
180	2101186	Trần Ngân Hà	A4K76	89	89	Tốt	
181	2101187	Trần Thu Hà	A3K76	93	93	Xuất sắc	
182	2101188	Vũ Thị Hà	A2K76	85	85	Tốt	
183	2101190	Đặng Tiến Hải	A2K76	93	93	Xuất sắc	
184	2101191	Nguyễn Hoàng Hải	A3K76	91	91	Xuất sắc	
185	2101193	Nguyễn Thị Hải	A4K76	86	86	Tốt	
186	2101194	Nguyễn Thị Thanh Hải	A2K76	95	95	Xuất sắc	
187	2101195	Tô Lê Hải	A3K76	94	94	Xuất sắc	
188	2101196	Trịnh Thị Hải	A4K76	87	87	Tốt	
189	2101197	Hoàng Thu Hằng	A3K76	84	84	Tốt	
190	2101198	Lại Việt Hằng	A1K76	94	94	Xuất sắc	
191	2101199	Ngô Thị Thúy Hằng	A3K76	88	88	Tốt	
192	2101200	Nguyễn Thu Hằng	A2K76	87	87	Tốt	
193	2101201	Phạm Thị Thúy Hằng	A1K76	87	87	Tốt	
194	2101202	Trần Thị Thanh Hằng	A3K76	86	86	Tốt	
195	2101203	Trần Thu Hằng	A1K76	84	80	Tốt	
196	2101204	Võ Thị Hằng	A2K76	87	87	Tốt	
197	2101205	Bùi Thị Hồng Hạnh	A1K76	88	88	Tốt	
198	2101206	Đỗ Thị Hạnh	A4K76	91	91	Xuất sắc	
199	2101207	Lê Hồng Hạnh	A4K76	93	93	Xuất sắc	
200	2101208	Lê Thị Hạnh	A3K76	93	93	Xuất sắc	
201	2101209	Nguyễn Thị Nguyên Hạnh	A1K76	84	84	Tốt	
202	2101210	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	A2K76	85	85	Tốt	
203	2101211	Trần Thị Kim Hào	A1K76	86	86	Tốt	
204	2101212	Đào Thị Hậu	A2K76	85	85	Tốt	
205	2101213	Đồng Ngọc Hậu	A3K76	85	85	Tốt	
206	2101214	Dương Thanh Hậu	A2K76	87	87	Tốt	
207	2101215	Nguyễn Văn Hậu	A4K76	88	88	Tốt	
208	2101216	Nguyễn Thị Hiền	A1K76	87	87	Tốt	
209	2101217	Nguyễn Thị Thu Hiền	A3K76	92	92	Xuất sắc	
210	2101218	Phạm Thu Hiền	A3K76	87	87	Tốt	
211	2101219	Trần Mai Hiền	A4K76	84	84	Tốt	
212	2101220	Trần Thúy Hiền	A4K76	88	88	Tốt	
213	2101221	Đỗ Minh Hiền	A3K76	88	88	Tốt	
214	2101222	Lê Minh Hiệp	A4K76	87	87	Tốt	
215	2101223	Chu Quang Hiếu	A3K76	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
216	2101224	Đoàn Văn Hiếu	A2K76	97	97	Xuất sắc	
217	2101225	Lê Trung Hiếu	A1K76	87	87	Tốt	
218	2101226	Nguyễn Mạnh Hiếu	A2K76	87	87	Tốt	
219	2101227	Nguyễn Minh Hiếu	A4K76	80	60	Trung bình	Cảnh cáo
220	2101228	Nguyễn Trung Hiếu	A4K76	89	89	Tốt	
221	2101229	Nguyễn Trung Hiếu	A3K76	83	79	Khá	
222	2101230	Trần Quốc Minh Hiếu	A1K76	88	88	Tốt	
223	2101231	Vũ Thị Ngọc Hiếu	A1K76	88	88	Tốt	
224	2101232	Đào Thị Hoa	A4K76	85	85	Tốt	
225	2101233	Đỗ Thị Thanh Hoa	A1K76	91	91	Xuất sắc	
226	2101234	Hồ Ngọc Hoa	A3K76	88	88	Tốt	
227	2101235	Lê Thị Hoa	A4K76	85	79	Khá	
228	2101236	Nguyễn Lệ Hoa	A2K76	85	85	Tốt	
229	2101237	Nguyễn Thanh Hoa	A1K76	90	90	Xuất sắc	
230	2101238	Nguyễn Thị Hoa	A2K76	85	85	Tốt	
231	2101239	Nguyễn Thị Hoa	A1K76	86	86	Tốt	
232	2101240	Nguyễn Ngọc Hòa	A1K76	86	86	Tốt	
233	2101241	Cao Minh Hòa	A4K76	86	86	Tốt	
234	2101242	Phan Thị Hòa	A3K76	84	84	Tốt	
235	2101243	Tạ Đức Hòa	A4K76	83	83	Tốt	
236	2101244	Lê Ngọc Hoàn	A4K76	83	83	Tốt	
237	2101245	Nguyễn Thị Hoàn	A1K76	92	92	Xuất sắc	
238	2101247	Lưu Huy Hoàng	A3K76	87	87	Tốt	
239	2101248	Nguyễn Hữu Việt Hoàng	A2K76	85	85	Tốt	
240	2101249	Nguyễn Huy Hoàng	A2K76	86	86	Tốt	
241	2101250	Nguyễn Minh Hoàng	A1K76	86	86	Tốt	
242	2101251	Nguyễn Việt Hoàng	A4K76	83	83	Tốt	
243	2101252	Nguyễn Xuân Hoàng	A3K76	87	87	Tốt	
244	2101253	Phạm Mạnh Hoàng	A1K76	87	87	Tốt	
245	2101254	Nguyễn Minh Hồng	A3K76	85	85	Tốt	
246	2101255	Trần Thị Bích Hồng	A3K76	84	84	Tốt	
247	2101256	Đặng Thu Huệ	A4K76	87	87	Tốt	
248	2101257	Hồ Thị Huệ	A4K76	85	85	Tốt	
249	2101258	Nguyễn Thị Huệ	A3K76	86	86	Tốt	
250	2101259	Phạm Thị Huệ	A1K76	86	86	Tốt	
251	2101260	Đỗ Tuấn Hùng	A3K76	84	84	Tốt	
252	2101261	Lê Hữu Hùng	A1K76	85	85	Tốt	
253	2101262	Lê Việt Hùng	A1K76	86	86	Tốt	
254	2101263	Nguyễn Mạnh Hùng	A4K76	81	65	Khá	
255	2101264	Nguyễn Văn Hùng	A3K76	85	85	Tốt	
256	2101265	Vũ Mạnh Hùng	A4K76	86	86	Tốt	
257	2101266	Bùi Nhất Hưng	A1K76	85	79	Khá	
258	2101267	Lê Bá Hưng	A3K76	78	78	Khá	
259	2101268	Ma Doãn Hưng	A1K76	84	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
260	2101269	Nguyễn Minh Hưng	A4K76	88	78	Khá	Khiển trách
261	2101270	Nguyễn Phú Hưng	A4K76	85	85	Tốt	
262	2101271	Bùi Lan Hương	A2K76	86	86	Tốt	
263	2101272	Đỗ Thị Lan Hương	A3K76	85	80	Tốt	
264	2101273	Dương Thị Hương	A4K76	87	87	Tốt	
265	2101274	Dương Thị Hương	A2K76	87	87	Tốt	
266	2101275	Nguyễn Duy Thanh Hương	A2K76	87	87	Tốt	
267	2101276	Nguyễn Quỳnh Hương	A2K76	86	86	Tốt	
268	2101277	Nguyễn Quỳnh Hương	A4K76	85	79	Khá	
269	2101278	Nguyễn Thị Mai Hương	A3K76	86	86	Tốt	
270	2101279	Nguyễn Việt Hương	A1K76	87	87	Tốt	
271	2101280	Phạm Diệu Hương	A3K76	85	85	Tốt	
272	2101281	Phạm Thị Thu Hương	A1K76	86	86	Tốt	
273	2101282	Phan Thị Quỳnh Hương	A4K76	87	87	Tốt	
274	2101283	Vũ Đoàn Sông Hương	A1K76	88	88	Tốt	
275	2101284	Nguyễn Bá Hường	A4K76	82	60	Trung bình	Cảnh cáo
276	2101285	Lê Thị Minh Hường	A2K76	87	87	Tốt	
277	2101286	Phùng Thị Thu Hường	A1K76	86	86	Tốt	
278	2101287	Cao Hoàng Huy	A1K76	94	94	Xuất sắc	
279	2101288	Đặng Vũ Huy	A1K76	92	92	Xuất sắc	
280	2101289	Đoàn Quang Huy	A2K76	87	87	Tốt	
281	2101290	Hồ Hữu Quốc Huy	A2K76	86	86	Tốt	
282	2101291	Ngụy Ngọc Huy	A1K76	86	86	Tốt	
283	2101292	Nguyễn Ngọc Huy	A1K76	86	86	Tốt	
284	2101293	Triệu Đỗ An Huy	A4K76	82	79	Khá	
285	2101294	Bùi Khánh Huyền	A1K76	85	85	Tốt	
286	2101295	Bùi Thu Huyền	A3K76	87	87	Tốt	
287	2101296	Cần Ngọc Huyền	A3K76	86	86	Tốt	
288	2101297	Cao Thị Khánh Huyền	A4K76	92	92	Xuất sắc	
289	2101298	Đào Thị Huyền	A2K76	87	87	Tốt	
290	2101299	Đào Thị Huyền	A1K76	87	87	Tốt	
291	2101300	Đinh Thanh Huyền	A1K76	86	86	Tốt	
292	2101301	Đỗ Thị Thanh Huyền	A2K76	86	86	Tốt	
293	2101302	Đỗ Thị Thanh Huyền	A3K76	87	87	Tốt	
294	2101303	Lê Bùi Phương Huyền	A4K76	84	80	Tốt	
295	2101304	Lê Khánh Huyền	A3K76	83	70	Khá	
296	2101305	Lê Thị Ngọc Huyền	A4K76	86	86	Tốt	
297	2101307	Nguyễn Thanh Huyền	A2K76	87	87	Tốt	
298	2101308	Nguyễn Thị Thu Huyền	A1K76	84	79	Khá	
299	2101309	Phạm Thị Khánh Huyền	A1K76	86	86	Tốt	
300	2101310	Phạm Thị Khánh Huyền	A3K76	86	86	Tốt	
301	2101311	Phan Thu Huyền	A3K76	88	88	Tốt	
302	2101312	Trần Thị Thanh Huyền	A3K76	85	85	Tốt	
303	2101313	Vũ Ngọc Huyền	A3K76	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
304	2101314	Lênh Lập Hỷ	A2K76	82	65	Khá	
305	2101315	Lê Tuấn Khải	A4K76	85	85	Tốt	
306	2101316	Mome KHAMPHOUSONE	A1K76	85	85	Tốt	
307	2101317	Trần Trọng Khanh	A4K76	87	87	Tốt	
308	2101318	Khuất Gia Khánh	A1K76	85	85	Tốt	
309	2101319	Nguyễn Khánh	A1K76	86	86	Tốt	
310	2101320	Phạm Bảo Khánh	A4K76	93	93	Xuất sắc	
311	2101321	Phạm Đình Duy Khánh	A4K76	93	93	Xuất sắc	
312	2101322	Phạm Nam Khánh	A2K76	82	79	Khá	
313	2101323	Trần Nam Khánh	A4K76	85	85	Tốt	
314	2101324	Trịnh Duy Khánh	A2K76	86	86	Tốt	
315	2101325	Nguyễn Việt Khiêm	A1K76	87	87	Tốt	
316	2101327	Nguyễn Hữu Khoa	A2K76	86	86	Tốt	
317	2101328	Nguyễn Việt Khoa	A4K76	94	90	Xuất sắc	
318	2101329	Lưu Đỗ Nguyên Khôi	A4K76	82	70	Khá	
319	2101330	Nguyễn Thị Anh Khuê	A2K76	87	87	Tốt	
320	2101331	Dương Trung Kiên	A2K76	81	60	Trung bình	
321	2101332	Lê Trung Kiên	A3K76	84	84	Tốt	
322	2101333	Phạm Trung Kiên	A2K76	86	86	Tốt	
323	2101334	Vũ Công Tuấn Kiệt	A1K76	83	80	Tốt	
324	2101335	Thạch Thị Kim	A1K76	87	87	Tốt	
325	2101336	Nguyễn Thảo My - Kristýna	A2K76	88	88	Tốt	
326	2101337	Trương Minh Kỳ	A1K76	90	90	Xuất sắc	
327	2101338	Nguyễn Phạm Tùng Lâm	A2K76	86	86	Tốt	
328	2101339	Hoàng Thu Lan	A3K76	86	86	Tốt	
329	2101340	Lương Thị Ngọc Lan	A4K76	82	70	Khá	
330	2101341	Phạm Thị Mai Lan	A2K76	86	86	Tốt	
331	2101343	Nguyễn Thạch Liên	A1K76	87	87	Tốt	
332	2101344	Nguyễn Thị Bích Liên	A4K76	87	87	Tốt	
333	2101345	Nguyễn Thị Kim Liên	A4K76	85	85	Tốt	
334	2101346	Tổng Thị Liên	A3K76	84	84	Tốt	
335	2101347	Bùi Bảo Linh	A3K76	87	87	Tốt	
336	2101348	Chu Khánh Linh	A2K76	88	88	Tốt	
337	2101349	Đặng Mai Linh	A4K76	85	80	Tốt	
338	2101350	Đào Thị Linh	A4K76	87	87	Tốt	
339	2101351	Đỗ Khánh Linh	A1K76	92	92	Xuất sắc	
340	2101352	Dương Diệu Linh	A2K76	85	85	Tốt	
341	2101353	Hà Khánh Linh	A1K76	86	86	Tốt	
342	2101354	Hoàng Khánh Linh	A3K76	80	79	Khá	
343	2101355	Hoàng Mỹ Linh	A3K76	96	96	Xuất sắc	
344	2101356	Hoàng Thị Nhật Linh	A3K76	87	87	Tốt	
345	2101357	Hoàng Tuấn Linh	A2K76	87	87	Tốt	
346	2101358	Kim Thị Linh	A2K76	84	84	Tốt	
347	2101359	Lê Khánh Linh	A3K76	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
348	2101360	Lê Ngọc Linh	A2K76	89	89	Tốt	
349	2101361	Lê Thị Phương Linh	A1K76	88	88	Tốt	
350	2101362	Lê Thị Phương Linh	A4K76	86	86	Tốt	
351	2101363	Lương Thùy Linh	A1K76	87	87	Tốt	
352	2101364	Ngô Thị Thùy Linh	A2K76	89	89	Tốt	
353	2101365	Nguyễn Diệu Linh	A4K76	90	90	Xuất sắc	
354	2101366	Nguyễn Hoàng Linh	A4K76	86	86	Tốt	
355	2101367	Nguyễn Khánh Linh	A1K76	85	85	Tốt	
356	2101368	Nguyễn Khánh Linh	A2K76	82	79	Khá	
357	2101369	Nguyễn Khánh Linh	A4K76	85	85	Tốt	
358	2101370	Nguyễn Ngọc Linh	A1K76	85	85	Tốt	
359	2101371	Nguyễn Phương Linh	A2K76	87	87	Tốt	
360	2101372	Nguyễn Thị Hồng Linh	A2K76	83	64	Trung bình	
361	2101373	Nguyễn Thị Khánh Linh	A3K76	87	87	Tốt	
362	2101374	Nguyễn Thị Linh	A3K76	87	79	Khá	
363	2101375	Nguyễn Thị Nhật Linh	A3K76	91	91	Xuất sắc	
364	2101376	Nguyễn Tú Linh	A1K76	85	85	Tốt	
365	2101378	Phạm Khánh Linh	A3K76	89	89	Tốt	
366	2101379	Phạm Phương Linh	A1K76	86	86	Tốt	
367	2101380	Phạm Thùy Linh	A3K76	87	87	Tốt	
368	2101381	Phạm Trần Khánh Linh	A2K76	87	87	Tốt	
369	2101382	Phan Thùy Linh	A1K76	86	86	Tốt	
370	2101383	Tạ Thùy Linh	A2K76	87	87	Tốt	
371	2101384	Thái Thị Linh	A1K76	86	79	Khá	Phê bình
372	2101385	Trần Khánh Linh	A4K76	83	80	Tốt	
373	2101386	Trần Khánh Linh	A1K76	86	86	Tốt	
374	2101387	Trần Phương Linh	A3K76	88	88	Tốt	
375	2101388	Trần Thị Kiều Linh	A2K76	96	96	Xuất sắc	
376	2101389	Trần Thị Phương Linh	A4K76	91	91	Xuất sắc	
377	2101390	Vũ Hải Linh	A1K76	88	88	Tốt	
378	2101391	Vũ Ngọc Hải Linh	A4K76	98	98	Xuất sắc	
379	2101392	Vũ Phương Linh	A1K76	91	91	Xuất sắc	
380	2101393	Nguyễn Thị Loan	A1K76	88	88	Tốt	
381	2101394	Nguyễn Hoàng Long	A2K76	88	88	Tốt	
382	2101395	Nguyễn Văn Long	A1K76	87	87	Tốt	
383	2101396	Trần Ngọc Thế Long	A3K76	85	85	Tốt	
384	2101397	Alisa LOUANGSYSOUPHAN	A1K76	83	83	Tốt	
385	2101398	Trần Thị Lụa	A1K76	91	91	Xuất sắc	
386	2101399	Trần Đức Luân	A2K76	92	92	Xuất sắc	
387	2101400	Trịnh Đình Lục	A2K76	87	87	Tốt	
388	2101401	Maninat LUESASINH	A1K76	85	85	Tốt	
389	2101402	Đoàn Thanh Lương	A2K76	86	86	Tốt	
390	2101403	Nguyễn Thị Lương	A4K76	84	84	Tốt	
391	2101404	Bùi Thị Luyến	A3K76	84	84	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
392	2101405	Vũ Khánh Ly	A4K76	97	90	Xuất sắc	
393	2101406	Nguyễn Thị Minh Lý	A4K76	86	86	Tốt	
394	2101407	Đặng Phương Mai	A2K76	83	79	Khá	
395	2101408	Đặng Phương Mai	A3K76	86	86	Tốt	
396	2101409	Đoàn Ngọc Mai	A3K76	86	86	Tốt	
397	2101410	Hoàng Thanh Mai	A2K76	85	85	Tốt	
398	2101411	Lý Thị Hương Mai	A3K76	86	86	Tốt	
399	2101412	Nguyễn Hoàng Mai	A4K76	88	88	Tốt	
400	2101413	Nguyễn Ngọc Mai	A4K76	86	86	Tốt	
401	2101414	Nguyễn Phương Mai	A3K76	85	85	Tốt	
402	2101415	Phạm Hoàng Mai	A2K76	87	87	Tốt	
403	2101416	Phạm Ngọc Mai	A3K76	86	86	Tốt	
404	2101417	Phạm Thị Xuân Mai	A1K76	86	86	Tốt	
405	2101418	Phạm Xuân Mai	A3K76	85	85	Tốt	
406	2101419	Phan Thanh Mai	A4K76	84	65	Khá	
407	2101420	Vũ Ngọc Mai	A3K76	93	93	Xuất sắc	
408	2101421	Vũ Thị Ngọc Mai	A3K76	99	99	Xuất sắc	
409	2101422	Nguyễn Tiến Mạnh	A1K76	86	86	Tốt	
410	2101424	Trần Đức Mạnh	A3K76	86	86	Tốt	
411	2101425	Trần Đức Mạnh	A1K76	84	80	Tốt	
412	2101426	Phonesavanh MANIVONG	A1K76	84	79	Khá	
413	2101427	Bùi Ngọc Minh	A2K76	85	85	Tốt	
414	2101429	Đoàn Nhật Minh	A4K76	84	84	Tốt	
415	2101431	Nguyễn Ngọc Minh	A2K76	86	86	Tốt	
416	2101432	Nguyễn Ngọc Minh	A1K76	85	85	Tốt	
417	2101433	Nguyễn Quang Minh	A3K76	86	86	Tốt	
418	2101434	Nguyễn Tường Minh	A4K76	85	85	Tốt	
419	2101435	Trần Nhật Minh	A1K76	77	60	Trung bình	Cảnh cáo
420	2101436	Trần Tuấn Minh	A2K76	87	87	Tốt	
421	2101437	Trịnh Vũ Tuệ Minh	A4K76	85	85	Tốt	
422	2101438	Trương Ngọc Minh	A4K76	92	92	Xuất sắc	
423	2101439	Bùi Trà My	A1K76	88	88	Tốt	
424	2101440	Đào Thị Diễm My	A3K76	92	92	Xuất sắc	
425	2101441	Đỗ Thị Trà My	A1K76	86	86	Tốt	
426	2101442	Nguyễn Hà My	A2K76	89	89	Tốt	
427	2101443	Phạm Thị Trà My	A4K76	93	93	Xuất sắc	
428	2101444	Phạm Thị Lan Na	A4K76	85	85	Tốt	
429	2101445	Lương Nhật Nam	A4K76	87	87	Tốt	
430	2101446	Nguyễn Hoài Nam	A1K76	83	79	Khá	
431	2101447	Nguyễn Hữu Nam	A2K76	87	87	Tốt	
432	2101448	Nguyễn Thế Nam	A4K76	87	87	Tốt	
433	2101449	Trần Hải Nam	A4K76	92	92	Xuất sắc	
434	2101450	Trịnh Quang Nam	A1K76	87	87	Tốt	
435	2101451	Cao Thị Nga	A2K76	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
436	2101452	Chu Quỳnh Nga	A2K76	87	87	Tốt	
437	2101453	Hoàng Thu Nga	A1K76	98	98	Xuất sắc	
438	2101454	Mạch Thị Huyền Nga	A1K76	85	85	Tốt	
439	2101455	Nguyễn Thị Nga	A3K76	87	87	Tốt	
440	2101456	Nguyễn Thị Nga	A2K76	86	86	Tốt	
441	2101458	Nguyễn Thị Thúy Nga	A4K76	84	84	Tốt	
442	2101459	Trần Phương Nga	A2K76	86	86	Tốt	
443	2101460	Trần Thanh Nga	A4K76	86	86	Tốt	
444	2101461	Bùi Thị Ngân	A4K76	87	87	Tốt	
445	2101462	Đào Kim Ngân	A2K76	83	79	Khá	
446	2101463	Hoàng Linh Ngân	A1K76	84	84	Tốt	
447	2101464	Lê Thị Kim Ngân	A2K76	86	86	Tốt	
448	2101465	Nguyễn Thị Ngân	A1K76	84	84	Tốt	
449	2101466	Nguyễn Thị Thúy Ngân	A4K76	86	86	Tốt	
450	2101467	Trần Thị Kim Ngân	A3K76	87	87	Tốt	
451	2101468	Nguyễn Tuấn Nghĩa	A4K76	81	70	Khá	
452	2101469	Hoàng Thị Bích Ngọc	A1K76	87	87	Tốt	
453	2101470	Lưu Minh Ngọc	A3K76	87	87	Tốt	
454	2101472	Nguyễn Bảo Ngọc	A2K76	94	94	Xuất sắc	
455	2101473	Nguyễn Bích Ngọc	A2K76	85	85	Tốt	
456	2101474	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	A2K76	88	88	Tốt	
457	2101475	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	A3K76	85	85	Tốt	
458	2101476	Nguyễn Vũ Hải Ngọc	A4K76	86	86	Tốt	
459	2101477	Nguyễn Vũ Hiền Ngọc	A2K76	93	93	Xuất sắc	
460	2101478	Phùng Thị Ngọc	A1K76	85	85	Tốt	
461	2101479	Vũ Thị Minh Ngọc	A1K76	96	96	Xuất sắc	
462	2101480	Đàm Nguyễn Khôi Nguyên	A2K76	87	87	Tốt	
463	2101481	Đặng Gia Nguyên	A4K76	83	79	Khá	
464	2101482	Đặng Hoàng Nguyên	A1K76	87	87	Tốt	
465	2101483	Đặng Việt Khôi Nguyên	A2K76	92	92	Xuất sắc	
466	2101484	Mai Văn Nguyên	A1K76	95	95	Xuất sắc	
467	2101485	Tạ Trí Nguyên	A1K76	80	65	Khá	
468	2101486	Trần Minh Nguyên	A3K76	88	88	Tốt	
469	2101487	Vũ Khôi Nguyên	A3K76	90	70	Khá	Khiến trách
470	2101488	Giang Minh Nguyệt	A4K76	86	86	Tốt	
471	2101489	Lý Thị Minh Nguyệt	A2K76	87	87	Tốt	
472	2101490	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	A2K76	86	86	Tốt	
473	2101491	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	A3K76	86	86	Tốt	
474	2101492	Phạm Thị Thu Nguyệt	A2K76	87	87	Tốt	
475	2101493	Lê Thanh Nhân	A2K76	88	88	Tốt	
476	2101495	Đồng Ngọc Nhi	A3K76	85	85	Tốt	
477	2101496	Hà Yến Nhi	A1K76	85	85	Tốt	
478	2101497	Lê Thị Tuệ Nhi	A2K76	88	88	Tốt	
479	2101498	Ngô Thị Thảo Nhi	A1K76	83	80	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
480	2101499	Nguyễn Thị Yến Nhi	A3K76	92	92	Xuất sắc	
481	2101500	Đặng Quỳnh Như	A3K76	94	94	Xuất sắc	
482	2101501	Bùi Hồng Nhung	A1K76	89	89	Tốt	
483	2101502	Lê Hồng Nhung	A1K76	87	87	Tốt	
484	2101503	Lương Cẩm Nhung	A1K76	89	89	Tốt	
485	2101504	Nguyễn Trang Nhung	A4K76	91	91	Xuất sắc	
486	2101505	Phí Thị Hồng Nhung	A3K76	86	86	Tốt	
487	2101506	Nguyễn Đức Ninh	A2K76	86	86	Tốt	
488	2101507	Nguyễn Thị Ngọc Ninh	A4K76	89	89	Tốt	
489	2101508	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	A1K76	86	86	Tốt	
490	2101509	Nguyễn Thị Oanh	A2K76	87	87	Tốt	
491	2101510	Phạm Thị Ngọc Oanh	A2K76	88	88	Tốt	
492	2101511	Phạm Thị Oanh	A1K76	89	89	Tốt	
493	2101512	Trần Thị Kim Oanh	A2K76	86	86	Tốt	
494	2101513	Sanmany PHOMMAVONE	A1K76	82	65	Khá	
495	2101514	Đỗ Hà Phong	A4K76	81	60	Trung bình	
496	2101515	Trần Văn Phong	A2K76	87	87	Tốt	
497	2101516	Keomoukda PHOUNSAVATH	A1K76	83	83	Tốt	
498	2101517	Đinh Hồng Phúc	A4K76	85	85	Tốt	
499	2101518	Nguyễn Thị Phúc	A1K76	88	88	Tốt	
500	2101519	Phạm Hồng Phúc	A1K76	86	86	Tốt	
501	2101520	Bùi Bích Phương	A1K76	85	85	Tốt	
502	2101521	Đặng Thị Phương	A1K76	86	86	Tốt	
503	2101522	Đinh Việt Phương	A2K76	85	85	Tốt	
504	2101523	Đoàn Thị Thu Phương	A3K76	88	88	Tốt	
505	2101524	Lê Thu Phương	A2K76	86	86	Tốt	
506	2101525	Lê Thu Phương	A4K76	85	85	Tốt	
507	2101526	Lý Thanh Phương	A3K76	84	84	Tốt	
508	2101527	Ngô Mai Phương	A3K76	87	87	Tốt	
509	2101528	Nguyễn Hà Phương	A1K76	87	87	Tốt	
510	2101529	Nguyễn Hiền Phương	A2K76	83	83	Tốt	
511	2101530	Nguyễn Ngọc Phương	A4K76	83	83	Tốt	
512	2101532	Nguyễn Thị Thu Phương	A3K76	85	85	Tốt	
513	2101533	Nguyễn Trần Mai Phương	A1K76	98	98	Xuất sắc	
514	2101534	Phạm Minh Phương	A2K76	86	86	Tốt	
515	2101535	Trần Thị Minh Phương	A3K76	86	86	Tốt	
516	2101536	Trần Thu Phương	A4K76	86	86	Tốt	
517	2101537	Trịnh Thu Phương	A3K76	87	87	Tốt	
518	2101538	Hoàng Thị Bích Phương	A3K76	90	90	Xuất sắc	
519	2101540	Đoàn Hữu Quân	A3K76	95	95	Xuất sắc	
520	2101541	Nguyễn Minh Quân	A4K76	86	86	Tốt	
521	2101542	Nguyễn Minh Quân	A3K76	88	88	Tốt	
522	2101543	Nguyễn Văn Quân	A2K76	83	83	Tốt	
523	2101544	Nguyễn Minh Quang	A4K76	89	89	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
524	2101545	Nguyễn Thị Quế	A4K76	84	84	Tốt	
525	2101546	Nguyễn Minh Quý	A4K76	94	94	Xuất sắc	
526	2101547	Lê Thị Tố Uyên	A3K76	84	84	Tốt	
527	2101548	Phạm Thị Quyên	A1K76	85	85	Tốt	
528	2101549	Vũ Thị Quyên	A1K76	86	86	Tốt	
529	2101551	Bùi Diễm Quỳnh	A4K76	92	92	Xuất sắc	
530	2101552	Đoàn Thị Như Quỳnh	A4K76	85	85	Tốt	
531	2101553	Hoàng Như Quỳnh	A2K76	85	85	Tốt	
532	2101554	Hoàng Xuân Quỳnh	A1K76	98	98	Xuất sắc	
533	2101555	Lê Thị Hải Quỳnh	A2K76	87	87	Tốt	
534	2101556	Ngô Diễm Quỳnh	A4K76	85	85	Tốt	
535	2101557	Nguyễn Diễm Quỳnh	A2K76	84	80	Tốt	
536	2101558	Nguyễn Như Quỳnh	A3K76	85	85	Tốt	
537	2101560	Nguyễn Thị Như Quỳnh	A3K76	86	86	Tốt	
538	2101561	Phạm Thị Diễm Quỳnh	A3K76	85	85	Tốt	
539	2101562	Trần Thị Quỳnh	A1K76	87	87	Tốt	
540	2101563	Vũ Thị Như Quỳnh	A2K76	85	85	Tốt	
541	2101564	Nguyễn Thị Sơn	A1K76	85	80	Tốt	
542	2101565	Nguyễn Minh Sơn	A2K76	87	87	Tốt	
543	2101566	Nguyễn Ngọc Sơn	A3K76	81	60	Trung bình	
544	2101567	Nguyễn Sơn Tài	A3K76	83	83	Tốt	
545	2101568	Nguyễn Thành Tài	A4K76	83	83	Tốt	
546	2101570	Đinh Thị Minh Tâm	A3K76	87	87	Tốt	
547	2101571	Dương Thị Thanh Tâm	A1K76	87	87	Tốt	
548	2101572	Lê Thị Tâm	A3K76	85	85	Tốt	
549	2101573	Nguyễn Minh Tâm	A2K76	86	86	Tốt	
550	2101574	Nguyễn Thị Tâm	A4K76	87	87	Tốt	
551	2101575	Nguyễn Thị Tâm	A2K76	86	86	Tốt	
552	2101576	Vũ Thị Minh Tâm	A2K76	85	85	Tốt	
553	2101577	Hà Văn Tân	A3K76	86	86	Tốt	
554	2101578	Trương Anh Tấn	A2K76	83	65	Khá	
555	2101579	Lê Đình Thái	A1K76	86	86	Tốt	
556	2101580	Nguyễn Quốc Thái	A3K76	94	94	Xuất sắc	
557	2101581	Vũ Thị Thắm	A1K76	85	85	Tốt	
558	2101582	Bùi Cao Thắng	A3K76	86	86	Tốt	
559	2101583	Đỗ Quang Thắng	A2K76	86	86	Tốt	
560	2101584	Nguyễn Minh Thắng	A4K76	85	85	Tốt	
561	2101585	Phan Dư Thắng	A2K76	86	86	Tốt	
562	2101586	Nguyễn Kim Thanh	A1K76	86	86	Tốt	
563	2101587	Nguyễn Phương Thanh	A3K76	85	85	Tốt	
564	2101588	Nguyễn Phương Thanh	A4K76	88	88	Tốt	
565	2101589	Nguyễn Thị Mỹ Thành	A3K76	85	85	Tốt	
566	2101590	Bùi Phương Thảo	A4K76	85	85	Tốt	
567	2101591	Đỗ Hương Thảo	A2K76	98	98	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
568	2101592	Đỗ Thị Phương Thảo	A3K76	86	86	Tốt	
569	2101593	Lê Phương Thảo	A3K76	86	86	Tốt	
570	2101595	Nguyễn Phương Thảo	A2K76	88	88	Tốt	
571	2101596	Nguyễn Thanh Thảo	A1K76	89	89	Tốt	
572	2101597	Nguyễn Thị Hà Thảo	A4K76	87	87	Tốt	
573	2101598	Nguyễn Thị Phương Thảo	A4K76	89	89	Tốt	
574	2101599	Nguyễn Thị Thanh Thảo	A1K76	89	89	Tốt	
575	2101600	Phạm Phương Thảo	A4K76	83	83	Tốt	
576	2101601	Tô Thị Phương Thảo	A4K76	83	83	Tốt	
577	2101602	Trần Lê Phương Thảo	A2K76	86	86	Tốt	
578	2101603	Trần Phương Thảo	A4K76	93	93	Xuất sắc	
579	2101604	Trần Thị Phương Thảo	A4K76	86	86	Tốt	
580	2101605	Trần Thị Thu Thảo	A3K76	86	86	Tốt	
581	2101606	Võ Thị Thảo	A2K76	86	86	Tốt	
582	2101607	Vũ Phương Thảo	A1K76	88	88	Tốt	
583	2101608	Vũ Thị Phương Thảo	A1K76	88	88	Tốt	
584	2101609	Kim Quang Thép	A4K76	84	80	Tốt	
585	2101610	Trần Cao Thiên	A3K76	85	85	Tốt	
586	2101611	Lữ Trọng Phan Thiện	A2K76	80	60	Trung bình	Cảnh cáo
587	2101612	Bùi Thị Anh Thơ	A1K76	85	85	Tốt	
588	2101613	Nguyễn Thị Hoài Thơm	A1K76	85	85	Tốt	
589	2101614	Nguyễn Thị Thơm	A4K76	85	85	Tốt	
590	2101615	Trần Thị Thơm	A2K76	88	88	Tốt	
591	2101616	Cao Thị Thu	A3K76	85	85	Tốt	
592	2101617	Hà Thị Xuân Thu	A4K76	85	85	Tốt	
593	2101618	Lại Thị Hoài Thu	A1K76	92	92	Xuất sắc	
594	2101619	Nguyễn Thị Hoài Thu	A1K76	86	86	Tốt	
595	2101620	Nguyễn Thị Thu	A4K76	86	86	Tốt	
596	2101621	Phạm Thị Thu	A4K76	85	85	Tốt	
597	2101622	Vũ Minh Thu	A4K76	92	92	Xuất sắc	
598	2101623	Bùi Ngọc Anh Thư	A1K76	86	86	Tốt	
599	2101624	Cao Anh Thư	A4K76	85	85	Tốt	
600	2101625	Công Thị Huyền Thư	A1K76	91	91	Xuất sắc	
601	2101626	Đào Ngọc Anh Thư	A2K76	88	88	Tốt	
602	2101627	Trần Phúc Anh Thư	A3K76	93	93	Xuất sắc	
603	2101628	Lê Thị Thương	A3K76	88	88	Tốt	
604	2101629	Vũ Thị Thương	A4K76	85	85	Tốt	
605	2101630	Hà Thị Phương Thúy	A1K76	90	90	Xuất sắc	
606	2101631	Hoàng Diệu Thùy	A3K76	87	87	Tốt	
607	2101632	Lê Thị Thùy	A3K76	87	87	Tốt	
608	2101633	Vũ Thị Thùy	A2K76	84	84	Tốt	
609	2101634	Bế Thị Thùy	A2K76	86	86	Tốt	
610	2101635	Bùi Thanh Thủy	A3K76	89	89	Tốt	
611	2101636	Hồ Hương Thủy	A2K76	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
612	2101637	Trịnh Thu Thủy	A2K76	85	80	Tốt	
613	2101638	Vũ Bích Thủy	A1K76	85	85	Tốt	
614	2101639	Vũ Thanh Thủy	A1K76	87	87	Tốt	
615	2101640	Phạm Mai Thy	A4K76	84	80	Tốt	
616	2101641	Lê Quốc Tiến	A1K76	98	98	Xuất sắc	
617	2101642	Nguyễn Bá Tiến	A2K76	84	79	Khá	
618	2101643	Vũ Việt Tiến	A1K76	97	97	Xuất sắc	
619	2101644	Bùi Phương Tinh	A3K76	84	79	Khá	
620	2101645	Nguyễn Hữu Toàn	A3K76	90	90	Xuất sắc	
621	2101646	Đàm Thu Trà	A4K76	86	86	Tốt	
622	2101647	Tạ Thị Thanh Trà	A3K76	85	85	Tốt	
623	2101650	Đào Hà Trang	A2K76	94	94	Xuất sắc	
624	2101651	Hoàng Thị Quỳnh Trang	A3K76	87	87	Tốt	
625	2101652	Lê Thị Phương Trang	A3K76	88	88	Tốt	
626	2101653	Lưu Hạnh Trang	A4K76	95	95	Xuất sắc	
627	2101654	Nghiêm Lê Huyền Trang	A2K76	87	87	Tốt	
628	2101655	Nguyễn Hiền Trang	A4K76	87	87	Tốt	
629	2101656	Nguyễn Nhật Trang	A3K76	88	88	Tốt	
630	2101657	Nguyễn Quỳnh Trang	A2K76	86	86	Tốt	
631	2101658	Nguyễn Thị Huyền Trang	A1K76	85	85	Tốt	
632	2101659	Nguyễn Thị Huyền Trang	A2K76	87	87	Tốt	
633	2101660	Nguyễn Thị Kiều Trang	A1K76	86	86	Tốt	
634	2101661	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	A3K76	86	86	Tốt	
635	2101662	Nguyễn Thị Thu Trang	A3K76	88	88	Tốt	
636	2101663	Nguyễn Thị Thu Trang	A1K76	83	83	Tốt	
637	2101664	Nguyễn Thị Trang	A4K76	84	84	Tốt	
638	2101665	Nguyễn Thu Trang	A1K76	85	85	Tốt	
639	2101666	Nguyễn Thu Trang	A3K76	88	88	Tốt	
640	2101667	Phạm Quỳnh Trang	A1K76	90	90	Xuất sắc	
641	2101668	Phạm Thị Kiều Trang	A4K76	85	85	Tốt	
642	2101669	Phạm Thùy Trang	A2K76	83	79	Khá	
643	2101670	Phan Kiều Trang	A4K76	83	83	Tốt	
644	2101671	Phan Quỳnh Trang	A2K76	89	89	Tốt	
645	2101672	Tô Thị Quỳnh Trang	A4K76	87	87	Tốt	
646	2101673	Trần Đoan Trang	A2K76	88	88	Tốt	
647	2101674	Trần Thị Hà Trang	A3K76	86	86	Tốt	
648	2101675	Trịnh Thị Trang	A4K76	87	87	Tốt	
649	2101676	Lê Minh Trí	A2K76	93	93	Xuất sắc	
650	2101677	Trịnh Đức Trí	A1K76	85	85	Tốt	
651	2101678	Bùi Thị Trinh	A4K76	86	86	Tốt	
652	2101679	Hoàng Ngọc Trinh	A1K76	83	79	Khá	
653	2101680	Nguyễn Thị Việt Trinh	A3K76	85	85	Tốt	
654	2101681	Vũ Thị Trinh	A1K76	85	80	Tốt	
655	2101682	Nguyễn Ngọc Trúc	A1K76	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
656	2101683	Hà Quang Trung	A2K76	87	87	Tốt	
657	2101684	Lê Đức Trung	A3K76	87	87	Tốt	
658	2101685	Lý Ngọc Trường	A4K76	85	85	Tốt	
659	2101686	Trương Viết Trường	A3K76	85	85	Tốt	
660	2101687	Bùi Tuấn Tú	A2K76	88	88	Tốt	
661	2101688	Chu Quốc Tuấn	A4K76	86	86	Tốt	
662	2101689	Hoàng Quốc Tuấn	A3K76	86	86	Tốt	
663	2101690	Lã Hoàng Tuấn	A2K76	86	86	Tốt	
664	2101691	Nguyễn Huy Tuấn	A2K76	87	87	Tốt	
665	2101692	Nguyễn Minh Tuấn	A1K76	90	90	Xuất sắc	
666	2101693	Nguyễn Trọng Tuấn	A1K76	89	89	Tốt	
667	2101694	Dương Thanh Tùng	A2K76	88	88	Tốt	
668	2101695	Nguyễn Quang Tùng	A1K76	83	80	Tốt	
669	2101696	Vũ Sơn Tùng	A1K76	94	94	Xuất sắc	
670	2101697	Dương Thị Tươi	A1K76	86	86	Tốt	
671	2101698	Nguyễn Thị Tươi	A2K76	87	87	Tốt	
672	2101699	Đỗ Mạnh Tường	A2K76	89	89	Tốt	
673	2101700	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	A3K76	90	90	Xuất sắc	
674	2101701	Đỗ Thị Thanh Uyên	A2K76	87	87	Tốt	
675	2101702	Dương Tổ Uyên	A1K76	85	79	Khá	
676	2101703	Lê Thị Tổ Uyên	A4K76	87	87	Tốt	
677	2101704	Hoàng Thị Thảo Vân	A3K76	88	88	Tốt	
678	2101705	Hoàng Thị Vân	A4K76	87	87	Tốt	
679	2101706	Lê Thị Thanh Vân	A1K76	88	88	Tốt	
680	2101707	Trịnh Hải Vân	A3K76	86	86	Tốt	
681	2101708	Võ Thảo Vân	A2K76	86	86	Tốt	
682	2101709	Vũ Hồng Vân	A4K76	85	85	Tốt	
683	2101710	Nguyễn Thành Vinh	A1K76	84	80	Tốt	
684	2101711	Lê Bình Vương	A3K76	85	85	Tốt	
685	2101712	Nguyễn Trung Vương	A3K76	82	65	Khá	
686	2101714	Trịnh Nhật Vy	A1K76	85	85	Tốt	
687	2101715	Nguyễn Thị Xuân	A4K76	87	87	Tốt	
688	2101716	Lý Như Ý	A1K76	87	87	Tốt	
689	2101717	Ma Thị Yếm	A1K76	85	85	Tốt	
690	2101718	Đặng Bảo Yến	A1K76	84	84	Tốt	
691	2101719	Hà Hải Yến	A1K76	93	93	Xuất sắc	
692	2101720	Lê Thị Yến	A1K76	85	85	Tốt	
693	2101721	Nguyễn Ngọc Hải Yến	A1K76	86	86	Tốt	
694	2101722	Nguyễn Thị Hải Yến	A2K76	97	97	Xuất sắc	
695	2101723	Trần Hải Yến	A3K76	92	92	Xuất sắc	
696	2101724	Trịnh Hải Yến	A1K76	87	87	Tốt	
697	2101725	Hoàng Tô Gia Huy	A4K76	83	70	Khá	
698	2101726	Khổng Thị Bảo Ngọc	A2K76	85	85	Tốt	
699	2101727	Nguyễn Thị Phương Anh	A2K76	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
700	2101728	Nguyễn Ngọc Chân	A2K76	84	84	Tốt	
701	2101729	Bạch Thùy Dương	A2K76	85	79	Khá	
702	2101730	Vũ Hồ Nam	A3K76	87	87	Tốt	
703	2101731	Mai Thị Nga	A3K76	87	87	Tốt	
704	2101732	Phạm Diễm Quỳnh	A3K76	85	85	Tốt	
705	2101733	Nguyễn Thu Trang	A3K76	93	93	Xuất sắc	

Tổng số 705 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 104
- Loại Tốt: 529
- Loại Khá: 56
- Loại Trung bình: 14
- Loại Yếu: 2

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Khóa: K77

Ngành: ~~Được học~~

Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2101377	Phạm Hà Khánh Linh	A2K77	87	87	Tốt	
2	2101531	Nguyễn Thị Phương	A1K77	82	64	Trung bình	
3	2201001	Bùi Phúc An	A1K77	82	64	Trung bình	
4	2201002	Bùi Thị Thu An	A1K77	88	70	Khá	
5	2201003	Bùi Xuân An	A4K77	87	87	Tốt	
6	2201004	Ngô Tuấn Thành An	A0K77	83	83	Tốt	
7	2201005	Nguyễn Bình An	A4K77	79	54	Trung bình	Khiển trách
8	2201006	Nguyễn Bình Tâm An	A4K77	79	65	Khá	
9	2201007	Nguyễn Hoàng An	A4K77	92	79	Khá	
10	2201009	Nguyễn Thái An	A1K77	86	86	Tốt	
11	2201010	Nguyễn Văn An	A2K77	92	92	Xuất sắc	
12	2201011	Nguyễn Văn Thành An	A2K77	84	79	Khá	
13	2201012	Trần An An	A3K77	85	85	Tốt	
14	2201013	Trần Phú An	A0K77	81	69	Khá	Khiển trách
15	2201014	Trần Phương An	A1K77	87	87	Tốt	
16	2201016	Trần Văn An	A1K77	86	86	Tốt	
17	2201017	Vũ Hữu An	A2K77	82	79	Khá	
18	2201018	Vũ Ngọc An	A3K77	84	64	Trung bình	
19	2201019	Cao Thị Lan Anh	A4K77	83	70	Khá	
20	2201020	Đặng Thị Lan Anh	A2K77	91	90	Xuất sắc	
21	2201021	Đặng Tú Anh	A4K77	87	79	Khá	
22	2201023	Đinh Thị Mai Anh	A1K77	84	79	Khá	
23	2201024	Đỗ Thị Minh Anh	A2K77	84	70	Khá	
24	2201025	Đoàn Thị Phương Anh	A3K77	80	70	Khá	
25	2201026	Đồng Phương Anh	A1K77	89	79	Khá	
26	2201027	Dương Đức Anh	A1K77	94	94	Xuất sắc	
27	2201028	Dương Quang Anh	A3K77	80	79	Khá	
28	2201030	Dương Thị Vân Anh	A2K77	86	79	Khá	
29	2201031	Hoàng Lê Quỳnh Anh	A3K77	85	80	Tốt	
30	2201032	Hoàng Phương Anh	A4K77	82	70	Khá	
31	2201033	Hoàng Quỳnh Anh	A1K77	89	79	Khá	
32	2201034	Hoàng Thị Ngọc Anh	A1K77	83	79	Khá	
33	2201035	Hoàng Thị Vân Anh	A2K77	86	86	Tốt	
34	2201037	Hoàng Trường Đức Anh	A3K77	81	79	Khá	
35	2201038	Hoàng Tuấn Anh	A1K77	83	79	Khá	
36	2201039	Lê Minh Đức Anh	A2K77	87	70	Khá	
37	2201040	Lê Nguyễn Hải Anh	A2K77	86	86	Tốt	
38	2201041	Lê Thị Lan Anh	A2K77	85	85	Tốt	
39	2201042	Lê Thị Lan Anh	A4K77	82	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
40	2201044	Lê Tùng Anh	A4K77	75	60	Trung bình	
41	2201045	Lưu Phương Anh	A2K77	83	70	Khá	
42	2201047	Nguyễn Đăng Quỳnh Anh	A0K77	90	90	Xuất sắc	
43	2201048	Nguyễn Diệu Anh	A3K77	84	84	Tốt	
44	2201049	Nguyễn Đình Ngọc Anh	A2K77	87	87	Tốt	
45	2201051	Nguyễn Hà Anh	A1K77	94	89	Tốt	
46	2201052	Nguyễn Hoàng Anh	A1K77	83	70	Khá	
47	2201053	Nguyễn Hồng Anh	A4K77	76	70	Khá	
48	2201054	Nguyễn Huyền Anh	A2K77	84	80	Tốt	
49	2201055	Nguyễn Ngọc Anh	A1K77	82	64	Trung bình	
50	2201056	Nguyễn Phương Anh	A4K77	86	86	Tốt	
51	2201058	Nguyễn Phương Anh	A1K77	85	79	Khá	
52	2201059	Nguyễn Phương Anh	A1K77	90	90	Xuất sắc	
53	2201060	Nguyễn Quang Anh	A0K77	85	85	Tốt	
54	2201061	Nguyễn Thế Anh	A3K77	81	65	Khá	
55	2201062	Nguyễn Thị Minh Anh	A3K77	87	87	Tốt	
56	2201063	Nguyễn Thị Minh Anh	A2K77	82	70	Khá	
57	2201065	Nguyễn Thị Minh Anh	A2K77	85	85	Tốt	
58	2201066	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	A1K77	89	89	Tốt	
59	2201067	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	A1K77	83	65	Khá	
60	2201069	Nguyễn Văn Anh	A0K77	99	99	Xuất sắc	
61	2201070	Nguyễn Việt Anh	A1K77	82	79	Khá	
62	2201072	Phạm Duy Anh	A0K77	85	85	Tốt	
63	2201073	Phạm Thị Quỳnh Anh	A1K77	81	79	Khá	
64	2201074	Phan Lê Quốc Anh	A3K77	78	60	Trung bình	
65	2201075	Tổng Duy Anh	A3K77	79	70	Khá	
66	2201076	Trần Lan Anh	A1K77	88	88	Tốt	
67	2201077	Trần Thị Quỳnh Anh	A0K77	92	92	Xuất sắc	
68	2201079	Trần Thị Tú Anh	A2K77	88	88	Tốt	
69	2201080	Trần Trịnh Kim Anh	A4K77	87	87	Tốt	
70	2201081	Triệu Tuấn Anh	A3K77	70	60	Trung bình	
71	2201082	Võ Mai Anh	A3K77	85	85	Tốt	
72	2201083	Vũ Minh Anh	A2K77	86	86	Tốt	
73	2201084	Vũ Tâm Anh	A4K77	93	70	Khá	
74	2201086	Vũ Thị Ngọc Anh	A2K77	82	82	Tốt	
75	2201087	Vũ Trần Mai Anh	A0K77	94	94	Xuất sắc	
76	2201088	Đỗ Ngọc Ánh	A2K77	86	86	Tốt	
77	2201089	Hà Ngọc Ánh	A3K77	83	79	Khá	
78	2201090	Lê Thị Ngọc Ánh	A0K77	86	86	Tốt	
79	2201091	Nguyễn Ngọc Ánh	A1K77	84	79	Khá	
80	2201093	Nguyễn Ngọc Ánh	A1K77	86	65	Khá	
81	2201095	Nguyễn Thị Mỹ Ánh	A2K77	84	79	Khá	
82	2201096	Phạm Ngọc Ánh	A2K77	83	70	Khá	
83	2201097	Phạm Trọng Ngọc Ánh	A4K77	81	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
84	2201098	Trần Minh Ánh	A3K77	87	87	Tốt	
85	2201100	Vương Thị Nguyệt Ánh	A1K77	86	86	Tốt	
86	2201101	Lê Bùi Xuân Bắc	A2K77	83	83	Tốt	
87	2201102	Ngô Vũ Đình Bách	A1K77	82	64	Trung bình	
88	2201103	Lê Hoàng Bằng	A2K77	86	86	Tốt	
89	2201104	Nguyễn Sao Bằng	A4K77	85	79	Khá	
90	2201105	Chữ Quốc Bảo	A0K77	87	87	Tốt	
91	2201108	Nguyễn Thái Bảo	A3K77	81	79	Khá	
92	2201109	Nguyễn Xuân Bảo	A3K77	77	64	Trung bình	
93	2201110	Phạm Xuân Bảo	A2K77	80	65	Khá	
94	2201111	Trần Gia Bảo	A3K77	85	79	Khá	
95	2201112	Nguyễn Thị Ngọc Bích	A3K77	93	93	Xuất sắc	
96	2201114	Đỗ Tiến Bình	A2K77	83	70	Khá	
97	2201115	Hoàng Xuân Bình	A1K77	82	60	Trung bình	
98	2201116	Ngô Thị Thanh Bình	A1K77	88	88	Tốt	
99	2201117	Nguyễn Mai Bình	A4K77	90	90	Xuất sắc	
100	2201118	Nguyễn Thị Thanh Bình	A1K77	85	85	Tốt	
101	2201119	Phạm Đức Bình	A3K77	81	79	Khá	
102	2201120	Sonesavan BOUASI	A1K77	82	65	Khá	
103	2201121	Nguyễn Thanh Cảnh	A4K77	77	77	Khá	
104	2201122	Khuất Thu Chang	A1K77	88	88	Tốt	
105	2201123	Nguyễn Tiến Chất	A1K77	86	65	Khá	
106	2201124	Hà Minh Châu	A0K77	93	93	Xuất sắc	
107	2201125	Kiều Bảo Châu	A4K77	85	85	Tốt	
108	2201126	Lê Thị Minh Châu	A2K77	88	80	Tốt	
109	2201127	Ketnignom CHALEUNPHOL	A1K77	82	65	Khá	
110	2201128	Nguyễn Lê Minh Châu	A2K77	81	64	Trung bình	
111	2201129	Vũ Thị Minh Châu	A3K77	74	65	Khá	
112	2201130	Đàm Quế Chi	A2K77	81	79	Khá	
113	2201131	Dương Thị Hoài Chi	A3K77	81	79	Khá	
114	2201133	Lương Hồng Chi	A1K77	86	86	Tốt	
115	2201135	Nguyễn Hiền Chi	A1K77	89	89	Tốt	
116	2201136	Nguyễn Thị Diệp Chi	A2K77	83	83	Tốt	
117	2201137	Phạm Hà Chi	A3K77	80	79	Khá	
118	2201138	Phú Khánh Hạnh Chi	A4K77	86	86	Tốt	
119	2201139	Trần Khánh Chi	A1K77	87	87	Tốt	
120	2201140	Trần Mai Chi	A1K77	88	88	Tốt	
121	2201142	Trương Khánh Chi	A1K77	92	92	Xuất sắc	
122	2201143	Phan Minh Chiến	A4K77	83	83	Tốt	
123	2201144	Hoàng Duy Chinh	A3K77	84	79	Khá	
124	2201145	Nguyễn Thị Việt Chinh	A2K77	85	79	Khá	
125	2201146	Khuất Thị Thanh Chúc	A2K77	88	88	Tốt	
126	2201147	Bùi Quang Cường	A1K77	92	92	Xuất sắc	
127	2201149	Ngô Việt Cường	A1K77	89	80	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
128	2201150	Nguyễn Mạnh Cường	A1K77	82	65	Khá	
129	2201151	Nguyễn Mạnh Cường	A1K77	87	87	Tốt	
130	2201152	Viên Đình Cường	A3K77	80	70	Khá	
131	2201153	Vũ Quốc Cường	A1K77	90	90	Xuất sắc	
132	2201154	Vũ Dương Linh Đài	A0K77	94	94	Xuất sắc	
133	2201156	Trần Đức Đại	A1K77	86	86	Tốt	
134	2201157	Nguyễn Hải Đăng	A4K77	83	64	Trung bình	
135	2201159	Dương Quốc Đạt	A1K77	82	65	Khá	
136	2201160	Hoàng Nghĩa Đạt	A2K77	84	79	Khá	
137	2201161	Nguyễn Doãn Tiến Đạt	A1K77	86	86	Tốt	
138	2201163	Nguyễn Hà Tuấn Đạt	A1K77	84	84	Tốt	
139	2201164	Nguyễn Quốc Đạt	A1K77	81	64	Trung bình	
140	2201165	Nhâm Ngọc Đạt	A2K77	94	94	Xuất sắc	
141	2201166	Phạm Tiến Đạt	A3K77	88	79	Khá	
142	2201167	Vương Tuấn Đạt	A2K77	81	80	Tốt	
143	2201168	Nguyễn Thị Diên	A3K77	82	79	Khá	
144	2201170	Nguyễn Văn Diên	A2K77	85	85	Tốt	
145	2201171	Nguyễn Thị Diệp	A1K77	85	79	Khá	
146	2201172	Nguyễn Thị Ái Diệu	A3K77	81	65	Khá	
147	2201173	Lâm Thị Dinh	A2K77	84	79	Khá	
148	2201174	Nguyễn Văn Dinh	A2K77	82	82	Tốt	
149	2201175	Phạm Quốc Doanh	A3K77	82	79	Khá	
150	2201177	Hồ Nguyễn Anh Đông	A0K77	79	79	Khá	
151	2201178	Bùi Trung Đức	A4K77	85	80	Tốt	
152	2201179	Đặng Quang Đức	A4K77	74	65	Khá	
153	2201180	Đỗ Minh Đức	A2K77	81	65	Khá	
154	2201181	Hoàng Bá Đức	A1K77	85	79	Khá	
155	2201182	Nguyễn Minh Đức	A1K77	80	64	Trung bình	
156	2201184	Nguyễn Minh Đức	A3K77	78	78	Khá	
157	2201185	Nguyễn Minh Đức	A0K77	93	93	Xuất sắc	
158	2201186	Trần Minh Đức	A1K77	81	65	Khá	
159	2201187	Trần Thị Ái Đức	A2K77	82	70	Khá	
160	2201188	Bùi Thị Thùy Dung	A3K77	83	79	Khá	
161	2201189	Lê Thị Dung	A1K77	84	79	Khá	
162	2201191	Lê Thiên Dung	A4K77	82	79	Khá	
163	2201192	Nguyễn Thị Thùy Dung	A1K77	83	70	Khá	
164	2201193	Phạm Thị Thùy Dung	A4K77	84	79	Khá	
165	2201194	Phan Hoàng Dung	A4K77	84	79	Khá	
166	2201195	Bùi Trí Dũng	A2K77	83	79	Khá	
167	2201196	Đặng Việt Dũng	A0K77	79	79	Khá	
168	2201198	Đỗ Tiến Dũng	A1K77	83	70	Khá	
169	2201199	Lưu Danh Dũng	A1K77	89	89	Tốt	
170	2201200	Ngô Tiến Dũng	A4K77	89	89	Tốt	
171	2201201	Nguyễn Mạnh Dũng	A1K77	83	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
172	2201202	Trần Đức Dũng	A1K77	84	79	Khá	
173	2201203	Hà Tuấn Dương	A1K77	85	65	Khá	
174	2201205	Lê Đình Dương	A1K77	84	79	Khá	
175	2201206	Lê Doãn Dương	A2K77	86	86	Tốt	
176	2201207	Ngô Thị Thùy Dương	A1K77	88	80	Tốt	
177	2201208	Nguyễn Dương Dương	A1K77	86	86	Tốt	
178	2201209	Nguyễn Thị Thùy Dương	A2K77	83	70	Khá	
179	2201210	Nguyễn Trung Thùy Dương	A0K77	97	97	Xuất sắc	
180	2201212	Phạm Quang Dương	A3K77	90	90	Xuất sắc	
181	2201213	Quách Văn Dương	A3K77	84	84	Tốt	
182	2201214	Triệu Thùy Dương	A1K77	84	70	Khá	
183	2201215	Trịnh Thùy Dương	A1K77	85	79	Khá	
184	2201216	Trần Nhật Duy	A0K77	78	78	Khá	
185	2201217	Trần Vũ Khương Duy	A4K77	79	70	Khá	
186	2201219	Hà Thị Mỹ Duyên	A4K77	83	65	Khá	
187	2201220	Hoàng Thị Mỹ Duyên	A1K77	87	80	Tốt	
188	2201221	Nguyễn Tâm Duyên	A3K77	83	83	Tốt	
189	2201222	Vũ Thị Mỹ Duyên	A2K77	84	79	Khá	
190	2201223	Ngũ Thị Hồng Gấm	A1K77	86	86	Tốt	
191	2201224	Hà Thị Kim Giang	A1K77	85	85	Tốt	
192	2201226	Lại Hương Giang	A2K77	89	89	Tốt	
193	2201227	Nguyễn Duy Trường Giang	A4K77	84	79	Khá	
194	2201228	Nguyễn Hương Giang	A1K77	86	80	Tốt	
195	2201229	Nguyễn Thị Giang	A2K77	86	86	Tốt	
196	2201230	Nguyễn Trường Giang	A1K77	82	70	Khá	
197	2201231	Trần Đức Giang	A2K77	83	70	Khá	
198	2201233	Trần Hạnh Giang	A1K77	90	89	Tốt	
199	2201234	Trần Hương Giang	A1K77	86	86	Tốt	
200	2201235	Trần Hương Giang	A3K77	83	79	Khá	
201	2201236	Trương Thị Hương Giang	A1K77	87	87	Tốt	
202	2201237	Lê Văn Giáp	A4K77	86	86	Tốt	
203	2201238	Trần Mạnh Giáp	A4K77	96	89	Tốt	
204	2201240	Đàm Cao Hải Hà	A3K77	86	86	Tốt	
205	2201241	Đàm Lê Ngân Hà	A2K77	92	92	Xuất sắc	
206	2201242	Đào Thu Hà	A4K77	84	84	Tốt	
207	2201243	Lê Mạnh Hà	A1K77	95	80	Tốt	
208	2201244	Lê Việt Hà	A2K77	86	86	Tốt	
209	2201245	Nguyễn Ngọc Hà	A1K77	89	89	Tốt	
210	2201247	Nguyễn Ngọc Hà	A3K77	89	89	Tốt	
211	2201248	Nguyễn Thị Hà	A1K77	86	86	Tốt	
212	2201249	Nguyễn Thị Thu Hà	A1K77	83	70	Khá	
213	2201250	Nguyễn Thị Thu Hà	A2K77	74	50	Trung bình	Khiển trách
214	2201252	Phạm Việt Hà	A1K77	84	80	Tốt	
215	2201254	Trần Ngọc Hà	A0K77	85	85	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
216	2201255	Trần Thu Hà	A1K77	86	86	Tốt	
217	2201256	Trương Thị Ngọc Hà	A1K77	92	90	Xuất sắc	
218	2201257	Vũ Thị Hà	A2K77	85	85	Tốt	
219	2201258	Vũ Thị Hà	A2K77	88	88	Tốt	
220	2201259	Bùi Thị Hạ	A3K77	84	84	Tốt	
221	2201261	Nguyễn Duy Hân	A1K77	82	60	Trung bình	
222	2201262	Phạm Đăng Nhật Hân	A1K77	86	86	Tốt	
223	2201263	Hoàng Thị Thu Hằng	A4K77	89	89	Tốt	
224	2201264	Nguyễn Thị Thu Hằng	A1K77	95	90	Xuất sắc	
225	2201265	Nguyễn Tô Hằng	A1K77	94	90	Xuất sắc	
226	2201266	Phùng Thị Thúy Hằng	A2K77	83	70	Khá	
227	2201268	Trần Đỗ Quế Hằng	A3K77	83	83	Tốt	
228	2201269	Trần Minh Hằng	A4K77	96	96	Xuất sắc	
229	2201270	Trần Minh Hằng	A1K77	95	95	Xuất sắc	
230	2201271	Trần Thanh Hằng	A2K77	86	86	Tốt	
231	2201272	Mã Thị Hạnh	A1K77	84	70	Khá	
232	2201273	Ngô Thúy Hạnh	A1K77	82	65	Khá	
233	2201275	Nguyễn Hồng Hạnh	A1K77	88	88	Tốt	
234	2201276	Nguyễn Thị Hạnh	A3K77	83	79	Khá	
235	2201277	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	A4K77	80	65	Khá	
236	2201278	Trần Thị Diễm Hạnh	A1K77	81	65	Khá	
237	2201279	Hồ Thị Hào	A4K77	87	87	Tốt	
238	2201282	Nguyễn Thị Hậu	A1K77	90	89	Tốt	
239	2201283	Xã Thị Hồng Hậu	A1K77	82	64	Trung bình	
240	2201284	Nguyễn Thị Hiền	A2K77	83	70	Khá	
241	2201285	Nguyễn Thị Thu Hiền	A1K77	83	70	Khá	
242	2201286	Nguyễn Thị Thu Hiền	A3K77	84	84	Tốt	
243	2201287	Nguyễn Thị Thúy Hiền	A2K77	82	65	Khá	
244	2201289	Nguyễn Thu Hiền	A0K77	92	92	Xuất sắc	
245	2201290	Trần Thị Thu Hiền	A1K77	85	85	Tốt	
246	2201291	Trịnh Thị Hiền	A4K77	85	85	Tốt	
247	2201292	Vũ Thị Hiền	A1K77	84	70	Khá	
248	2201294	Hoàng Đức Hiệp	A2K77	82	60	Trung bình	
249	2201296	Nguyễn Hoàng Hiệp	A3K77	77	70	Khá	
250	2201297	Trần Đại Hiệp	A1K77	90	90	Xuất sắc	
251	2201298	Trần Hữu Hoàng Hiệp	A3K77	88	88	Tốt	
252	2201299	Đỗ Vũ Trung Hiếu	A3K77	93	93	Xuất sắc	
253	2201300	Lê Minh Hiếu	A2K77	95	95	Xuất sắc	
254	2201301	Ngô Trần Trung Hiếu	A3K77	84	70	Khá	
255	2201304	Trần Minh Hiếu	A1K77	90	80	Tốt	
256	2201305	Trần Minh Hiếu	A2K77	87	70	Khá	
257	2201306	Lý Thị Hiếu	A2K77	82	70	Khá	
258	2201307	Bùi Thị Quỳnh Hoa	A3K77	83	60	Trung bình	
259	2201308	Lù Thị Hoa	A3K77	81	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
260	2201310	Nguyễn Phương Hoa	A1K77	86	80	Tốt	
261	2201311	Nông Hồng Hoa	A3K77	80	70	Khá	
262	2201312	Phạm Minh Hoa	A2K77	90	90	Xuất sắc	
263	2201313	Voọng Thị Hoa	A4K77	82	64	Trung bình	
264	2201314	Đinh Thanh Hòa	A0K77	93	93	Xuất sắc	
265	2201315	Đỗ Minh Hòa	A4K77	82	65	Khá	
266	2201317	Nguyễn Khánh Hòa	A2K77	84	84	Tốt	
267	2201318	Nguyễn Thị Hòa	A2K77	86	86	Tốt	
268	2201319	Vũ Thúy Hòa	A2K77	86	86	Tốt	
269	2201320	Kiều Thị Thu Hoài	A2K77	82	70	Khá	
270	2201321	Ngô Thị Hoài	A4K77	85	85	Tốt	
271	2201322	Nguyễn Thị Thu Hoài	A1K77	83	70	Khá	
272	2201324	Trần Phương Hoài	A1K77	82	70	Khá	
273	2201325	Trần Thị Thanh Hoài	A2K77	86	86	Tốt	
274	2201326	Đặng Bùi Hoàn	A2K77	84	79	Khá	
275	2201327	Lê Thị Hoàn	A1K77	83	70	Khá	
276	2201328	Đỗ Duy Minh Hoàng	A3K77	81	65	Khá	
277	2201329	Lê Văn Hoàng	A2K77	83	70	Khá	
278	2201331	Nguyễn Duy Hoàng	A4K77	91	89	Tốt	
279	2201333	Nguyễn Khánh Hoàng	A2K77	84	80	Tốt	
280	2201334	Nguyễn Minh Hoàng	A4K77	86	64	Trung bình	
281	2201335	Nguyễn Nhật Hoàng	A2K77	98	98	Xuất sắc	
282	2201336	Trần Việt Hoàng	A0K77	81	81	Tốt	
283	2201338	Trương Minh Hoàng	A2K77	95	95	Xuất sắc	
284	2201339	Nguyễn Thu Hôi	A1K77	83	64	Trung bình	
285	2201340	Hà Thị Hồng	A1K77	83	70	Khá	
286	2201341	Nguyễn Thu Hồng	A3K77	85	85	Tốt	
287	2201342	Phan Thị Huê	A3K77	83	79	Khá	
288	2201343	Lê Thị Huế	A4K77	84	84	Tốt	
289	2201345	Nguyễn Thị Huế	A2K77	90	90	Xuất sắc	
290	2201346	Đinh Thị Huệ	A3K77	86	86	Tốt	
291	2201347	Lê Phương Huệ	A1K77	92	92	Xuất sắc	
292	2201348	Ngô Thị Bích Huệ	A2K77	98	98	Xuất sắc	
293	2201349	Ngô Thị Minh Huệ	A3K77	85	85	Tốt	
294	2201350	Nguyễn Thị Huệ	A1K77	83	70	Khá	
295	2201352	Bùi Quốc Hùng	A1K77	83	65	Khá	
296	2201353	Đào Việt Hùng	A3K77	84	84	Tốt	
297	2201354	Lê Danh Hùng	A3K77	82	65	Khá	
298	2201355	Nguyễn Đức Hùng	A2K77	75	75	Khá	
299	2201356	Nguyễn Huy Hùng	A4K77	85	85	Tốt	
300	2201357	Nguyễn Việt Hùng	A4K77	79	65	Khá	
301	2201360	Đoàn Mạnh Hưng	A4K77	87	79	Khá	
302	2201361	Lê Minh Hưng	A1K77	85	85	Tốt	
303	2201362	Nguyễn Hải Hưng	A3K77	81	81	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
304	2201363	Trần Ngọc Hưng	A2K77	91	89	Tốt	
305	2201364	Hà Thu Hương	A4K77	86	86	Tốt	
306	2201366	Nguyễn Thị Hương	A3K77	83	79	Khá	
307	2201367	Đặng Thị Mỹ Hường	A3K77	85	85	Tốt	
308	2201368	Mai Thị Hường	A3K77	85	79	Khá	
309	2201369	Ngô Thị Hường	A1K77	91	70	Khá	
310	2201370	Nguyễn Thu Hường	A2K77	87	87	Tốt	
311	2201371	Trương Thị Hường	A3K77	86	86	Tốt	
312	2201373	Doãn Ngọc Huy	A2K77	79	64	Trung bình	
313	2201374	Nguyễn Quang Huy	A3K77	95	95	Xuất sắc	
314	2201375	Bùi Thị Khánh Huyền	A4K77	93	80	Tốt	
315	2201376	Bùi Thị Khánh Huyền	A2K77	85	80	Tốt	
316	2201377	Cao Thị Huyền	A1K77	88	88	Tốt	
317	2201378	Đặng Thanh Huyền	A1K77	91	90	Xuất sắc	
318	2201380	Đặng Thị Huyền	A3K77	86	70	Khá	
319	2201381	Đỗ Diệu Huyền	A2K77	84	80	Tốt	
320	2201382	Hà Thị Thu Huyền	A1K77	83	79	Khá	
321	2201383	Hoàng Thu Huyền	A4K77	84	80	Tốt	
322	2201384	Nguyễn Khánh Huyền	A1K77	96	96	Xuất sắc	
323	2201385	Nguyễn Thị Huyền	A1K77	92	92	Xuất sắc	
324	2201387	Nguyễn Thị Khánh Huyền	A2K77	82	64	Trung bình	
325	2201388	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	A4K77	82	50	Trung bình	Cảnh cáo
326	2201389	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	A4K77	85	64	Trung bình	
327	2201390	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	A3K77	84	84	Tốt	
328	2201391	Nguyễn Thị Thanh Huyền	A4K77	93	89	Tốt	
329	2201392	Nguyễn Thị Thu Huyền	A2K77	93	93	Xuất sắc	
330	2201394	Nguyễn Thị Thu Huyền	A2K77	86	86	Tốt	
331	2201395	Phạm Mai Thu Huyền	A3K77	80	80	Tốt	
332	2201396	Phạm Minh Huyền	A2K77	91	90	Xuất sắc	
333	2201397	Phạm Thanh Huyền	A1K77	86	86	Tốt	
334	2201399	Phan Ngọc Huyền	A4K77	86	86	Tốt	
335	2201401	Phan Thị Huyền	A1K77	84	84	Tốt	
336	2201402	Trần Thị Thu Huyền	A3K77	84	84	Tốt	
337	2201403	Hà Thế Khánh	A1K77	82	79	Khá	
338	2201404	Lê Nguyễn Viết Khánh	A4K77	77	77	Khá	
339	2201405	Mạc Bàn Duy Khánh	A2K77	82	65	Khá	
340	2201406	Nguyễn Ngọc Khánh	A4K77	85	64	Trung bình	
341	2201407	Oudalay KHOUNMAVONG	A1K77	82	50	Trung bình	
342	2201408	Nguyễn Ngọc Khánh	A4K77	84	79	Khá	
343	2201409	Nguyễn Thị Vân Khánh	A3K77	84	65	Khá	
344	2201410	Vũ Quang Khánh	A3K77	87	87	Tốt	
345	2201411	Phạm Đăng Khoa	A3K77	80	79	Khá	
346	2201412	Đoàn Thị Lệ Khuyên	A4K77	80	70	Khá	
347	2201413	Đinh Tuấn Kiên	A1K77	83	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
348	2201414	Kingkeo KEOKINNALY	A1K77	82	50	Trung bình	
349	2201415	Đỗ Trần Trung Kiên	A0K77	78	78	Khá	
350	2201416	Vũ Đức Kiên	A4K77	83	79	Khá	
351	2201417	Hà Xuân Kiều	A3K77	82	70	Khá	
352	2201418	Nguyễn Hải Lâm	A2K77	84	84	Tốt	
353	2201419	Nguyễn Tùng Lâm	A4K77	86	86	Tốt	
354	2201420	Nguyễn Vũ Công Phúc Lâm	A0K77	84	80	Tốt	
355	2201422	Lê Thị Mai Lan	A4K77	82	70	Khá	
356	2201424	Nguyễn Thị Lan	A4K77	87	87	Tốt	
357	2201425	Trần Thị Hương Lan	A4K77	84	80	Tốt	
358	2201426	Hoàng Lân	A2K77	82	65	Khá	
359	2201427	Lê Sỹ Tuấn Lân	A3K77	86	86	Tốt	
360	2201429	Ngô Gia Lệ	A3K77	80	64	Trung bình	
361	2201430	Nguyễn Trần Nhật Lệ	A2K77	83	83	Tốt	
362	2201431	Phan Mỹ Lệ	A3K77	81	79	Khá	
363	2201432	Nguyễn Thị Liên	A2K77	86	86	Tốt	
364	2201433	Phan Thị Phương Liên	A4K77	83	80	Tốt	
365	2201434	Bùi Hương Linh	A1K77	88	80	Tốt	
366	2201436	Bùi Thị Hà Linh	A4K77	86	86	Tốt	
367	2201437	Cao Khánh Linh	A3K77	90	89	Tốt	
368	2201438	Đàm Nguyễn Phương Linh	A0K77	85	85	Tốt	
369	2201439	Đặng Ngọc Linh	A0K77	97	97	Xuất sắc	
370	2201440	Đặng Thùy Linh	A4K77	83	79	Khá	
371	2201441	Đào Thị Ngọc Linh	A2K77	83	79	Khá	
372	2201443	Đậu Nguyễn Phương Linh	A2K77	90	70	Khá	
373	2201444	Dương Khánh Linh	A3K77	83	79	Khá	
374	2201445	Dương Phương Linh	A3K77	82	60	Trung bình	Cảnh cáo
375	2201446	Dương Thị Khánh Linh	A3K77	83	60	Trung bình	Cảnh cáo
376	2201447	Hà Anh Ngọc Linh	A4K77	84	64	Trung bình	
377	2201448	Hà Khánh Linh	A2K77	94	90	Xuất sắc	
378	2201450	Hoàng Thị Hà Linh	A2K77	92	92	Xuất sắc	
379	2201451	Lê Thị Hà Linh	A2K77	95	95	Xuất sắc	
380	2201452	Lê Thùy Linh	A0K77	81	79	Khá	
381	2201453	Lương Thị Khánh Linh	A2K77	85	85	Tốt	
382	2201454	Nguyễn Diệu Linh	A3K77	83	79	Khá	
383	2201457	Nguyễn Khánh Linh	A4K77	90	90	Xuất sắc	
384	2201458	Nguyễn Khánh Linh	A0K77	86	86	Tốt	
385	2201459	Nguyễn Phương Linh	A0K77	92	92	Xuất sắc	
386	2201461	Nguyễn Thị Huyền Linh	A3K77	88	80	Tốt	
387	2201462	Nguyễn Thị Linh	A1K77	85	85	Tốt	
388	2201464	Nguyễn Thị Linh	A2K77	82	65	Khá	
389	2201465	Nguyễn Thị Mỹ Linh	A1K77	86	86	Tốt	
390	2201466	Nguyễn Thùy Linh	A2K77	83	79	Khá	
391	2201467	Nguyễn Thùy Linh	A4K77	83	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
392	2201468	Nguyễn Việt Linh	A4K77	76	64	Trung bình	
393	2201469	Nguyễn Vũ Ngọc Linh	A2K77	96	96	Xuất sắc	
394	2201471	Phạm Hà Khánh Linh	A1K77	86	80	Tốt	
395	2201472	Phùng Diệu Linh	A3K77	85	85	Tốt	
396	2201473	Tô Ngọc Linh	A2K77	96	96	Xuất sắc	
397	2201474	Trần Diệu Linh	A1K77	83	79	Khá	
398	2201476	Trần Khánh Linh	A3K77	83	65	Khá	
399	2201478	Trần Thị Thùy Linh	A1K77	87	87	Tốt	
400	2201479	Trần Thị Thùy Linh	A3K77	85	85	Tốt	
401	2201480	Trương Thùy Linh	A2K77	81	70	Khá	
402	2201481	Vũ Khánh Linh	A4K77	84	79	Khá	
403	2201482	Vũ Khánh Linh	A2K77	86	86	Tốt	
404	2201483	Vũ Ngọc Phương Linh	A4K77	89	89	Tốt	
405	2201485	Vũ Nguyễn Diệu Linh	A4K77	86	86	Tốt	
406	2201486	Vũ Phương Linh	A2K77	87	87	Tốt	
407	2201487	Nguyễn Thị Phương Loan	A3K77	84	70	Khá	
408	2201488	Phạm Bích Loan	A3K77	93	93	Xuất sắc	
409	2201489	Phạm Thị Thanh Loan	A3K77	84	84	Tốt	
410	2201490	Đỗ Xuân Lộc	A1K77	87	87	Tốt	
411	2201492	Lê Thành Long	A2K77	90	89	Tốt	
412	2201493	Ngô Đức Long	A2K77	83	83	Tốt	
413	2201494	Nguyễn Hoàng Bảo Long	A1K77	94	94	Xuất sắc	
414	2201496	Nguyễn Đình Luật	A4K77	88	80	Tốt	
415	2201497	Đỗ Công Lực	A3K77	80	79	Khá	
416	2201500	Nguyễn Thị Cẩm Ly	A1K77	82	64	Trung bình	
417	2201501	Nguyễn Thị Khánh Ly	A1K77	86	86	Tốt	
418	2201502	Nguyễn Thị Khánh Ly	A2K77	87	87	Tốt	
419	2201503	Nguyễn Thị Vân Ly	A2K77	83	70	Khá	
420	2201504	Trịnh Thị Yến Ly	A4K77	80	70	Khá	
421	2201506	Vi Thị Nam Ly	A2K77	86	65	Khá	
422	2201507	Chu Nhật Mai	A1K77	93	80	Tốt	
423	2201508	Đặng Tuyết Mai	A0K77	91	89	Tốt	
424	2201510	Lê Ngọc Mai	A3K77	81	70	Khá	
425	2201511	Lộc Xuân Mai	A3K77	78	64	Trung bình	
426	2201513	Nghiêm Xuân Mai	A0K77	83	79	Khá	
427	2201514	Nguyễn Phương Mai	A1K77	82	70	Khá	
428	2201515	Nguyễn Thanh Mai	A2K77	82	64	Trung bình	
429	2201517	Trần Thị Ngọc Mai	A4K77	91	91	Xuất sắc	
430	2201518	Trần Thị Ngọc Mai	A2K77	88	88	Tốt	
431	2201520	Trần Thị Thanh Mai	A2K77	83	70	Khá	
432	2201521	Trần Thị Thùy Mai	A3K77	93	93	Xuất sắc	
433	2201522	Trần Thị Tuyết Mai	A4K77	89	89	Tốt	
434	2201523	Đỗ Đức Mạnh	A4K77	98	98	Xuất sắc	
435	2201524	Nguyễn Văn Mạnh	A3K77	85	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
436	2201525	Phạm Quang Mạnh	A2K77	90	89	Tốt	
437	2201526	Enna MANIVONE	A1K77	82	50	Trung bình	
438	2201527	Trần Khắc Mạnh	A4K77	89	89	Tốt	
439	2201528	Trương Sỹ Mạnh	A3K77	96	96	Xuất sắc	
440	2201529	Bùi Ngọc Minh	A4K77	89	80	Tốt	
441	2201530	Đinh Viết Minh	A4K77	86	86	Tốt	
442	2201531	Lê Bình Minh	A2K77	82	79	Khá	
443	2201532	Lê Nguyệt Minh	A3K77	85	85	Tốt	
444	2201534	Lê Trần Khánh Minh	A0K77	95	89	Tốt	
445	2201535	Nguyễn Đức Minh	A1K77	81	70	Khá	
446	2201536	Nguyễn Đức Tuấn Minh	A3K77	84	84	Tốt	
447	2201537	Nguyễn Hải Minh	A0K77	94	94	Xuất sắc	
448	2201538	Nguyễn Quang Minh	A2K77	84	84	Tốt	
449	2201539	Nguyễn Quang Minh	A0K77	84	84	Tốt	
450	2201541	Nguyễn Tuấn Minh	A3K77	82	79	Khá	
451	2201542	Nguyễn Tuấn Minh	A1K77	85	85	Tốt	
452	2201543	Phạm Trần Nhật Minh	A3K77	82	82	Tốt	
453	2201544	Trần Nhật Minh	A2K77	90	90	Xuất sắc	
454	2201545	Nguyễn Thị Mơ	A3K77	79	64	Trung bình	
455	2201546	Phạm Thị Mơ	A2K77	83	79	Khá	
456	2201548	Đặng Lê Hà My	A2K77	83	79	Khá	
457	2201549	Đinh Trà My	A0K77	90	90	Xuất sắc	
458	2201550	Đinh Trang My	A3K77	83	79	Khá	
459	2201551	Dương Trà My	A0K77	95	90	Xuất sắc	
460	2201552	Mai Thị Trà My	A2K77	86	86	Tốt	
461	2201553	Nguyễn Thanh Trà My	A0K77	90	90	Xuất sắc	
462	2201555	Nguyễn Thảo My	A3K77	82	82	Tốt	
463	2201556	Nguyễn Thị My	A4K77	80	79	Khá	
464	2201557	Phạm Thị Trà My	A1K77	82	70	Khá	
465	2201558	Nguyễn Thị Thoại Mỹ	A2K77	86	86	Tốt	
466	2201559	Trịnh Ái Mỹ	A4K77	85	85	Tốt	
467	2201560	Lê Na	A1K77	85	79	Khá	
468	2201563	Võ Lê Na	A4K77	85	85	Tốt	
469	2201564	Nguyễn Hải Nam	A0K77	81	81	Tốt	
470	2201565	Nguyễn Thành Nam	A4K77	97	97	Xuất sắc	
471	2201566	Hoàng Lê Thanh Nga	A3K77	87	87	Tốt	
472	2201567	Lê Thị Việt Nga	A1K77	87	87	Tốt	
473	2201569	Nguyễn Phương Nga	A4K77	84	80	Tốt	
474	2201570	Nguyễn Thu Nga	A1K77	98	98	Xuất sắc	
475	2201571	Phùng Thị Thúy Nga	A1K77	91	91	Xuất sắc	
476	2201572	Trần Hồng Nga	A3K77	83	79	Khá	
477	2201573	Bùi Thị Kim Ngân	A1K77	83	70	Khá	
478	2201574	Cần Thu Ngân	A4K77	82	80	Tốt	
479	2201576	Cao Thúy Ngân	A4K77	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
480	2201577	Đỗ Hạnh Ngân	A3K77	80	65	Khá	
481	2201578	Đỗ Phương Ngân	A0K77	84	84	Tốt	
482	2201579	Lê Thị Kim Ngân	A2K77	82	70	Khá	
483	2201580	Nguyễn Diễm Ngân	A4K77	90	90	Xuất sắc	
484	2201583	Nguyễn Phương Ngân	A0K77	83	83	Tốt	
485	2201584	Nguyễn Thị Kim Ngân	A4K77	86	86	Tốt	
486	2201585	Nguyễn Thị Ngân	A1K77	86	86	Tốt	
487	2201586	Nguyễn Thị Trang Ngân	A0K77	82	80	Tốt	
488	2201587	Trần Hạnh Ngân	A1K77	92	79	Khá	
489	2201588	Trần Thị Ngân	A3K77	81	64	Trung bình	
490	2201590	Vũ Kim Ngân	A3K77	82	82	Tốt	
491	2201591	Lê Thị Nghĩa	A1K77	86	86	Tốt	
492	2201593	Vũ Minh Nghĩa	A4K77	85	80	Tốt	
493	2201595	Đinh Thị Diệu Ngọc	A3K77	90	89	Tốt	
494	2201597	Đỗ Thị Hồng Ngọc	A2K77	82	70	Khá	
495	2201598	Hoàng Minh Ngọc	A3K77	80	79	Khá	
496	2201599	Lê Bảo Ngọc	A4K77	82	82	Tốt	
497	2201600	Lê Vũ Bảo Ngọc	A4K77	82	64	Trung bình	
498	2201601	Mai Thị Ánh Ngọc	A1K77	90	90	Xuất sắc	
499	2201602	Nguyễn Minh Ngọc	A4K77	83	83	Tốt	
500	2201604	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	A3K77	92	90	Xuất sắc	
501	2201605	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	A1K77	85	85	Tốt	
502	2201606	Phạm Bích Ngọc	A3K77	88	88	Tốt	
503	2201607	Phạm Minh Ngọc	A1K77	84	84	Tốt	
504	2201608	Tổng Minh Ngọc	A0K77	83	83	Tốt	
505	2201609	Trần Thị Ngọc	A4K77	87	87	Tốt	
506	2201611	Trương Ánh Ngọc	A2K77	83	79	Khá	
507	2201612	Vũ Thị Hồng Ngọc	A4K77	85	80	Tốt	
508	2201613	Dương Nhật Nguyên	A0K77	94	94	Xuất sắc	
509	2201614	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	A0K77	83	83	Tốt	
510	2201615	Nguyễn Thị Bình Nguyên	A4K77	86	86	Tốt	
511	2201616	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	A4K77	86	86	Tốt	
512	2201618	Nguyễn Minh Nguyệt	A2K77	85	85	Tốt	
513	2201619	Nguyễn Thị Nguyệt	A4K77	80	79	Khá	
514	2201620	Nguyễn Thị Nguyệt	A4K77	87	87	Tốt	
515	2201621	Trần Thị Nhài	A3K77	84	79	Khá	
516	2201622	Nguyễn Doãn Nhật	A3K77	93	90	Xuất sắc	
517	2201623	Đỗ Thị Yến Nhi	A4K77	85	85	Tốt	
518	2201625	Đoàn Yến Nhi	A3K77	81	64	Trung bình	
519	2201626	Lê Yến Nhi	A1K77	86	86	Tốt	
520	2201627	Nguyễn Hằng Nhi	A1K77	88	88	Tốt	
521	2201628	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	A3K77	84	79	Khá	
522	2201629	Nông Ngọc Nhi	A3K77	81	70	Khá	
523	2201630	Phạm Yến Nhi	A4K77	89	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
524	2201632	Bùi Hồng Nhung	A2K77	87	87	Tốt	
525	2201633	Đặng Thị Hồng Nhung	A1K77	83	70	Khá	
526	2201634	Đặng Thị Nhung	A3K77	83	79	Khá	
527	2201635	Hoàng Huyền Nhung	A1K77	83	70	Khá	
528	2201636	Nguyễn Mai Hồng Nhung	A0K77	99	99	Xuất sắc	
529	2201637	Nguyễn Thị Hồng Nhung	A4K77	82	70	Khá	
530	2201639	Phạm Hồng Nhung	A4K77	73	58	Trung bình	Cảnh cáo
531	2201640	Bùi Thế Niên	A2K77	82	70	Khá	
532	2201641	Vũ Thị Thùy Ninh	A2K77	87	87	Tốt	
533	2201642	Dương Thị Kim Oanh	A3K77	85	85	Tốt	
534	2201643	Nguyễn Thị Oanh	A1K77	84	79	Khá	
535	2201644	Nguyễn Thị Tú Oanh	A4K77	84	84	Tốt	
536	2201646	Phạm Kim Oanh	A1K77	85	79	Khá	
537	2201647	Tạ Kim Oanh	A2K77	88	88	Tốt	
538	2201648	Mekkhala PHAPHONXAY	A1K77	82	64	Trung bình	
539	2201649	Vũ Đình Phong	A2K77	85	85	Tốt	
540	2201650	Lê Anh Phú	A2K77	82	70	Khá	
541	2201651	Hoàng Minh Phúc	A1K77	83	79	Khá	
542	2201653	Nguyễn Bảo Phúc	A2K77	86	86	Tốt	
543	2201655	Vũ Duy Phúc	A3K77	98	98	Xuất sắc	
544	2201656	Bùi Thu Phương	A2K77	86	86	Tốt	
545	2201657	Đoàn Thu Phương	A2K77	84	79	Khá	
546	2201658	Đồng Đức Phương	A3K77	80	79	Khá	
547	2201660	Nguyễn Hà Phương	A4K77	85	85	Tốt	
548	2201661	Nguyễn Khánh Phương	A4K77	86	86	Tốt	
549	2201662	Nguyễn Minh Phương	A4K77	100	100	Xuất sắc	
550	2201663	Phạm Mai Phương	A4K77	87	87	Tốt	
551	2201664	Phạm Thị Hoài Phương	A1K77	84	65	Khá	
552	2201665	Phan Thu Phương	A4K77	85	85	Tốt	
553	2201667	Trần Thị Hà Phương	A3K77	79	70	Khá	
554	2201668	Trịnh Mai Phương	A0K77	89	80	Tốt	
555	2201670	Vũ Lê Phương	A3K77	81	65	Khá	
556	2201671	Vũ Thảo Phương	A2K77	85	80	Tốt	
557	2201672	Đoàn Thị Phượng	A4K77	87	79	Khá	
558	2201674	Trần Thị Phượng	A2K77	85	80	Tốt	
559	2201675	Trịnh Hồng Quân	A4K77	85	85	Tốt	
560	2201676	Vũ Minh Quân	A4K77	87	87	Tốt	
561	2201677	Chế Đình Quang	A4K77	90	89	Tốt	
562	2201678	Đặng Nhật Quang	A0K77	92	92	Xuất sắc	
563	2201679	Hoàng Minh Quang	A4K77	85	85	Tốt	
564	2201681	Nguyễn Đức Quang	A3K77	81	80	Tốt	
565	2201682	Nguyễn Minh Quang	A2K77	86	86	Tốt	
566	2201683	Phạm Xuân Quang	A3K77	80	79	Khá	
567	2201684	Phan Duy Quang	A1K77	80	64	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
568	2201685	Phan Phúc Quý	A3K77	73	64	Trung bình	
569	2201686	Nguyễn Ngọc Quyên	A3K77	81	64	Trung bình	
570	2201688	Nguyễn Như Thảo Quyên	A1K77	89	89	Tốt	
571	2201689	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	A3K77	87	87	Tốt	
572	2201690	Nguyễn Tuấn Quyền	A1K77	91	79	Khá	
573	2201691	Đinh Phương Quỳnh	A1K77	84	79	Khá	
574	2201692	Hoàng Trúc Quỳnh	A1K77	82	79	Khá	
575	2201693	Lê Thị Thủy Quỳnh	A4K77	86	79	Khá	
576	2201695	Lưu Thị Quỳnh	A4K77	84	80	Tốt	
577	2201696	Ngô Thị Diễm Quỳnh	A1K77	83	79	Khá	
578	2201697	Ngô Thị Quỳnh	A4K77	90	89	Tốt	
579	2201698	Phạm Như Quỳnh	A1K77	85	85	Tốt	
580	2201699	Phạm Như Quỳnh	A4K77	86	86	Tốt	
581	2201700	Vũ Ngọc Quỳnh	A2K77	84	79	Khá	
582	2201701	Narinthone SAYAMONGKHO	A1K77	82	65	Khá	
583	2201702	Nguyễn Hàn Châu Sa	A0K77	85	85	Tốt	
584	2201703	Đậu Thị Sang	A3K77	85	85	Tốt	
585	2201704	Nguyễn Sỹ Sáng	A1K77	86	79	Khá	
586	2201705	Nguyễn Trường Xuân Sinh	A4K77	82	79	Khá	
587	2201706	Đinh Kim Sơn	A4K77	95	95	Xuất sắc	
588	2201707	Hoàng Minh Sơn	A4K77	86	86	Tốt	
589	2201708	Phoyphailin SENGVONG	A1K77	82	65	Khá	
590	2201709	Phạm Thái Sơn	A4K77	92	92	Xuất sắc	
591	2201710	Kiều Thị Nguyên Tâm	A3K77	85	80	Tốt	
592	2201711	Nguyễn Lê Tâm	A3K77	77	64	Trung bình	
593	2201712	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	A1K77	85	85	Tốt	
594	2201713	Trần Minh Tâm	A3K77	86	80	Tốt	
595	2201714	Vũ Thanh Thái	A4K77	76	70	Khá	
596	2201716	Trần Văn Thân	A3K77	83	83	Tốt	
597	2201717	Dương Đình Thắng	A3K77	72	64	Trung bình	
598	2201718	Nguyễn Vũ Thắng	A4K77	84	79	Khá	
599	2201719	Trần Minh Thắng	A4K77	74	65	Khá	
600	2201720	Hoàng Thanh Thanh	A2K77	83	79	Khá	
601	2201721	Lê Thị Hà Thanh	A2K77	86	86	Tốt	
602	2201723	Nguyễn Thị Thanh	A4K77	85	85	Tốt	
603	2201724	Phạm Thị Thanh	A3K77	86	86	Tốt	
604	2201725	Trần Nhật Thanh	A2K77	93	90	Xuất sắc	
605	2201726	Bùi Quốc Thành	A3K77	82	82	Tốt	
606	2201727	Đoàn Văn Thành	A1K77	81	79	Khá	
607	2201728	Nguyễn Xuân Thành	A4K77	77	60	Trung bình	
608	2201730	Đinh Võ Phương Thảo	A2K77	83	79	Khá	
609	2201731	Đỗ Phương Thảo	A3K77	85	79	Khá	
610	2201732	Đỗ Thị Phương Thảo	A3K77	90	90	Xuất sắc	
611	2201733	Đỗ Thị Phương Thảo	A4K77	85	79	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
612	2201734	Hà Phương Thảo	A2K77	74	74	Khá	
613	2201735	Lê Phương Thảo	A2K77	86	86	Tốt	
614	2201737	Lê Thanh Thảo	A2K77	84	79	Khá	
615	2201738	Lê Thị Thảo	A3K77	81	65	Khá	
616	2201739	Lê Trần Phương Thảo	A2K77	79	79	Khá	
617	2201740	Nghiêm Vi Thảo	A3K77	82	65	Khá	
618	2201741	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	A1K77	91	70	Khá	
619	2201742	Nguyễn Phương Thảo	A4K77	95	95	Xuất sắc	
620	2201744	Nguyễn Phương Thảo	A4K77	93	93	Xuất sắc	
621	2201745	Nguyễn Phương Thảo	A4K77	85	85	Tốt	
622	2201746	Nguyễn Thạch Thảo	A4K77	88	88	Tốt	
623	2201747	Nguyễn Thị Thanh Thảo	A1K77	86	86	Tốt	
624	2201748	Nguyễn Thị Thảo	A1K77	84	79	Khá	
625	2201749	Nguyễn Thị Thảo	A4K77	83	79	Khá	
626	2201751	Nguyễn Tiến Thảo	A1K77	86	86	Tốt	
627	2201752	Phạm Thanh Thảo	A3K77	83	83	Tốt	
628	2201753	Vũ Minh Thảo	A4K77	91	91	Xuất sắc	
629	2201754	Vũ Phương Thảo	A1K77	98	98	Xuất sắc	
630	2201755	Vũ Thị Phương Thảo	A1K77	84	80	Tốt	
631	2201756	Vũ Thị Thanh Thảo	A3K77	85	85	Tốt	
632	2201758	Vũ Thị Thanh Thảo	A4K77	86	86	Tốt	
633	2201759	Hoàng Nghĩa Thi	A1K77	85	80	Tốt	
634	2201760	Nguyễn Phúc Thịnh	A4K77	86	86	Tốt	
635	2201761	Vũ Tiến Thịnh	A4K77	96	96	Xuất sắc	
636	2201762	Hoàng Thị Minh Thơ	A3K77	83	80	Tốt	
637	2201763	Nguyễn Tạ Ngọc Thơ	A3K77	83	83	Tốt	
638	2201764	Somsamai THOUMMANY	A1K77	82	50	Trung bình	
639	2201765	Phạm Thị Thơm	A2K77	83	83	Tốt	
640	2201766	Đặng Bảo Thu	A4K77	71	49	Yếu	
641	2201767	Phạm Thị Thu	A3K77	85	85	Tốt	
642	2201768	Trần Thị Thu	A2K77	73	50	Trung bình	Cảnh cáo
643	2201769	Đào Thanh Thư	A4K77	77	50	Trung bình	Cảnh cáo
644	2201770	Hoàng Anh Thư	A2K77	83	70	Khá	
645	2201772	Lưu Anh Thư	A4K77	84	70	Khá	
646	2201773	Nguyễn Minh Thư	A1K77	92	92	Xuất sắc	
647	2201774	Nguyễn Thị Hà Thư	A2K77	92	92	Xuất sắc	
648	2201775	Nguyễn Toàn Thư	A1K77	86	86	Tốt	
649	2201776	Trần Anh Thư	A1K77	82	79	Khá	
650	2201777	Nguyễn Thị Ninh Thương	A2K77	86	86	Tốt	
651	2201779	Nguyễn Thị Thương	A2K77	91	91	Xuất sắc	
652	2201780	Phùng Thị Thanh Thúy	A4K77	84	80	Tốt	
653	2201781	Bùi Thị Thùy	A2K77	92	92	Xuất sắc	
654	2201782	Đoàn Phương Thùy	A1K77	83	65	Khá	
655	2201784	Lê Thị Thu Thùy	A2K77	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
656	2201785	Lò Phương Thúy	A3K77	81	64	Trung bình	
657	2201786	Nguyễn Thị Thu Thủy	A4K77	91	91	Xuất sắc	
658	2201787	Vũ Bích Thủy	A3K77	85	85	Tốt	
659	2201788	Dương Đỗ Minh Tiến	A4K77	84	79	Khá	
660	2201789	Hoàng Quốc Tiến	A1K77	85	79	Khá	
661	2201790	Nguyễn Trần Tiến	A1K77	79	64	Trung bình	
662	2201791	Cao Nguyễn Tín	A2K77	97	90	Xuất sắc	
663	2201793	Lê Chánh Tín	A4K77	91	90	Xuất sắc	
664	2201794	Vũ Văn Toàn	A4K77	82	79	Khá	
665	2201795	Nguyễn Thắng Toàn	A1K77	86	86	Tốt	
666	2201796	Vũ Đình Toàn	A1K77	82	70	Khá	
667	2201797	Nguyễn Thị Thanh Trà	A3K77	87	87	Tốt	
668	2201798	Cao Nguyễn Huyền Trâm	A3K77	78	78	Khá	
669	2201800	Lê Ngọc Trâm	A1K77	86	86	Tốt	
670	2201801	Ngô Bảo Trâm	A3K77	85	85	Tốt	
671	2201802	Cần Phương Trang	A3K77	92	92	Xuất sắc	
672	2201803	Đỗ Hạnh Đoàn Trang	A3K77	90	90	Xuất sắc	
673	2201804	Dương Quỳnh Trang	A1K77	81	65	Khá	
674	2201805	Hoàng Khánh Trang	A4K77	87	70	Khá	
675	2201807	Hoàng Thu Trang	A4K77	78	49	Yếu	Khiến trách
676	2201808	Hoàng Thu Trang	A4K77	82	60	Trung bình	
677	2201809	Lê Huyền Trang	A3K77	84	84	Tốt	
678	2201810	Lê Phan Huyền Trang	A2K77	90	90	Xuất sắc	
679	2201811	Lê Thị Hà Trang	A3K77	80	65	Khá	
680	2201812	Lê Thu Trang	A0K77	91	91	Xuất sắc	
681	2201814	Lưu Thùy Trang	A0K77	93	93	Xuất sắc	
682	2201815	Mai Huyền Trang	A2K77	83	70	Khá	
683	2201816	Ngô Lê Quỳnh Trang	A1K77	91	91	Xuất sắc	
684	2201817	Nguyễn Thị Thu Trang	A4K77	82	70	Khá	
685	2201818	Nguyễn Thị Thùy Trang	A1K77	85	85	Tốt	
686	2201819	Nguyễn Thùy Trang	A2K77	84	84	Tốt	
687	2201821	Nguyễn Thùy Trang	A3K77	87	87	Tốt	
688	2201822	Phạm Huyền Trang	A2K77	86	86	Tốt	
689	2201823	Phùng Thùy Trang	A4K77	84	80	Tốt	
690	2201824	Trần Hà Trang	A4K77	96	96	Xuất sắc	
691	2201825	Trần Huyền Trang	A4K77	85	85	Tốt	
692	2201826	Trần Thị Kiều Trang	A4K77	86	86	Tốt	
693	2201828	Trần Thị Quỳnh Trang	A3K77	82	79	Khá	
694	2201829	Trần Thu Trang	A3K77	82	70	Khá	
695	2201830	Trần Thùy Trang	A0K77	85	85	Tốt	
696	2201831	Vũ Thị Huyền Trang	A3K77	82	70	Khá	
697	2201832	Vương Yến Trang	A1K77	82	64	Trung bình	
698	2201833	Trần Bá Khánh Trình	A1K77	85	85	Tốt	
699	2201835	Lê Thị Thanh Trúc	A4K77	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
700	2201836	Lưu Thành Trung	A4K77	83	65	Khá	
701	2201837	Trần Quốc Trung	A0K77	86	86	Tốt	
702	2201838	Trần Mạnh Trường	A4K77	84	80	Tốt	
703	2201839	Lê Đăng Tú	A1K77	88	88	Tốt	
704	2201840	Lê Thị Cẩm Tú	A0K77	95	95	Xuất sắc	
705	2201842	Nguyễn Cẩm Tú	A1K77	86	86	Tốt	
706	2201843	Nguyễn Nữ Tú	A1K77	87	79	Khá	
707	2201844	Phí Ngọc Tú	A4K77	84	70	Khá	
708	2201845	Trần Cẩm Tú	A3K77	87	87	Tốt	
709	2201846	Cần Mạnh Tuấn	A3K77	83	79	Khá	
710	2201847	Đỗ Minh Tuấn	A2K77	85	85	Tốt	
711	2201849	Hoàng Anh Tuấn	A1K77	84	65	Khá	
712	2201850	Nguyễn Anh Tuấn	A1K77	90	70	Khá	
713	2201851	Vũ Trần Anh Tuấn	A1K77	81	65	Khá	
714	2201852	Nguyễn Tài Tuệ	A2K77	91	90	Xuất sắc	
715	2201853	Đào Duy Tùng	A4K77	86	86	Tốt	
716	2201854	Nguyễn Thanh Tùng	A3K77	83	60	Trung bình	Khiển trách
717	2201856	Đặng Thị Hồng Tươi	A3K77	91	90	Xuất sắc	
718	2201857	Lương Thị Hồng Tươi	A1K77	86	86	Tốt	
719	2201858	Võ Thị Tươi	A1K77	92	92	Xuất sắc	
720	2201859	Cao Thị Ánh Tuyết	A2K77	88	88	Tốt	
721	2201860	Đỗ Ánh Tuyết	A3K77	86	86	Tốt	
722	2201861	Đỗ Thị Ánh Tuyết	A1K77	84	65	Khá	
723	2201863	Dương Thị Ánh Tuyết	A1K77	84	65	Khá	
724	2201864	Nguyễn Diệu Tuyết	A1K77	83	79	Khá	
725	2201865	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	A4K77	83	79	Khá	
726	2201866	Đào Thị Thu Uyên	A2K77	84	79	Khá	
727	2201867	Lưu Phương Uyên	A1K77	85	70	Khá	
728	2201868	Nguyễn Phương Uyên	A3K77	81	70	Khá	
729	2201871	Trần Thị Phương Uyên	A2K77	85	85	Tốt	
730	2201872	Trịnh Nguyễn Tổ Uyên	A2K77	84	79	Khá	
731	2201873	Vũ Lan Uyên	A3K77	84	80	Tốt	
732	2201874	Đặng Thị Cẩm Vân	A4K77	82	80	Tốt	
733	2201875	Đinh Ngọc Vân	A0K77	93	93	Xuất sắc	
734	2201877	Đinh Thị Vân	A2K77	86	86	Tốt	
735	2201878	Hà Thị Vân	A4K77	84	79	Khá	
736	2201879	Lê Thị Thanh Vân	A3K77	86	86	Tốt	
737	2201880	Nguyễn Thị Vân	A3K77	83	79	Khá	
738	2201881	Trần Thị Tường Vi	A4K77	88	79	Khá	
739	2201882	Tăng Đức Việt	A3K77	86	86	Tốt	
740	2201884	Hoàng Đình Vinh	A4K77	82	65	Khá	
741	2201885	Lại Thành Vinh	A4K77	72	65	Khá	
742	2201886	Phạm Thúy Vinh	A3K77	85	79	Khá	
743	2201887	Dương Phạm Anh Vũ	A1K77	82	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
744	2201888	Nguyễn Đình Vũ	A2K77	86	86	Tốt	
745	2201889	Nguyễn Tài Vũ	A3K77	81	70	Khá	
746	2201892	Hoàng Bá Vượng	A2K77	80	79	Khá	
747	2201893	Hoàng Quốc Vượng	A2K77	86	76	Khá	Khiển trách
748	2201894	Lê Hà Vy	A0K77	94	94	Xuất sắc	
749	2201895	Nguyễn Khánh Vy	A1K77	86	86	Tốt	
750	2201896	Phạm Thanh Vy	A2K77	82	70	Khá	
751	2201897	Mimay XOMPHOUVISETH	A1K77	78	64	Trung bình	
752	2201898	Trần Tường Vy	A3K77	73	65	Khá	
753	2201899	Vũ Hà Thảo Vy	A3K77	98	98	Xuất sắc	
754	2201900	Vũ Thảo Vy	A1K77	85	85	Tốt	
755	2201901	Đinh Thị Như Ý	A4K77	82	64	Trung bình	
756	2201902	Bùi Hải Yến	A2K77	82	64	Trung bình	
757	2201903	Nguyễn Hải Yến	A0K77	100	100	Xuất sắc	
758	2201905	Nguyễn Thị Hải Yến	A0K77	84	84	Tốt	
759	2201906	Nguyễn Thị Hồng Yến	A3K77	74	64	Trung bình	
760	2201907	Vũ Hoàng Yến	A4K77	84	79	Khá	
761	2201908	Nguyễn Quỳnh Hoa	A3K77	90	80	Tốt	
762	2201909	Trần Vũ Thùy Linh	A2K77	88	88	Tốt	
763	2201910	Đoàn Hà Yến Nhi	A3K77	87	79	Khá	
764	2201911	Bùi Xuân Thái	A3K77	88	80	Tốt	
765	2201912	Nguyễn Hà Trang	A4K77	87	87	Tốt	
766	2201913	Trần Thị Cẩm Tú	A4K77	86	86	Tốt	
767	2201914	Nguyễn Quang Vinh	A4K77	86	86	Tốt	

Tổng số 767 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 104
- Loại Tốt: 318
- Loại Khá: 280
- Loại Trung bình: 63
- Loại Yếu: 2

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Khóa: K78

Ngành: Dược học

Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1

Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2201068	Nguyễn Thị Vân Anh	A1K78	79	60	Trung bình	
2	2301001	Bùi Thu An	A3K78	85	85	Tốt	
3	2301003	Đỗ Thị Hoài An	A4K78	96	96	Xuất sắc	
4	2301004	Hồ Thị Hà An	A4K78	85	85	Tốt	
5	2301005	Hồ Thị Mai An	A4K78	88	88	Tốt	
6	2301006	Hoàng Vĩnh An	A4K78	97	97	Xuất sắc	
7	2301007	Nguyễn Danh An	A4K78	92	92	Xuất sắc	
8	2301008	Nguyễn Hải An	A2K78	85	85	Tốt	
9	2301009	Nguyễn Quốc An	A1K78	85	85	Tốt	
10	2301010	Nguyễn Thị Bình An	A3K78	85	85	Tốt	
11	2301011	Phan Văn Triệu An	A0K78	74	74	Khá	
12	2301012	An Hải Anh	A2K78	91	91	Xuất sắc	
13	2301013	Bùi Quỳnh Anh	A3K78	86	86	Tốt	
14	2301014	Đặng Vũ Phương Anh	A4K78	85	85	Tốt	
15	2301015	Đào Thị Lan Anh	A4K78	86	86	Tốt	
16	2301016	Đinh Thị Hà Anh	A3K78	82	82	Tốt	
17	2301017	Đỗ Khắc Duy Anh	A3K78	85	85	Tốt	
18	2301018	Đoàn Hải Anh	A1K78	79	60	Trung bình	Khiển trách
19	2301019	Lê Hà Trâm Anh	A2K78	92	92	Xuất sắc	
20	2301020	Lê Hồng Anh	A4K78	82	82	Tốt	
21	2301021	Lê Phương Anh	A4K78	86	86	Tốt	
22	2301022	Lê Quỳnh Anh	A2K78	88	88	Tốt	
23	2301023	Lê Thị Phương Anh	A4K78	94	94	Xuất sắc	
24	2301024	Lê Thị Quỳnh Anh	A2K78	84	84	Tốt	
25	2301026	Ngô Hoàng Quỳnh Anh	A2K78	85	85	Tốt	
26	2301027	Ngô Minh Anh	A1K78	78	78	Khá	
27	2301028	Ngô Thị Lan Anh	A4K78	79	70	Khá	
28	2301029	Nguyễn Công Anh	A2K78	83	83	Tốt	
29	2301030	Nguyễn Duy Anh	A3K78	88	88	Tốt	
30	2301031	Nguyễn Hà Anh	A1K78	80	80	Tốt	
31	2301033	Nguyễn Hoàng Anh	A0K78	92	92	Xuất sắc	
32	2301034	Nguyễn Kiều Anh	A1K78	84	84	Tốt	
33	2301035	Nguyễn Lan Anh	A2K78	84	80	Tốt	
34	2301036	Nguyễn Lê Ngọc Anh	A3K78	84	84	Tốt	
35	2301037	Nguyễn Minh Anh	A3K78	89	89	Tốt	
36	2301038	Nguyễn Minh Anh	A1K78	73	73	Khá	
37	2301039	Nguyễn Ngọc Anh	A2K78	81	70	Khá	
38	2301040	Nguyễn Ngọc Anh	A2K78	89	89	Tốt	
39	2301041	Nguyễn Ngọc Anh	A4K78	84	80	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2301043	Nguyễn Phương Anh	A4K78	87	87	Tốt	
41	2301044	Nguyễn Phương Anh	A1K78	92	92	Xuất sắc	
42	2301045	Nguyễn Phương Anh	A1K78	91	91	Xuất sắc	
43	2301046	Nguyễn Quỳnh Anh	A2K78	92	92	Xuất sắc	
44	2301047	Nguyễn Thị Hồng Anh	A4K78	84	84	Tốt	
45	2301048	Nguyễn Thị Kim Anh	A4K78	86	86	Tốt	
46	2301049	Nguyễn Thị Lan Anh	A3K78	97	97	Xuất sắc	
47	2301050	Nguyễn Thị Mai Anh	A3K78	86	86	Tốt	
48	2301051	Nguyễn Thị Ngọc Anh	A1K78	87	87	Tốt	
49	2301052	Nguyễn Thị Phương Anh	A4K78	87	87	Tốt	
50	2301053	Nguyễn Thị Tâm Anh	A3K78	85	85	Tốt	
51	2301054	Nguyễn Thùy Anh	A4K78	81	81	Tốt	
52	2301055	Nguyễn Trần Ngọc Anh	A1K78	84	84	Tốt	
53	2301056	Nguyễn Trọng Vũ Anh	A3K78	87	87	Tốt	
54	2301057	Nguyễn Tùng Anh	A2K78	81	81	Tốt	
55	2301058	Phạm Đỗ Quỳnh Anh	A2K78	90	90	Xuất sắc	
56	2301060	Phạm Phan Huyền Anh	A2K78	90	90	Xuất sắc	
57	2301061	Phạm Phương Anh	A1K78	93	93	Xuất sắc	
58	2301062	Phạm Phương Anh	A1K78	82	82	Tốt	
59	2301063	Phạm Quỳnh Anh	A1K78	82	82	Tốt	
60	2301064	Phạm Trung Anh	A2K78	92	92	Xuất sắc	
61	2301065	Phạm Tuấn Anh	A1K78	93	93	Xuất sắc	
62	2301066	Phạm Văn Anh	A4K78	80	80	Tốt	
63	2301067	Phan Thị Thúy Anh	A4K78	86	86	Tốt	
64	2301068	Phùng Lê Đức Anh	A2K78	96	96	Xuất sắc	
65	2301069	Thạc Đức Anh	A4K78	79	65	Khá	
66	2301070	Trần Đức Anh	A2K78	86	86	Tốt	
67	2301071	Trần Nhật Anh	A1K78	85	85	Tốt	
68	2301072	Trần Thảo Anh	A2K78	96	96	Xuất sắc	
69	2301073	Trịnh Danh Anh	A0K78	82	82	Tốt	
70	2301074	Trịnh Nhật Anh	A2K78	86	86	Tốt	
71	2301075	Trịnh Văn Anh	A1K78	88	88	Tốt	
72	2301076	Vũ Phương Anh	A3K78	83	83	Tốt	
73	2301077	Vũ Phương Anh	A2K78	88	88	Tốt	
74	2301078	Vũ Thị Tuyết Anh	A4K78	100	100	Xuất sắc	
75	2301079	Cao Ngọc Ánh	A3K78	86	86	Tốt	
76	2301080	Đào Ngọc Ánh	A3K78	84	84	Tốt	
77	2301081	Đoàn Thị Ánh	A4K78	84	84	Tốt	
78	2301082	Đoàn Thị Ngọc Ánh	A4K78	89	89	Tốt	
79	2301083	Giang Ngọc Ánh	A0K78	92	92	Xuất sắc	
80	2301084	Hoàng Thị Mỹ Ánh	A1K78	86	86	Tốt	
81	2301085	Kiều Thị Ngọc Ánh	A1K78	81	81	Tốt	
82	2301086	Nguyễn Như Ánh	A1K78	81	81	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
83	2301087	Nguyễn Thị Minh Ánh	A2K78	85	85	Tốt	
84	2301088	Đinh Văn Bắc	A2K78	85	85	Tốt	
85	2301089	Nguyễn Gia Bách	A0K78	87	87	Tốt	
86	2301090	Phan Kế Bách	A0K78	80	80	Tốt	
87	2301091	Nguyễn Hải Bằng	A4K78	87	87	Tốt	
88	2301092	Hoàng Gia Bảo	A4K78	85	80	Tốt	
89	2301093	Ngô Thị Bé	A3K78	92	92	Xuất sắc	
90	2301094	Trần Ngọc Bích	A1K78	82	82	Tốt	
91	2301095	Bùi Thị Thanh Bình	A1K78	80	80	Tốt	
92	2301097	Lưu Trần Thanh Bình	A0K78	84	79	Khá	
93	2301098	Nguyễn Thái Bình	A2K78	83	83	Tốt	
94	2301099	Phạm Thị Thanh Bình	A1K78	82	82	Tốt	
95	2301100	Nguyễn Thị Châm	A2K78	87	87	Tốt	
96	2301101	Hoàng Ngọc Châu	A2K78	85	85	Tốt	
97	2301102	Ngô Hoàng Châu	A0K78	93	93	Xuất sắc	
98	2301103	Thái Bá Châu	A1K78	80	79	Khá	
99	2301104	Trịnh Minh Châu	A4K78	83	80	Tốt	
100	2301105	Đàm Linh Chi	A3K78	84	84	Tốt	
101	2301106	Đoàn Thị Quỳnh Chi	A2K78	95	90	Xuất sắc	
102	2301107	Hoàng Thị Linh Chi	A1K78	86	86	Tốt	
103	2301108	Lê Thị Lan Chi	A4K78	71	71	Khá	
104	2301109	Mai Ngô Quỳnh Chi	A3K78	87	87	Tốt	
105	2301110	Nguyễn Kim Chi	A1K78	90	90	Xuất sắc	
106	2301111	Nguyễn Ngọc Linh Chi	A3K78	98	79	Khá	Khiển trách
107	2301112	Nguyễn Phương Chi	A3K78	83	83	Tốt	
108	2301113	Phan Quỳnh Chi	A3K78	87	87	Tốt	
109	2301114	Trần Khánh Chi	A3K78	74	65	Khá	
110	2301115	Vũ Thị Linh Chi	A1K78	83	83	Tốt	
111	2301116	Khuất Thị Ngọc Chiến	A2K78	85	85	Tốt	
112	2301117	Nguyễn Đức Chiêu	A1K78	74	70	Khá	
113	2301118	Nguyễn Phương Chinh	A0K78	87	87	Tốt	
114	2301119	Bùi Thị Thanh Chúc	A3K78	85	85	Tốt	
115	2301120	Trần Hồng Chuyên	A2K78	97	97	Xuất sắc	
116	2301121	Đinh Chí Công	A3K78	96	96	Xuất sắc	
117	2301122	Lê Đình Công	A1K78	81	79	Khá	
118	2301123	Đặng Thị Kim Cúc	A1K78	88	88	Tốt	
119	2301124	Hoàng Thị Thu Cúc	A1K78	76	76	Khá	
120	2301125	Trần Thị Cúc	A4K78	84	84	Tốt	
121	2301126	Nguyễn Hùng Cường	A2K78	83	83	Tốt	
122	2301127	Phạm Mạnh Cường	A4K78	87	87	Tốt	
123	2301128	Đỗ Tiến Đại	A3K78	88	88	Tốt	
124	2301129	Nguyễn Ngọc Minh Đan	A1K78	84	84	Tốt	
125	2301130	Nguyễn Hải Đăng	A3K78	92	92	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
126	2301131	Trịnh Hải Đăng	A1K78	81	79	Khá	
127	2301132	Dương Danh Danh	A4K78	98	98	Xuất sắc	
128	2301133	Nguyễn Bích Đào	A1K78	84	84	Tốt	
129	2301134	Trần Anh Đào	A4K78	78	70	Khá	
130	2301135	Nguyễn Hữu Đạt	A4K78	77	64	Trung bình	
131	2301136	Nguyễn Trọng Đạt	A3K78	83	83	Tốt	
132	2301137	Phạm Thành Đạt	A4K78	92	92	Xuất sắc	
133	2301138	Phạm Tiến Đạt	A3K78	85	85	Tốt	
134	2301139	Phạm Tiến Đạt	A3K78	84	84	Tốt	
135	2301140	Nguyễn Phương Diễm	A4K78	86	86	Tốt	
136	2301141	Vũ Thị Ngọc Diễm	A1K78	76	76	Khá	
137	2301142	Phan Kim Diễm	A3K78	82	80	Tốt	
138	2301143	Nguyễn Hải Diệp	A3K78	84	84	Tốt	
139	2301144	Nguyễn Hồng Diệp	A4K78	79	60	Trung bình	Khiến trách
140	2301145	Vũ Ngọc Diệp	A1K78	91	91	Xuất sắc	
141	2301146	Đặng Thị Huyền Diệu	A3K78	85	85	Tốt	
142	2301147	Nguyễn Ngọc Diệu	A1K78	79	79	Khá	
143	2301148	Trần Thị Diệu	A4K78	86	86	Tốt	
144	2301149	Mai Thị Huyền Dịu	A3K78	77	70	Khá	
145	2301150	Đặng Tiến Đông	A1K78	81	81	Tốt	
146	2301151	Dương Thị Dự	A0K78	80	65	Khá	
147	2301152	Đào Mỹ Đức	A2K78	86	86	Tốt	
148	2301153	Mai Ngọc Đức	A1K78	94	94	Xuất sắc	
149	2301154	Mai Việt Đức	A3K78	92	92	Xuất sắc	
150	2301155	Nguyễn Hoàng Đức	A4K78	73	73	Khá	
151	2301156	Nguyễn Minh Đức	A3K78	83	79	Khá	
152	2301157	Bùi Thị Dung	A4K78	85	85	Tốt	
153	2301158	Đỗ Kim Dung	A4K78	86	86	Tốt	
154	2301159	Hà Phương Dung	A4K78	83	83	Tốt	
155	2301160	Ngô Thùy Dung	A2K78	84	84	Tốt	
156	2301162	Nguyễn Thị Dung	A3K78	83	83	Tốt	
157	2301163	Nguyễn Thị Dung	A2K78	93	93	Xuất sắc	
158	2301164	Nguyễn Thùy Dung	A2K78	85	85	Tốt	
159	2301165	Đặng Việt Dũng	A1K78	91	91	Xuất sắc	
160	2301166	Đỗ Tiến Dũng	A3K78	86	86	Tốt	
161	2301167	Lê Nho Dũng	A1K78	83	83	Tốt	
162	2301168	Nguyễn Trí Dũng	A3K78	74	70	Khá	
163	2301169	Nguyễn Xuân Dũng	A1K78	78	78	Khá	
164	2301170	Trịnh Tiến Dũng	A0K78	82	82	Tốt	
165	2301171	Vương Trí Dũng	A1K78	73	73	Khá	
166	2301172	Đặng Thị Thùy Dương	A4K78	85	85	Tốt	
167	2301173	Đặng Thùy Dương	A1K78	81	81	Tốt	
168	2301174	Nguyễn Thùy Dương	A3K78	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
169	2301175	Nguyễn Thùy Dương	A4K78	85	85	Tốt	
170	2301176	Phạm Đỗ Tuấn Dương	A3K78	90	90	Xuất sắc	
171	2301177	Phó Thị Thùy Dương	A2K78	92	92	Xuất sắc	
172	2301178	Trần Văn Dương	A4K78	84	84	Tốt	
173	2301179	Trương Triều Dương	A2K78	93	93	Xuất sắc	
174	2301180	Đàm Đức Duy	A1K78	93	93	Xuất sắc	
175	2301181	Nguyễn Đức Duy	A0K78	85	85	Tốt	
176	2301182	Nguyễn Đức Duy	A4K78	88	79	Khá	
177	2301184	Phạm Đức Duy	A2K78	86	80	Tốt	
178	2301185	Trần Thế Duy	A2K78	83	79	Khá	
179	2301186	Hoàng Mỹ Duyên	A1K78	80	80	Tốt	
180	2301188	Sầm Thanh Duyên	A1K78	85	85	Tốt	
181	2301189	Tạ Thị Mỹ Duyên	A1K78	84	84	Tốt	
182	2301190	Trần Thị Mỹ Duyên	A3K78	85	85	Tốt	
183	2301191	Lê Sỹ Gia	A2K78	90	90	Xuất sắc	
184	2301192	Nguyễn Hà Giang	A2K78	83	79	Khá	
185	2301193	Nguyễn Hương Giang	A3K78	87	87	Tốt	
186	2301194	Nguyễn Hương Giang	A0K78	96	96	Xuất sắc	
187	2301195	Nguyễn Hương Giang	A3K78	88	88	Tốt	
188	2301196	Nguyễn Thị Giang	A1K78	83	83	Tốt	
189	2301197	Nguyễn Thị Thúy Giang	A2K78	94	94	Xuất sắc	
190	2301198	Nguyễn Thu Giang	A2K78	86	80	Tốt	
191	2301199	Nguyễn Trường Giang	A1K78	80	80	Tốt	
192	2301200	Thái Thị Trà Giang	A3K78	81	79	Khá	
193	2301201	Trần Hương Giang	A1K78	81	81	Tốt	
194	2301202	Vũ Hương Giang	A2K78	90	70	Khá	
195	2301203	Vũ Hương Giang	A4K78	91	91	Xuất sắc	
196	2301204	Nguyễn Kim Giao	A2K78	88	88	Tốt	
197	2301205	Hoàng Hồ Ngọc Hà	A3K78	85	85	Tốt	
198	2301206	Lê Thị Thanh Hà	A1K78	85	85	Tốt	
199	2301207	Lê Thị Thu Hà	A1K78	86	86	Tốt	
200	2301208	Lê Trung Hà	A2K78	88	88	Tốt	
201	2301209	Lê Việt Hà	A4K78	85	85	Tốt	
202	2301210	Nguyễn Lê Minh Hà	A2K78	85	85	Tốt	
203	2301211	Nguyễn Phương Hà	A2K78	83	83	Tốt	
204	2301212	Nguyễn Thị Hà	A4K78	81	81	Tốt	
205	2301213	Nguyễn Thu Hà	A3K78	83	83	Tốt	
206	2301214	Tạ Vân Hà	A2K78	93	93	Xuất sắc	
207	2301215	Trần Nguyệt Hà	A2K78	91	91	Xuất sắc	
208	2301216	Trần Thị Thu Hà	A1K78	80	80	Tốt	
209	2301217	Trương Nguyệt Hà	A0K78	93	93	Xuất sắc	
210	2301218	Văn Nguyễn Ngọc Hà	A4K78	87	87	Tốt	
211	2301219	Nguyễn Thị Hạ	A2K78	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
212	2301220	Đặng Quốc Hải	A1K78	91	90	Xuất sắc	
213	2301221	Phạm Văn Hải	A3K78	86	80	Tốt	
214	2301222	Nguyễn Đỗ Gia Hân	A4K78	92	92	Xuất sắc	
215	2301223	Khuất Thị Thúy Hằng	A2K78	86	86	Tốt	
216	2301224	Lại Thị Thu Hằng	A3K78	85	85	Tốt	
217	2301225	Lê Ngân Hằng	A1K78	93	93	Xuất sắc	
218	2301226	Nguyễn Thị Diễm Hằng	A2K78	88	88	Tốt	
219	2301227	Nguyễn Thị Thanh Hằng	A4K78	87	80	Tốt	
220	2301228	Nguyễn Thị Thúy Hằng	A4K78	87	87	Tốt	
221	2301229	Phạm Thị Hằng	A1K78	79	79	Khá	
222	2301230	Phạm Thúy Hằng	A1K78	77	77	Khá	
223	2301231	Trần Thị Thúy Hằng	A3K78	93	90	Xuất sắc	
224	2301232	Kiều Hồng Hạnh	A3K78	89	89	Tốt	
225	2301233	Lý Nguyên Hạnh	A4K78	86	86	Tốt	
226	2301234	Mai Diệu Hạnh	A1K78	72	70	Khá	
227	2301235	Nguyễn Thị Minh Hạnh	A1K78	82	82	Tốt	
228	2301237	Nguyễn Thị Hiền	A1K78	81	81	Tốt	
229	2301238	Đỗ Thị Thanh Hiền	A4K78	93	93	Xuất sắc	
230	2301239	Nguyễn Thanh Hiền	A3K78	87	87	Tốt	
231	2301240	Nguyễn Thị Thu Hiền	A1K78	81	81	Tốt	
232	2301241	Vũ Thu Hiền	A4K78	80	79	Khá	
233	2301242	Hứa Minh Hiền	A1K78	84	84	Tốt	
234	2301243	Nguyễn Duy Hiệp	A3K78	87	87	Tốt	
235	2301244	Phí Tuấn Hiệp	A0K78	75	75	Khá	
236	2301245	Bùi Trung Hiếu	A2K78	86	86	Tốt	
237	2301246	Lê Hồng Hiếu	A3K78	85	85	Tốt	
238	2301247	Lê Trung Hiếu	A0K78	87	87	Tốt	
239	2301248	Mai Đức Hiếu	A1K78	75	75	Khá	
240	2301249	Nguyễn Đức Hiếu	A0K78	89	89	Tốt	
241	2301250	Tạ Anh Hiếu	A4K78	82	82	Tốt	
242	2301251	Trần Minh Hiếu	A2K78	85	85	Tốt	
243	2301252	Trần Trung Hiếu	A3K78	80	80	Tốt	
244	2301253	Triệu Minh Hiếu	A4K78	65	65	Khá	
245	2301254	Trần Bá Hiếu	A4K78	93	93	Xuất sắc	
246	2301255	Đoàn Tiến Hiệu	A3K78	87	87	Tốt	
247	2301256	Lê Trần Như Hoa	A4K78	73	73	Khá	
248	2301257	Ngô Thị Hoa	A3K78	86	86	Tốt	
249	2301258	Nguyễn Yến Hoa	A2K78	93	93	Xuất sắc	
250	2301259	Phạm Thị Ngọc Hoa	A4K78	68	68	Khá	
251	2301260	Nguyễn Minh Hòa	A2K78	92	92	Xuất sắc	
252	2301261	Lê Thu Hoài	A4K78	83	83	Tốt	
253	2301262	Ngụy Thị Hoài	A1K78	69	69	Khá	
254	2301263	Nguyễn Thị Thu Hoài	A2K78	92	92	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
255	2301264	Vi Thu Hoài	A2K78	86	80	Tốt	
256	2301265	Nguyễn Thị Ngọc Hoan	A2K78	85	85	Tốt	
257	2301266	Mai Đức Hoàn	A0K78	93	93	Xuất sắc	
258	2301267	Nguyễn Quang Hoàn	A1K78	83	83	Tốt	
259	2301268	Ngô Việt Hoàng	A3K78	80	79	Khá	
260	2301269	Vũ Huy Hoàng	A1K78	80	80	Tốt	
261	2301270	Lê Thị Kim Hồng	A4K78	84	84	Tốt	
262	2301271	Hoàng Thị Hải Hợp	A2K78	86	86	Tốt	
263	2301272	Nông Thị Huân	A4K78	92	92	Xuất sắc	
264	2301273	Phạm Nguyên Huân	A3K78	82	82	Tốt	
265	2301274	Nguyễn Thị Huệ	A1K78	83	83	Tốt	
266	2301275	Quản Thị Phương Huệ	A3K78	85	85	Tốt	
267	2301276	Đào Kim Huệ	A2K78	88	88	Tốt	
268	2301278	Nguyễn Thị Huệ	A4K78	84	84	Tốt	
269	2301279	Nguyễn Tuấn Hùng	A1K78	78	78	Khá	
270	2301280	Phạm Huy Hùng	A4K78	79	79	Khá	
271	2301281	Dương Quang Hưng	A4K78	69	69	Khá	
272	2301282	Nguyễn Quang Hưng	A0K78	92	92	Xuất sắc	
273	2301283	Nguyễn Quang Hưng	A2K78	84	79	Khá	
274	2301284	Lý Thu Hương	A4K78	86	86	Tốt	
275	2301285	Phan Thu Hương	A3K78	85	85	Tốt	
276	2301286	Trần Thị Thanh Hương	A2K78	96	96	Xuất sắc	
277	2301287	Vũ Thanh Hương	A4K78	85	85	Tốt	
278	2301288	Bùi Thị Hường	A4K78	82	82	Tốt	
279	2301289	Cáp Thị Hường	A1K78	79	79	Khá	
280	2301290	Đinh Thị Thu Hường	A3K78	88	88	Tốt	
281	2301291	Hà Thúy Hường	A1K78	83	83	Tốt	
282	2301292	Chu Quang Huy	A2K78	82	82	Tốt	
283	2301293	Lê Huy	A0K78	86	86	Tốt	
284	2301294	Nghiêm Tuấn Huy	A3K78	93	93	Xuất sắc	
285	2301296	Bùi Ngọc Huyền	A4K78	87	80	Tốt	
286	2301297	Bùi Phương Huyền	A3K78	96	96	Xuất sắc	
287	2301298	Đinh Minh Huyền	A4K78	84	84	Tốt	
288	2301299	Đinh Thị Khánh Huyền	A3K78	85	85	Tốt	
289	2301300	Đỗ Thị Huyền	A1K78	92	92	Xuất sắc	
290	2301301	Đoàn Ánh Huyền	A2K78	86	86	Tốt	
291	2301302	Dương Thu Huyền	A1K78	77	77	Khá	
292	2301303	Kim Thị Huyền	A3K78	85	85	Tốt	
293	2301304	Lê Khánh Huyền	A1K78	82	82	Tốt	
294	2301305	Lê Thị Huyền	A2K78	89	89	Tốt	
295	2301306	Lê Thị Ngọc Huyền	A4K78	81	65	Khá	
296	2301307	Mâu Thị Huyền	A3K78	84	84	Tốt	
297	2301308	Nguyễn Phan Ngọc Huyền	A0K78	83	83	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
298	2301309	Nguyễn Thị Huyền	A2K78	88	88	Tốt	
299	2301310	Nguyễn Thị Thu Huyền	A1K78	82	82	Tốt	
300	2301311	Nguyễn Thương Huyền	A3K78	88	80	Tốt	
301	2301312	Phạm Thị Thanh Huyền	A1K78	77	77	Khá	
302	2301313	Trần Nguyễn Thanh Huyền	A4K78	83	83	Tốt	
303	2301314	Trần Thanh Huyền	A4K78	85	85	Tốt	
304	2301315	Trần Thị Thanh Huyền	A1K78	77	77	Khá	
305	2301316	Lê Ngọc Bảo Khanh	A0K78	79	79	Khá	
306	2301317	Đặng Quốc Khánh	A1K78	78	70	Khá	
307	2301318	Đỗ Đình Khánh	A3K78	88	88	Tốt	
308	2301319	Kiều Phương Bảo Khánh	A0K78	94	94	Xuất sắc	
309	2301320	Nguyễn Hương Khánh	A1K78	83	83	Tốt	
310	2301321	Nguyễn Quốc Khánh	A1K78	82	80	Tốt	
311	2301322	Nguyễn Văn Khánh	A1K78	82	82	Tốt	
312	2301323	Phạm Ngọc Khánh	A2K78	87	87	Tốt	
313	2301324	Trần Bảo Khánh	A1K78	78	78	Khá	
314	2301325	Trần Nam Khánh	A0K78	82	82	Tốt	
315	2301326	Trần Ngọc Khánh	A2K78	96	79	Khá	Khiến trách
316	2301327	Vũ Duy Khánh	A0K78	81	81	Tốt	
317	2301328	Nguyễn Tiến Khoa	A1K78	92	92	Xuất sắc	
318	2301329	Đặng Phạm Đăng Khôi	A2K78	92	92	Xuất sắc	
319	2301330	Trần Đình Khôi	A2K78	84	84	Tốt	
320	2301331	Nguyễn Thị Khuyên	A2K78	86	86	Tốt	
321	2301332	Đoàn Trung Kiên	A3K78	75	65	Khá	
322	2301333	Lê Trung Kiên	A2K78	72	72	Khá	
323	2301334	Nguyễn Trung Kiên	A4K78	83	83	Tốt	
324	2301335	Trịnh Xuân Kiên	A4K78	65	65	Khá	
325	2301336	Vũ Trung Kiên	A4K78	86	86	Tốt	
326	2301337	Nguyễn Anh Kiệt	A1K78	87	87	Tốt	
327	2301338	Hoàng Thúy Kiều	A4K78	85	85	Tốt	
328	2301339	Lê Thị La	A1K78	81	81	Tốt	
329	2301340	Hoàng Từ Lạc	A2K78	85	85	Tốt	
330	2301341	Nguyễn Thị Lam	A1K78	77	77	Khá	
331	2301342	Nguyễn Hữu Lâm	A1K78	72	72	Khá	
332	2301343	Phạm Thị Tùng Lâm	A3K78	85	85	Tốt	
333	2301345	Lê Hà Lan	A0K78	86	86	Tốt	
334	2301346	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	A1K78	87	87	Tốt	
335	2301347	Phan Thị Lệ	A1K78	86	86	Tốt	
336	2301348	Nguyễn Thanh Liêm	A2K78	84	79	Khá	
337	2301349	Đặng Thị Liên	A2K78	88	88	Tốt	
338	2301350	Lê Thị Hồng Liễu	A2K78	81	79	Khá	
339	2301351	Bùi Ngọc Linh	A4K78	82	82	Tốt	
340	2301352	Bùi Phương Linh	A1K78	74	70	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
341	2301353	Bùi Thị Khánh Linh	A1K78	75	75	Khá	
342	2301354	Cao Thị Thảo Linh	A1K78	78	78	Khá	
343	2301355	Đặng Thị Thùy Linh	A1K78	79	79	Khá	
344	2301356	Đào Diệu Linh	A1K78	85	85	Tốt	
345	2301357	Đào Thị Linh	A3K78	85	85	Tốt	
346	2301358	Đinh Ngọc Linh	A1K78	88	88	Tốt	
347	2301359	Đỗ Ngọc Linh	A3K78	81	70	Khá	
348	2301360	Đỗ Thị Quỳnh Linh	A4K78	83	80	Tốt	
349	2301361	Đỗ Thùy Linh	A3K78	86	86	Tốt	
350	2301362	Đoàn Khánh Linh	A2K78	90	90	Xuất sắc	
351	2301363	Hồ Thùy Linh	A2K78	87	80	Tốt	
352	2301364	Hoàng Ngọc Linh	A2K78	82	70	Khá	
353	2301365	Hoàng Thị Ngọc Linh	A2K78	84	79	Khá	
354	2301366	Hoàng Thị Thùy Linh	A2K78	85	85	Tốt	
355	2301367	Huỳnh Ngọc Linh	A1K78	77	77	Khá	
356	2301368	Lê Đình Linh	A4K78	85	85	Tốt	
357	2301369	Lê Thị Diệu Linh	A1K78	72	72	Khá	
358	2301370	Lê Thị Hồng Linh	A4K78	85	85	Tốt	
359	2301371	Lê Thị Ngọc Linh	A2K78	86	86	Tốt	
360	2301372	Lê Thùy Linh	A2K78	86	86	Tốt	
361	2301373	Lê Vũ Khánh Linh	A0K78	92	92	Xuất sắc	
362	2301374	Ngô Gia Linh	A1K78	81	81	Tốt	
363	2301375	Ngô Khánh Linh	A1K78	88	88	Tốt	
364	2301376	Ngô Vũ Hạnh Linh	A0K78	90	90	Xuất sắc	
365	2301377	Nguyễn Bảo Linh	A2K78	94	90	Xuất sắc	
366	2301378	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	A4K78	92	92	Xuất sắc	
367	2301379	Nguyễn Khánh Linh	A0K78	81	81	Tốt	
368	2301380	Nguyễn Khánh Linh	A1K78	82	82	Tốt	
369	2301381	Nguyễn Khánh Linh	A4K78	85	85	Tốt	
370	2301382	Nguyễn Khánh Linh	A4K78	87	87	Tốt	
371	2301383	Nguyễn Thị Diệu Linh	A2K78	90	90	Xuất sắc	
372	2301384	Nguyễn Thị Thùy Linh	A3K78	84	84	Tốt	
373	2301385	Nguyễn Thùy Linh	A3K78	86	86	Tốt	
374	2301387	Nguyễn Tuấn Linh	A4K78	81	80	Tốt	
375	2301388	Nguyễn Tuệ Linh	A1K78	88	88	Tốt	
376	2301389	Phạm Kiều Linh	A3K78	87	87	Tốt	
377	2301390	Phạm Thị Dịu Linh	A3K78	83	83	Tốt	
378	2301391	Trần Diệu Linh	A4K78	92	92	Xuất sắc	
379	2301392	Trần Khánh Linh	A2K78	88	88	Tốt	
380	2301393	Trần Khánh Linh	A1K78	78	78	Khá	
381	2301394	Trần Mai Linh	A4K78	85	85	Tốt	
382	2301395	Trần Thị Khánh Linh	A2K78	87	87	Tốt	
383	2301396	Trần Thùy Linh	A3K78	92	92	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
384	2301397	Trương Tú Linh	A4K78	96	96	Xuất sắc	
385	2301398	Võ Hà Linh	A0K78	87	87	Tốt	
386	2301399	Vũ Giao Linh	A0K78	96	96	Xuất sắc	
387	2301400	Vũ Mai Linh	A4K78	77	77	Khá	
388	2301401	Vũ Phương Linh	A3K78	88	88	Tốt	
389	2301402	Vũ Thùy Linh	A0K78	85	85	Tốt	
390	2301403	Vũ Thùy Linh	A2K78	84	84	Tốt	
391	2301404	Đào Thị Thanh Loan	A2K78	87	87	Tốt	
392	2301405	Hoàng Thị Phương Loan	A2K78	91	90	Xuất sắc	
393	2301406	Nguyễn Thị Thanh Loan	A2K78	84	84	Tốt	
394	2301407	Bùi Thị Minh Lộc	A2K78	84	80	Tốt	
395	2301408	Nguyễn Đức Lợi	A4K78	84	70	Khá	
396	2301409	Kim Thành Long	A1K78	85	85	Tốt	
397	2301410	Lê Bảo Long	A1K78	85	85	Tốt	
398	2301411	Mai Đức Long	A2K78	86	86	Tốt	
399	2301412	Nguyễn Đoàn Phi Long	A1K78	84	84	Tốt	
400	2301413	Trần Hoàng Long	A3K78	88	88	Tốt	
401	2301414	Bùi Vũ Lương	A4K78	87	87	Tốt	
402	2301415	Lê Hiền Lương	A1K78	83	83	Tốt	
403	2301416	Nguyễn Thị Lương	A3K78	85	85	Tốt	
404	2301417	Phạm Vũ Hiền Lương	A2K78	87	87	Tốt	
405	2301418	Tô Nữ Hiền Lương	A2K78	86	86	Tốt	
406	2301419	Đoàn Cẩm Ly	A2K78	80	70	Khá	
407	2301420	Nguyễn Khánh Ly	A4K78	88	88	Tốt	
408	2301421	Nguyễn Lưu Ly	A4K78	85	85	Tốt	
409	2301422	Nguyễn Thị Cẩm Ly	A4K78	84	84	Tốt	
410	2301423	Nguyễn Thị Diệu Ly	A3K78	81	81	Tốt	
411	2301424	Nguyễn Thị Khánh Ly	A1K78	85	85	Tốt	
412	2301425	Trần Thị Khánh Ly	A2K78	91	89	Tốt	
413	2301426	Vũ Thị Ly	A3K78	86	86	Tốt	
414	2301427	Bùi Nguyễn Hoàng Mai	A2K78	85	85	Tốt	
415	2301428	Bùi Thị Ngọc Mai	A2K78	87	87	Tốt	
416	2301429	Bùi Thị Ngọc Mai	A2K78	94	94	Xuất sắc	
417	2301430	Đặng Thanh Mai	A3K78	87	87	Tốt	
418	2301431	Hà Thị Phương Mai	A4K78	94	94	Xuất sắc	
419	2301432	Hoàng Ngọc Quỳnh Mai	A0K78	98	98	Xuất sắc	
420	2301433	Hoàng Thị Mai	A1K78	76	76	Khá	
421	2301434	Khổng Khánh Mai	A4K78	86	86	Tốt	
422	2301436	Nguyễn Nhật Mai	A0K78	81	81	Tốt	
423	2301437	Nguyễn Phương Mai	A4K78	87	87	Tốt	
424	2301438	Nguyễn Thị Mai	A1K78	88	88	Tốt	
425	2301439	Nguyễn Thị Ngọc Mai	A4K78	85	85	Tốt	
426	2301440	Phạm Ngọc Mai	A1K78	83	83	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
427	2301441	Trần Ngọc Mai	A3K78	85	85	Tốt	
428	2301442	Từ Xuân Mai	A2K78	95	90	Xuất sắc	
429	2301444	Ngô Bùi Duy Mạnh	A2K78	89	89	Tốt	
430	2301445	Nguyễn Công Mạnh	A3K78	86	86	Tốt	
431	2301446	Nguyễn Tuấn Mạnh	A2K78	89	89	Tốt	
432	2301447	Nguyễn Tuấn Mạnh	A1K78	87	87	Tốt	
433	2301448	Bùi Nhật Minh	A2K78	92	92	Xuất sắc	
434	2301449	Đào Thị Hải Minh	A3K78	85	85	Tốt	
435	2301450	Đỗ Đức Minh	A2K78	87	87	Tốt	
436	2301451	Đoàn Thị Hải Minh	A1K78	87	87	Tốt	
437	2301452	Lê Bảo Minh	A3K78	82	82	Tốt	
438	2301453	Lê Quang Minh	A2K78	88	88	Tốt	
439	2301454	Nguyễn Châu Minh	A1K78	76	76	Khá	
440	2301455	Nguyễn Hà Minh	A1K78	74	74	Khá	
441	2301456	Nguyễn Hoàng Minh	A4K78	93	93	Xuất sắc	
442	2301457	Nguyễn Lê Minh	A0K78	95	95	Xuất sắc	
443	2301458	Nguyễn Nguyệt Minh	A3K78	85	85	Tốt	
444	2301459	Nguyễn Tuệ Minh	A3K78	84	84	Tốt	
445	2301460	Nguyễn Xuân Tuấn Minh	A3K78	74	74	Khá	
446	2301461	Phan Viết Trường Minh	A0K78	92	92	Xuất sắc	
447	2301462	Phùng Tuấn Minh	A0K78	91	90	Xuất sắc	
448	2301463	Trần Nhật Minh	A2K78	86	86	Tốt	
449	2301464	Trần Quang Minh	A3K78	69	69	Khá	
450	2301465	Trần Văn Minh	A4K78	77	77	Khá	
451	2301466	Vũ Đức Minh	A0K78	81	81	Tốt	
452	2301467	Vũ Nhật Minh	A1K78	85	85	Tốt	
453	2301468	Dương Thị Trà My	A1K78	79	79	Khá	
454	2301469	Hoàng Thị Trà My	A3K78	83	83	Tốt	
455	2301470	Lê Trà My	A3K78	86	86	Tốt	
456	2301471	Lê Trà My	A2K78	88	79	Khá	
457	2301472	Nguyễn Hà My	A0K78	92	92	Xuất sắc	
458	2301473	Nguyễn Huyền My	A4K78	78	78	Khá	
459	2301474	Nguyễn Thảo My	A2K78	87	87	Tốt	
460	2301475	Đàm Thị Xuân Mỹ	A3K78	86	86	Tốt	
461	2301476	Nguyễn Hoàng Mỹ	A2K78	91	91	Xuất sắc	
462	2301477	Nguyễn Thị Mỹ	A1K78	82	82	Tốt	
463	2301478	Dương Hồng Nam	A3K78	82	82	Tốt	
464	2301479	Hồ Hoài Nam	A1K78	78	78	Khá	
465	2301480	Lê Văn Nam	A3K78	79	79	Khá	
466	2301481	Nguyễn Văn Nam	A3K78	81	79	Khá	
467	2301482	Nguyễn Xuân Nam	A1K78	74	74	Khá	
468	2301483	Tô Thành Nam	A3K78	96	96	Xuất sắc	
469	2301484	Vũ Nguyễn Thành Nam	A1K78	88	88	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
470	2301485	Đinh Thị Thúy Nga	A3K78	92	92	Xuất sắc	
471	2301486	Lê Thị Quỳnh Nga	A4K78	83	80	Tốt	
472	2301487	Lưu Thị Thanh Nga	A1K78	70	70	Khá	
473	2301488	Nguyễn Thị Nga	A3K78	85	85	Tốt	
474	2301489	Nguyễn Thị Thúy Nga	A1K78	79	65	Khá	
475	2301490	Thiệu Thúy Nga	A1K78	80	80	Tốt	
476	2301491	Trần Thị Thúy Nga	A3K78	86	86	Tốt	
477	2301492	Lý Thu Ngân	A3K78	86	80	Tốt	
478	2301493	Ngụy Thị Kim Ngân	A2K78	91	91	Xuất sắc	
479	2301494	Phạm Thị Thanh Ngân	A0K78	78	78	Khá	
480	2301495	Trần Thị Thủy Ngân	A2K78	92	92	Xuất sắc	
481	2301496	Vi Thị Hiếu Ngân	A4K78	86	86	Tốt	
482	2301497	Bùi Trọng Nghĩa	A2K78	97	97	Xuất sắc	
483	2301498	Hà Hoàng Nghĩa	A1K78	87	87	Tốt	
484	2301499	Hoàng Văn Nghĩa	A2K78	90	90	Xuất sắc	
485	2301500	Nguyễn Thiện Nghĩa	A0K78	81	81	Tốt	
486	2301501	Đặng Trần Nghiệp	A3K78	86	86	Tốt	
487	2301502	Đỗ Bích Ngọc	A1K78	83	83	Tốt	
488	2301503	Đỗ Minh Ngọc	A3K78	84	84	Tốt	
489	2301504	Hà Minh Ngọc	A2K78	92	92	Xuất sắc	
490	2301505	Hà Minh Ngọc	A2K78	81	81	Tốt	
491	2301506	Hán Minh Ngọc	A0K78	86	86	Tốt	
492	2301507	Lã Thị Mạn Ngọc	A1K78	87	87	Tốt	
493	2301508	Lê Hải Ngọc	A3K78	83	83	Tốt	
494	2301509	Lê Nguyễn Bích Ngọc	A4K78	93	93	Xuất sắc	
495	2301510	Lê Sơn Bảo Ngọc	A2K78	84	84	Tốt	
496	2301511	Nguyễn Bích Ngọc	A4K78	86	86	Tốt	
497	2301512	Nguyễn Thị Ngọc	A4K78	86	80	Tốt	
498	2301513	Nguyễn Thị Ngọc	A1K78	82	79	Khá	
499	2301514	Nguyễn Thị Ngọc	A3K78	83	83	Tốt	
500	2301515	Phạm Lê Minh Ngọc	A1K78	85	85	Tốt	
501	2301516	Phạm Thị Bích Ngọc	A2K78	86	86	Tốt	
502	2301517	Trần Bích Ngọc	A4K78	88	88	Tốt	
503	2301518	Trần Hồng Ngọc	A3K78	84	84	Tốt	
504	2301519	Trương Bảo Ngọc	A1K78	81	79	Khá	
505	2301520	Vũ Hồng Ngọc	A1K78	81	81	Tốt	
506	2301521	Vũ Thị Tuệ Ngọc	A4K78	86	86	Tốt	
507	2301522	Mai Vũ Thảo Nguyên	A3K78	93	93	Xuất sắc	
508	2301523	Phạm Thị Hạnh Nguyên	A1K78	81	81	Tốt	
509	2301524	Bùi Thị Ánh Nguyệt	A2K78	90	90	Xuất sắc	
510	2301525	Trần Thị Ánh Nguyệt	A3K78	85	85	Tốt	
511	2301526	Hồ Lê Thanh Nhân	A2K78	87	87	Tốt	
512	2301527	Phùng Văn Nhân	A4K78	91	91	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
513	2301528	Đàm Quang Nhật	A1K78	82	82	Tốt	
514	2301529	Lương Quang Nhật	A1K78	76	76	Khá	
515	2301530	Phùng Văn Nhật	A4K78	86	86	Tốt	
516	2301531	Chu Nguyễn Phương Nhi	A0K78	86	86	Tốt	
517	2301533	Lê Thị Yến Nhi	A2K78	90	90	Xuất sắc	
518	2301535	Nguyễn Thụy Hương Nhi	A0K78	97	97	Xuất sắc	
519	2301536	Nguyễn Yến Nhi	A1K78	62	52	Trung bình	Khiển trách
520	2301537	Nguyễn Yến Nhi	A2K78	86	86	Tốt	
521	2301538	Phùng Thị Yến Nhi	A3K78	86	86	Tốt	
522	2301539	Trần Cẩm Nhi	A3K78	92	92	Xuất sắc	
523	2301540	Triệu Thảo Nhi	A3K78	97	97	Xuất sắc	
524	2301541	Triệu Quỳnh Như	A4K78	85	85	Tốt	
525	2301542	Lê Thị Hồng Nhung	A1K78	66	66	Khá	
526	2301543	Nguyễn Thị Hồng Nhung	A2K78	87	87	Tốt	
527	2301544	Nguyễn Thị Hồng Nhung	A1K78	82	82	Tốt	
528	2301545	Nguyễn Thị Phương Nhung	A4K78	96	96	Xuất sắc	
529	2301546	Phạm Thị Hồng Nhung	A1K78	78	78	Khá	
530	2301547	Phạm Quang Ninh	A0K78	69	69	Khá	
531	2301548	Bùi Thị Kim Oanh	A1K78	78	78	Khá	
532	2301549	Hoàng Thị Kim Oanh	A2K78	85	85	Tốt	
533	2301550	Nguyễn Thị Kim Oanh	A2K78	90	90	Xuất sắc	
534	2301551	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	A2K78	91	91	Xuất sắc	
535	2301552	Trần Lê Oanh	A2K78	86	86	Tốt	
536	2301553	Vũ Thị Kim Oanh	A1K78	82	82	Tốt	
537	2301554	Vũ Thị Kim Oanh	A4K78	93	93	Xuất sắc	
538	2301555	Nguyễn Tấn Phát	A1K78	74	74	Khá	
539	2301556	Nguyễn Bắc Kiều Phong	A4K78	86	86	Tốt	
540	2301557	Nguyễn Quang Phú	A4K78	96	96	Xuất sắc	
541	2301558	Nguyễn Văn Phú	A1K78	82	82	Tốt	
542	2301559	Nguyễn Hoàng Phúc	A4K78	96	96	Xuất sắc	
543	2301560	Nguyễn Thế Hồng Phúc	A3K78	83	83	Tốt	
544	2301561	Triệu Bảo Phúc	A2K78	84	84	Tốt	
545	2301562	Đặng Thị Thanh Phương	A4K78	78	78	Khá	
546	2301563	Đinh Phương Phương	A4K78	84	84	Tốt	
547	2301564	Hoàng Thu Phương	A3K78	85	85	Tốt	
548	2301565	Hoàng Thu Phương	A1K78	82	82	Tốt	
549	2301566	Lê Ngọc Phương	A1K78	79	79	Khá	
550	2301567	Nguyễn Thảo Phương	A3K78	84	84	Tốt	
551	2301568	Nguyễn Thị Hà Phương	A4K78	89	89	Tốt	
552	2301569	Nguyễn Thị Hà Phương	A4K78	69	69	Khá	
553	2301570	Nguyễn Thị Hà Phương	A4K78	84	84	Tốt	
554	2301571	Nguyễn Thị Minh Phương	A0K78	92	92	Xuất sắc	
555	2301572	Nguyễn Thị Phương	A4K78	82	80	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
556	2301573	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	A1K78	81	81	Tốt	
557	2301574	Nguyễn Thị Thu Phương	A2K78	86	86	Tốt	
558	2301575	Nguyễn Thị Thu Phương	A3K78	84	84	Tốt	
559	2301576	Phạm Dương Lan Phương	A2K78	84	84	Tốt	
560	2301577	Phạm Thanh Phương	A4K78	84	84	Tốt	
561	2301578	Phạm Thị Hà Phương	A3K78	86	86	Tốt	
562	2301579	Phạm Thị Minh Phương	A1K78	85	85	Tốt	
563	2301580	Phạm Thị Phương	A3K78	83	83	Tốt	
564	2301581	Phạm Văn Phương	A4K78	87	87	Tốt	
565	2301582	Trịnh Khánh Phương	A1K78	87	87	Tốt	
566	2301583	Vũ Minh Phương	A1K78	86	86	Tốt	
567	2301584	Hoàng Kim Phương	A2K78	84	84	Tốt	
568	2301585	Lê Hồng Quân	A4K78	83	83	Tốt	
569	2301586	Nguyễn Trung Quân	A3K78	67	67	Khá	
570	2301587	Nguyễn Tuấn Quân	A1K78	88	79	Khá	
571	2301588	Nguyễn Vũ Hồng Quân	A4K78	87	87	Tốt	
572	2301589	Phạm Hoàng Bảo Quân	A2K78	86	86	Tốt	
573	2301590	Lê Minh Quang	A1K78	85	85	Tốt	
574	2301591	Nguyễn Minh Quang	A3K78	86	86	Tốt	
575	2301592	Nguyễn Nhật Quang	A3K78	86	86	Tốt	
576	2301594	Đặng Hà Quyên	A3K78	88	88	Tốt	
577	2301595	Dương Thị Quyên	A3K78	84	84	Tốt	
578	2301596	Phạm Thủy Quyên	A4K78	94	90	Xuất sắc	
579	2301597	Trần Thị Tú Quyên	A3K78	85	79	Khá	
580	2301598	Vũ Thị Hồng Quyên	A3K78	85	85	Tốt	
581	2301599	Bùi Như Quỳnh	A4K78	96	96	Xuất sắc	
582	2301600	Đỗ Như Quỳnh	A4K78	66	66	Khá	
583	2301601	Kim Thị Diễm Quỳnh	A2K78	91	90	Xuất sắc	
584	2301602	Lê Như Quỳnh	A4K78	90	90	Xuất sắc	
585	2301603	Lê Thị Diễm Quỳnh	A2K78	84	79	Khá	
586	2301604	Lê Thị Quỳnh	A1K78	85	80	Tốt	
587	2301605	Lương Thị Quỳnh	A4K78	73	73	Khá	
588	2301606	Nguyễn Như Quỳnh	A3K78	81	81	Tốt	
589	2301607	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	A4K78	94	94	Xuất sắc	
590	2301608	Phạm Như Quỳnh	A4K78	90	90	Xuất sắc	
591	2301609	Vũ Thị Như Quỳnh	A2K78	86	86	Tốt	
592	2301610	Vũ Hoàng Sang	A1K78	89	80	Tốt	
593	2301611	Đặng Thanh Sơn	A3K78	83	83	Tốt	
594	2301612	Nguyễn Hải Sơn	A3K78	78	70	Khá	
595	2301614	Nguyễn Thanh Sơn	A3K78	82	79	Khá	
596	2301615	Nguyễn Trường Sơn	A4K78	85	85	Tốt	
597	2301616	Nguyễn Tùng Sơn	A2K78	87	87	Tốt	
598	2301617	Trần Văn Sơn	A4K78	92	92	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
599	2301618	Lê Thị Hoài Sương	A3K78	84	84	Tốt	
600	2301619	Vũ Lê Đức Tài	A3K78	81	80	Tốt	
601	2301620	Bùi Minh Tâm	A1K78	81	81	Tốt	
602	2301621	Hà Thị Thanh Tâm	A1K78	82	82	Tốt	
603	2301622	Hoàng Minh Tâm	A0K78	91	91	Xuất sắc	
604	2301623	Nguyễn Đàm Mỹ Tâm	A4K78	98	98	Xuất sắc	
605	2301624	Nguyễn Minh Tâm	A3K78	86	86	Tốt	
606	2301625	Nguyễn Thị Tâm	A3K78	86	86	Tốt	
607	2301626	Phạm Mạnh Tấn	A2K78	82	80	Tốt	
608	2301627	Nguyễn Văn Thái	A2K78	87	79	Khá	
609	2301628	Phạm Thị Thái	A2K78	86	86	Tốt	
610	2301629	Mai Thị Thắm	A3K78	81	81	Tốt	
611	2301630	Phạm Thị Hồng Thắm	A1K78	83	83	Tốt	
612	2301631	Trịnh Công Thắng	A2K78	88	88	Tốt	
613	2301632	Đặng Phương Thanh	A2K78	88	88	Tốt	
614	2301633	Bùi Tiến Thành	A1K78	88	88	Tốt	
615	2301634	Hoàng Tiến Thành	A3K78	84	84	Tốt	
616	2301635	Chu Thị Phương Thảo	A1K78	78	78	Khá	
617	2301636	Đinh Phương Thảo	A3K78	88	88	Tốt	
618	2301637	Đinh Thị Phương Thảo	A3K78	82	82	Tốt	
619	2301638	Đinh Thị Thảo	A3K78	86	86	Tốt	
620	2301639	Dương Phương Thảo	A1K78	81	81	Tốt	
621	2301640	Dương Thị Thanh Thảo	A4K78	87	87	Tốt	
622	2301641	Hoàng Thanh Thảo	A3K78	78	70	Khá	
623	2301642	Lê Phương Thảo	A3K78	84	84	Tốt	
624	2301643	Lương Thu Thảo	A1K78	75	75	Khá	
625	2301644	Ngô Thị Thu Thảo	A3K78	83	83	Tốt	
626	2301645	Nguyễn Phương Thảo	A1K78	76	76	Khá	
627	2301646	Nguyễn Phương Thảo	A2K78	86	86	Tốt	
628	2301647	Nguyễn Thanh Thảo	A4K78	90	90	Xuất sắc	
629	2301648	Nguyễn Thanh Thảo	A3K78	86	86	Tốt	
630	2301649	Nguyễn Thị Phương Thảo	A2K78	86	86	Tốt	
631	2301650	Nguyễn Thị Thảo	A1K78	80	80	Tốt	
632	2301651	Nguyễn Thu Thảo	A1K78	78	78	Khá	
633	2301652	Phạm Phương Thảo	A4K78	94	94	Xuất sắc	
634	2301653	Triệu Thị Hương Thảo	A1K78	87	87	Tốt	
635	2301654	Vũ Phương Thảo	A4K78	81	81	Tốt	
636	2301655	Hà Trường Thi	A2K78	93	93	Xuất sắc	
637	2301656	Bùi Văn Thiện	A4K78	79	79	Khá	
638	2301657	Nguyễn Khắc Thiện	A2K78	81	79	Khá	
639	2301658	Vũ Ngọc Thiện	A1K78	77	70	Khá	
640	2301659	Lê Văn Thịnh	A2K78	83	80	Tốt	
641	2301660	Phạm Tiến Thọ	A2K78	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
642	2301661	Tiên Diệu Thoan	A4K78	77	77	Khá	
643	2301662	Đỗ Thị Thơm	A1K78	87	87	Tốt	
644	2301663	Nguyễn Thế Thông	A4K78	83	83	Tốt	
645	2301664	Bùi Hà Thu	A1K78	85	85	Tốt	
646	2301665	Kiều Nguyệt Thu	A4K78	88	88	Tốt	
647	2301666	Lại Thị Minh Thu	A0K78	80	80	Tốt	
648	2301667	Lưu Minh Thu	A1K78	90	90	Xuất sắc	
649	2301668	Trần Thị Hà Thu	A1K78	87	87	Tốt	
650	2301669	Bùi Diễm Thanh Thu	A4K78	83	83	Tốt	
651	2301670	Chu Minh Thu	A2K78	95	90	Xuất sắc	
652	2301671	Khuất Thị Minh Thu	A1K78	87	87	Tốt	
653	2301672	Nguyễn Anh Thu	A1K78	78	78	Khá	
654	2301673	Nguyễn Anh Thu	A1K78	82	82	Tốt	
655	2301674	Nguyễn Minh Thu	A1K78	86	86	Tốt	
656	2301675	Nguyễn Minh Thu	A4K78	84	80	Tốt	
657	2301676	Nguyễn Thị Anh Thu	A1K78	80	80	Tốt	
658	2301677	Vũ Như Anh Thu	A0K78	96	96	Xuất sắc	
659	2301678	Nguyễn Thị Liên Thuận	A4K78	87	87	Tốt	
660	2301679	Nguyễn Uyên Thực	A0K78	87	87	Tốt	
661	2301680	Phạm Thị Mai Thương	A4K78	77	77	Khá	
662	2301681	Phạm Thị Thu Thủy	A4K78	81	80	Tốt	
663	2301682	Hoàng Thị Thanh Thúy	A2K78	82	79	Khá	
664	2301683	Trần Ngọc Thúy	A4K78	86	86	Tốt	
665	2301684	Hoàng Thị Thùy	A2K78	85	85	Tốt	
666	2301685	Nguyễn Thị Thu Thùy	A3K78	84	84	Tốt	
667	2301686	Nguyễn Thị Thùy	A4K78	84	84	Tốt	
668	2301687	Nguyễn Thanh Thủy	A3K78	87	87	Tốt	
669	2301688	Nguyễn Thị Thủy	A1K78	82	82	Tốt	
670	2301689	Phạm Thanh Thủy	A2K78	89	89	Tốt	
671	2301690	Phạm Thanh Thủy	A1K78	81	81	Tốt	
672	2301691	Đỗ Nguyễn Thủy Tiên	A2K78	88	88	Tốt	
673	2301692	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	A0K78	85	85	Tốt	
674	2301693	Phạm Thủy Tiên	A2K78	86	86	Tốt	
675	2301694	Tô Thủy Tiên	A2K78	86	86	Tốt	
676	2301695	Trần Thị Thủy Tiên	A4K78	82	79	Khá	
677	2301696	Dương Lê Quốc Tiến	A3K78	85	80	Tốt	
678	2301697	Lê Mạnh Tiến	A3K78	81	81	Tốt	
679	2301698	Nguyễn Đình Tiến	A2K78	84	80	Tốt	
680	2301699	Trần Đức Tiến	A0K78	86	86	Tốt	
681	2301700	Trần Văn Tiến	A3K78	83	83	Tốt	
682	2301701	Đặng Thị Tinh	A1K78	81	81	Tốt	
683	2301702	Nguyễn Xuân Toán	A2K78	83	80	Tốt	
684	2301703	Nguyễn Phú Khánh Toàn	A4K78	93	93	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
685	2301704	Mai Văn Toàn	A4K78	83	79	Khá	
686	2301705	Đặng Thị Bảo Trâm	A1K78	84	84	Tốt	
687	2301706	Lê Thị Quỳnh Trâm	A3K78	83	79	Khá	
688	2301707	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	A2K78	90	90	Xuất sắc	
689	2301708	Nguyễn Thuỳ Trâm	A2K78	84	84	Tốt	
690	2301709	Phan Thị Quỳnh Trâm	A3K78	84	84	Tốt	
691	2301710	Bùi Thị Thu Trang	A1K78	84	84	Tốt	
692	2301711	Cao Thu Trang	A0K78	82	82	Tốt	
693	2301712	Hoàng Hiền Trang	A2K78	85	85	Tốt	
694	2301713	Kiều Thị Quỳnh Trang	A3K78	86	86	Tốt	
695	2301714	Lâm Huyền Trang	A1K78	84	84	Tốt	
696	2301715	Lê Thị Huyền Trang	A3K78	91	91	Xuất sắc	
697	2301716	Lê Thị Kiều Trang	A3K78	85	85	Tốt	
698	2301717	Lê Thị Thu Trang	A3K78	90	90	Xuất sắc	
699	2301718	Mai Thị Đoan Trang	A1K78	71	71	Khá	
700	2301719	Mai Thùy Trang	A2K78	86	86	Tốt	
701	2301720	Ngô Hà Trang	A0K78	89	89	Tốt	
702	2301721	Nguyễn Hoài Trang	A3K78	87	87	Tốt	
703	2301722	Nguyễn Hoàng Thu Trang	A0K78	87	87	Tốt	
704	2301723	Nguyễn Huyền Trang	A2K78	92	92	Xuất sắc	
705	2301724	Nguyễn Kiều Trang	A1K78	77	77	Khá	
706	2301725	Nguyễn Quỳnh Trang	A3K78	71	70	Khá	
707	2301726	Nguyễn Thảo Trang	A1K78	82	80	Tốt	
708	2301727	Nguyễn Thị Trang	A3K78	86	86	Tốt	
709	2301728	Nguyễn Thị Trang	A3K78	88	88	Tốt	
710	2301729	Nguyễn Thị Trang	A3K78	82	82	Tốt	
711	2301730	Nguyễn Thị Trang	A1K78	82	82	Tốt	
712	2301731	Nguyễn Thùy Trang	A4K78	86	86	Tốt	
713	2301732	Phạm Huyền Trang	A2K78	89	89	Tốt	
714	2301733	Phan Thị Hoàng Trang	A3K78	86	86	Tốt	
715	2301734	Phan Thị Quỳnh Trang	A4K78	86	86	Tốt	
716	2301735	Trần Hiền Trang	A2K78	84	84	Tốt	
717	2301736	Trần Thị Huyền Trang	A3K78	83	83	Tốt	
718	2301737	Trịnh Thị Trang	A1K78	83	83	Tốt	
719	2301738	Vũ Thu Trang	A1K78	90	90	Xuất sắc	
720	2301739	Đàm Thị Kiều Trinh	A4K78	81	79	Khá	
721	2301740	Nguyễn Vũ Đăng Trọng	A0K78	93	60	Trung bình	Cảnh cáo
722	2301741	Bùi Trung Trúc	A4K78	86	86	Tốt	
723	2301742	Trần Thị Trúc	A2K78	87	87	Tốt	
724	2301743	Nguyễn Xuân Trường	A1K78	83	83	Tốt	
725	2301744	Võ Duy Trường	A1K78	87	87	Tốt	
726	2301745	Đoàn Thị Tú	A4K78	89	89	Tốt	
727	2301746	Mai Cẩm Tú	A3K78	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
728	2301747	Nguyễn Thị Cẩm Tú	A1K78	82	82	Tốt	
729	2301748	Trần Đức Anh Tú	A1K78	80	80	Tốt	
730	2301749	Chu Quốc Tuấn	A1K78	89	80	Tốt	
731	2301750	Ngô Quốc Minh Tuấn	A0K78	86	86	Tốt	
732	2301751	Nguyễn Quốc Tuấn	A0K78	83	83	Tốt	
733	2301752	Trịnh Văn Tuấn	A4K78	83	83	Tốt	
734	2301753	Vũ Đăng Tuấn	A1K78	84	84	Tốt	
735	2301754	Đặng Văn Tùng	A4K78	80	79	Khá	
736	2301755	Đào Xuân Tùng	A3K78	80	70	Khá	
737	2301756	Đỗ Minh Tùng	A4K78	90	90	Xuất sắc	
738	2301757	Đỗ Việt Tùng	A4K78	57	57	Trung bình	
739	2301758	Lê Quang Tùng	A1K78	82	82	Tốt	
740	2301759	Lê Thất Tùng	A4K78	73	73	Khá	
741	2301760	Lương Mạnh Tùng	A3K78	86	86	Tốt	
742	2301761	Phạm Văn Tùng	A4K78	99	99	Xuất sắc	
743	2301762	Văn Đức Tùng	A4K78	82	82	Tốt	
744	2301763	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	A4K78	84	84	Tốt	
745	2301764	Nguyễn Thị Thu Uyên	A4K78	80	75	Khá	Phê bình
746	2301766	Đỗ Thanh Vân	A2K78	85	85	Tốt	
747	2301767	Đỗ Thu Vân	A3K78	74	74	Khá	
748	2301768	Nguyễn Thị Thủy Vân	A3K78	86	86	Tốt	
749	2301769	Nguyễn Trọng Thanh Vân	A1K78	83	83	Tốt	
750	2301770	Phạm Hải Vân	A3K78	86	86	Tốt	
751	2301771	Vũ Thị Vân	A3K78	75	75	Khá	
752	2301772	Nguyễn Thị Yến Vi	A1K78	83	83	Tốt	
753	2301773	Nguyễn Quang Việt	A1K78	84	84	Tốt	
754	2301774	Nguyễn Tiến Việt	A1K78	87	87	Tốt	
755	2301775	Trịnh Duy Vinh	A3K78	87	87	Tốt	
756	2301776	Lưu Tuấn Vũ	A2K78	86	86	Tốt	
757	2301777	Nguyễn Công Vũ	A0K78	93	93	Xuất sắc	
758	2301778	Trình Minh Vũ	A3K78	82	80	Tốt	
759	2301779	Lâm Tường Vy	A4K78	69	69	Khá	
760	2301780	Nguyễn Huyền Vy	A1K78	67	67	Khá	
761	2301781	Nguyễn Thành Khánh Vy	A0K78	84	84	Tốt	
762	2301783	Lại Thị Xuân	A2K78	86	86	Tốt	
763	2301784	Ninh Thị Xuân	A4K78	69	69	Khá	
764	2301785	Vũ Thị Ý	A1K78	87	87	Tốt	
765	2301786	Lưu Hải Yến	A3K78	83	79	Khá	
766	2301787	Lý Thị Hải Yến	A3K78	83	83	Tốt	
767	2301788	Nguyễn Thị Hải Yến	A1K78	88	88	Tốt	
768	2301789	Nguyễn Thị Hải Yến	A2K78	86	86	Tốt	
769	2301790	Phạm Hải Yến	A2K78	97	97	Xuất sắc	
770	2301791	Trần Như Yến	A4K78	83	83	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
771	2301792	Nalaphone AMPHAYPHONGVANH	A1K78	76	65	Khá	
772	2301793	Thidaphone BOULOMMAVONG	A1K78	66	60	Trung bình	
773	2301794	Viengsavanh CHANLASY	A1K78	73	70	Khá	
774	2301795	Santisouk CHANMANY	A1K78	72	72	Khá	
775	2301796	Vixa KHAMVONGSA	A1K78	60	60	Trung bình	
776	2301797	Noufon LIBOUNYASAO	A1K78	75	75	Khá	
777	2301798	Fasay LIVONGXAY	A1K78	66	60	Trung bình	
778	2301799	Phoutthasone PHOUMIVIHANE	A1K78	70	64	Trung bình	
779	2301800	Tengkham SAYPHONEXAY	A1K78	73	54	Trung bình	Khiển trách
780	2301801	Chittaya SORPHABMIXAY	A1K78	66	64	Trung bình	
781	2301802	Philakhone SOULIVANH	A1K78	74	65	Khá	
782	2301803	Xouavang YIATHORNORCHA	A1K78	74	60	Trung bình	

Tổng số 782 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 133
- Loại Tốt: 491
- Loại Khá: 144
- Loại Trung bình: 14
- Loại Yếu: 0



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: H1K1 ★ Ngành: Hóa dược Hệ: Đại học chính quy Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2091001	Đặng Thành An	H1K1	86	86	Tốt	
2	2091002	Ngô Hoàng An	H1K1	87	87	Tốt	
3	2091003	Đặng Lan Anh	H1K1	88	88	Tốt	
4	2091004	Đào Lan Anh	H1K1	87	87	Tốt	
5	2091005	Đỗ Thị Vân Anh	H1K1	86	86	Tốt	
6	2091006	Lê Thị Ngọc Anh	H1K1	90	90	Xuất sắc	
7	2091007	Nguyễn Ngọc Anh	H1K1	89	89	Tốt	
8	2091008	Phan Thị Vân Anh	H1K1	89	89	Tốt	
9	2091009	Trần Hoàng Anh	H1K1	96	96	Xuất sắc	
10	2091010	Hà Thị Ngọc Ánh	H1K1	93	93	Xuất sắc	
11	2091012	Phạm Vũ Ngọc Ánh	H1K1	87	87	Tốt	
12	2091013	Lê Thị Tâm Băng	H1K1	86	86	Tốt	
13	2091014	Hoàng Thị Bông	H1K1	71	64	Trung bình	
14	2091017	Nguyễn Thùy Dung	H1K1	89	89	Tốt	
15	2091018	Ngô Hồng Duy	H1K1	94	94	Xuất sắc	
16	2091019	Nguyễn Đăng Duy	H1K1	92	92	Xuất sắc	
17	2091020	Vũ Trường Duy	H1K1	87	87	Tốt	
18	2091021	Đoàn Thị Hương Giang	H1K1	87	87	Tốt	
19	2091022	Nguyễn Thị Hương Giang	H1K1	85	85	Tốt	
20	2091023	Trần Mai Giang	H1K1	87	87	Tốt	
21	2091024	Vũ Hương Giang	H1K1	95	95	Xuất sắc	
22	2091025	Nguyễn Thanh Hà	H1K1	86	86	Tốt	
23	2091027	Phùng Thị Hậu	H1K1	88	88	Tốt	
24	2091028	Nguyễn Minh Hiếu	H1K1	86	86	Tốt	
25	2091030	Vũ Hoàng	H1K1	86	86	Tốt	
26	2091032	Mai Uyên Hương	H1K1	96	96	Xuất sắc	
27	2091033	Nguyễn Thanh Hương	H1K1	87	87	Tốt	
28	2091034	Lê Thị Huyền	H1K1	90	90	Xuất sắc	
29	2091035	Phùng Lê Trung Kiên	H1K1	88	88	Tốt	
30	2091036	Võ Tùng Lâm	H1K1	84	84	Tốt	
31	2091038	Trần Hoàng Lân	H1K1	94	94	Xuất sắc	
32	2091039	Lê Thị Liên	H1K1	89	89	Tốt	
33	2091040	Nguyễn Diệu Linh	H1K1	88	88	Tốt	
34	2091041	Nguyễn Hoàng Thảo Linh	H1K1	91	91	Xuất sắc	
35	2091042	Đào Thị Khánh Ly	H1K1	89	89	Tốt	
36	2091043	Vũ Ngọc Mai	H1K1	86	86	Tốt	
37	2091044	Nguyễn Hoàng Minh	H1K1	87	87	Tốt	
38	2091047	Nguyễn Mai Ngân	H1K1	89	89	Tốt	
39	2091048	Phạm Đăng Nguyên	H1K1	95	95	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2091050	Hoàng Nam Phương	H1K1	95	95	Xuất sắc	
41	2091051	Nguyễn Quế Phương	H1K1	90	90	Xuất sắc	
42	2091052	Nguyễn Tiến Thành	H1K1	86	86	Tốt	
43	2091053	Nguyễn Thu Thảo	H1K1	94	94	Xuất sắc	
44	2091054	Nguyễn Anh Thư	H1K1	85	85	Tốt	
45	2091055	Trần Thị Thùy	H1K1	91	91	Xuất sắc	
46	2091056	Đinh Thị Thu Thủy	H1K1	88	88	Tốt	
47	2091057	Vũ Minh Tiến	H1K1	86	86	Tốt	
48	2091058	Mai Thị Thanh Trà	H1K1	86	86	Tốt	
49	2091059	Vũ Phương Trà	H1K1	88	88	Tốt	
50	2091061	Nguyễn Thị Thu Trang	H1K1	90	90	Xuất sắc	
51	2091062	Hoa Anh Tú	H1K1	89	89	Tốt	
52	2091063	Nguyễn Thị Tuyền	H1K1	92	92	Xuất sắc	
53	2091064	Nguyễn Bá Viện	H1K1	86	86	Tốt	

Tổng số 53 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 17
- Loại Tốt: 35
- Loại Khá: 0
- Loại Trung bình: 1
- Loại Yếu: 0



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: H1K2 *Ngành: Hóa dược Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
1	2191001	Nguyễn Ngô Quỳnh Anh	H1K2	86	86	Tốt	
2	2191002	Nguyễn Thị Kim Anh	H1K2	87	87	Tốt	
3	2191004	Lê Như Ánh	H1K2	85	85	Tốt	
4	2191005	Vũ Thị Mai Bằng	H1K2	88	88	Tốt	
5	2191007	Vũ Yến Chi	H1K2	85	85	Tốt	
6	2191008	Nguyễn Đức Cường	H1K2	97	97	Xuất sắc	
7	2191009	Lê Minh Đức	H1K2	86	86	Tốt	
8	2191012	Nguyễn Thùy Dương	H1K2	87	87	Tốt	
9	2191013	Hà Đình Giang	H1K2	81	79	Khá	
10	2191014	Đỗ Thị Đức Hạnh	H1K2	89	89	Tốt	
11	2191015	Trần Thị Hào	H1K2	87	87	Tốt	
12	2191016	Nguyễn Thị Hiền	H1K2	87	87	Tốt	
13	2191017	Nguyễn Trung Hiếu	H1K2	95	95	Xuất sắc	
14	2191018	Vũ Thị Hương	H1K2	86	86	Tốt	
15	2191019	Nguyễn Hữu Hoàng Huy	H1K2	87	87	Tốt	
16	2191020	Nguyễn Thanh Huyền	H1K2	83	79	Khá	
17	2191021	Nguyễn Thu Huyền	H1K2	87	87	Tốt	
18	2191022	Vũ Thị Thu Huyền	H1K2	86	86	Tốt	
19	2191023	Vũ Thị Thu Huyền	H1K2	85	85	Tốt	
20	2191024	Trần Tùng Lâm	H1K2	87	87	Tốt	
21	2191025	Lê Hương Lan	H1K2	88	88	Tốt	
22	2191026	Phạm Thị Thủy Lệ	H1K2	85	85	Tốt	
23	2191027	Đỗ Khánh Linh	H1K2	87	87	Tốt	
24	2191028	Dương Văn Linh	H1K2	88	88	Tốt	
25	2191029	Hà Khánh Linh	H1K2	89	89	Tốt	
26	2191030	Lê Thị Linh	H1K2	87	87	Tốt	
27	2191031	Nguyễn Tuyết Mai	H1K2	93	93	Xuất sắc	
28	2191032	Đỗ Hoàng Nam	H1K2	86	86	Tốt	
29	2191035	Nguyễn Thị Minh Ngân	H1K2	93	93	Xuất sắc	
30	2191036	Vũ Thị Ngân	H1K2	85	85	Tốt	
31	2191037	Nguyễn Ngọc Cẩm Nhung	H1K2	87	87	Tốt	
32	2191038	Vũ Đức Ninh	H1K2	85	85	Tốt	
33	2191039	Nghiêm Thị Mai Phương	H1K2	87	87	Tốt	
34	2191040	Nguyễn Lan Phương	H1K2	87	87	Tốt	
35	2191041	Đào Duy Quý	H1K2	88	88	Tốt	
36	2191044	Đào Hương Sen	H1K2	86	86	Tốt	
37	2191046	Chu Ngọc Thảo	H1K2	85	85	Tốt	
38	2191047	Lại Phương Thảo	H1K2	87	87	Tốt	
39	2191048	Lê Hương Thảo	H1K2	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2191049	Nguyễn Thị Thu	H1K2	87	87	Tốt	
41	2191050	Lê Thị Thùy	H1K2	84	84	Tốt	
42	2191051	Đặng Thị Thu Thủy	H1K2	85	85	Tốt	
43	2191052	Bùi Văn Toán	H1K2	85	85	Tốt	
44	2191053	Chu Lê Trang	H1K2	98	98	Xuất sắc	
45	2191055	Phạm Thị Trang	H1K2	88	88	Tốt	
46	2191056	Phạm Anh Tú	H1K2	96	96	Xuất sắc	
47	2191057	Nguyễn Minh Tuấn	H1K2	87	87	Tốt	
48	2191058	Hoàng Trung Tùng	H1K2	92	92	Xuất sắc	
49	2191059	Nguyễn Thanh Tùng	H1K2	88	88	Tốt	
50	2191060	Hoàng Thị Tố Uyên	H1K2	88	88	Tốt	
51	2191061	Phạm Anh Vũ	H1K2	92	92	Xuất sắc	

Tổng số 51 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 8
- Loại Tốt: 41
- Loại Khá: 2
- Loại Trung bình: 0
- Loại Yếu: 0



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: H1K3 Ngành: Hóa dược Hệ: Đại học chính quy Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2291001	Lê Minh An	H1K3	84	84	Tốt	
2	2291002	Trần Thị Bảo An	H1K3	85	80	Tốt	
3	2291003	Hà Nhật Quỳnh Anh	H1K3	83	79	Khá	
4	2291004	Nguyễn Quỳnh Anh	H1K3	81	70	Khá	
5	2291005	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	H1K3	87	87	Tốt	
6	2291006	Nguyễn Huỳnh Chân	H1K3	81	70	Khá	
7	2291007	Trần Kim Chi	H1K3	82	70	Khá	
8	2291008	Đỗ Tuấn Anh	H1K3	91	80	Tốt	
9	2291009	Trịnh Thành Công	H1K3	84	79	Khá	
10	2291010	Nguyễn Thành Đạt	H1K3	93	93	Xuất sắc	
11	2291011	Nguyễn Văn Đạt	H1K3	86	86	Tốt	
12	2291012	Trịnh Khánh Diệp	H1K3	92	92	Xuất sắc	
13	2291014	Nguyễn Minh Dũng	H1K3	86	86	Tốt	
14	2291015	Cù Ngọc Thu Hà	H1K3	83	79	Khá	
15	2291016	Nguyễn Thị Hà	H1K3	85	85	Tốt	
16	2291017	Bùi Thị Thu Hằng	H1K3	77	70	Khá	
17	2291018	Đỗ Thanh Hằng	H1K3	87	87	Tốt	
18	2291019	Vũ Phương Hạnh	H1K3	85	85	Tốt	
19	2291020	Tạ Nguyễn Thúy Hiền	H1K3	81	65	Khá	
20	2291021	Hoàng Thị Phương Hoa	H1K3	84	79	Khá	
21	2291023	Hồ Thị Hòa	H1K3	84	84	Tốt	
22	2291024	Trần Đình Hoàng	H1K3	87	87	Tốt	
23	2291027	Hoàng Thị Thu Huyền	H1K3	83	79	Khá	
24	2291028	Vũ Thị Kim Khánh	H1K3	83	80	Tốt	
25	2291029	Đỗ Thị Thùy Linh	H1K3	85	85	Tốt	
26	2291030	Phạm Thùy Linh	H1K3	70	64	Trung bình	
27	2291031	Trần Thị Khánh Linh	H1K3	91	91	Xuất sắc	
28	2291033	Ngô Thị Mai	H1K3	81	65	Khá	
29	2291034	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	H1K3	85	85	Tốt	
30	2291035	Vũ Thị Tuyết Mai	H1K3	84	84	Tốt	
31	2291036	Nguyễn Vũ Mạnh	H1K3	81	79	Khá	
32	2291037	Nguyễn Cao Minh	H1K3	75	65	Khá	
33	2291038	Phan Công Minh	H1K3	86	86	Tốt	
34	2291039	Phạm Trà My	H1K3	67	65	Khá	
35	2291040	Nguyễn Hữu Nam	H1K3	73	65	Khá	
36	2291041	Nguyễn Thị Bảo Ngà	H1K3	85	79	Khá	
37	2291042	Nguyễn Thanh Ngân	H1K3	82	79	Khá	
38	2291043	Bạch Thị Hồng Nguyệt	H1K3	89	80	Tốt	
39	2291045	Trần Thanh Nội	H1K3	77	77	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2291046	Nguyễn Ngọc Nữ	H1K3	85	85	Tốt	
41	2291047	Vũ Thảo Phương	H1K3	85	85	Tốt	
42	2291049	Nguyễn Văn Thân	H1K3	85	85	Tốt	
43	2291050	Dương Thị Thảo	H1K3	92	90	Xuất sắc	
44	2291051	Lê Phương Thảo	H1K3	87	87	Tốt	
45	2291052	Đào Huyền Thu	H1K3	83	70	Khá	
46	2291054	Nguyễn Thị Huyền Trang	H1K3	81	80	Tốt	
47	2291055	Nguyễn Thị Trang	H1K3	87	87	Tốt	
48	2291056	Trương Việt Trung	H1K3	81	65	Khá	
49	2291057	Nguyễn Thị Ngọc Tú	H1K3	83	79	Khá	
50	2291059	Phạm Minh Tuấn	H1K3	70	70	Khá	
51	2291061	Bùi Thị Xuân	H1K3	82	79	Khá	

Tổng số 51 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 4
- Loại Tốt: 23
- Loại Khá: 23
- Loại Trung bình: 1
- Loại Yếu: 0



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: H1K4 Ngành: Hóa dược Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2391001	Đoàn Trần Thu An	H1K4	81	80	Tốt	
2	2391002	Nguyễn Thành An	H1K4	92	90	Xuất sắc	
3	2391003	Đỗ Trần Lan Anh	H1K4	84	84	Tốt	
4	2391004	Lê Nguyệt Anh	H1K4	80	80	Tốt	
5	2391005	Lê Thị Vân Anh	H1K4	96	96	Xuất sắc	
6	2391006	Lưu Quốc Anh	H1K4	90	90	Xuất sắc	
7	2391007	Ma Phương Anh	H1K4	86	79	Khá	
8	2391008	Nguyễn Mai Anh	H1K4	84	84	Tốt	
9	2391009	Trịnh Hồng Anh	H1K4	67	67	Khá	
10	2391010	Nguyễn Minh Ánh	H1K4	81	81	Tốt	
11	2391011	Nguyễn Thị Thanh Bình	H1K4	86	80	Tốt	
12	2391012	Trần Bích Diệp	H1K4	84	79	Khá	
13	2391013	Nguyễn Thùy Dung	H1K4	80	80	Tốt	
14	2391014	Bùi Trường Duy	H1K4	81	79	Khá	
15	2391015	Khuất Thị Thu Giang	H1K4	85	85	Tốt	
16	2391016	Ngô Thị Hồng Hải	H1K4	91	90	Xuất sắc	
17	2391017	Trần Thị Hằng	H1K4	85	85	Tốt	
18	2391018	Nguyễn Duy Hậu	H1K4	78	78	Khá	
19	2391019	Vũ Đức Hiệp	H1K4	88	88	Tốt	
20	2391020	Cao Đăng Hoàng	H1K4	72	72	Khá	
21	2391021	Phan Việt Hoàng	H1K4	90	89	Tốt	
22	2391022	Mai Thị Huê	H1K4	85	79	Khá	
23	2391023	Lê Thị Hương	H1K4	82	82	Tốt	
24	2391024	Nguyễn Phương Huyền	H1K4	80	70	Khá	
25	2391025	Nguyễn Thanh Huyền	H1K4	77	77	Khá	
26	2391026	Trần Khánh Huyền	H1K4	86	86	Tốt	
27	2391027	Nguyễn Văn Khải	H1K4	88	88	Tốt	
28	2391028	Đinh Quang Khánh	H1K4	87	77	Khá	Khiển trách
29	2391029	Hà Thị Hương Liên	H1K4	85	85	Tốt	
30	2391030	Đoàn Thị Khánh Linh	H1K4	88	88	Tốt	
31	2391031	Hoàng Thị Linh	H1K4	73	73	Khá	
32	2391032	Huỳnh Hà Linh	H1K4	84	84	Tốt	
33	2391033	Lê Thị Yến Linh	H1K4	92	92	Xuất sắc	
34	2391035	Nguyễn Thị Khánh Linh	H1K4	85	85	Tốt	
35	2391036	Trần Đặng Phương Linh	H1K4	86	86	Tốt	
36	2391037	Vũ Thanh Loan	H1K4	89	89	Tốt	
37	2391038	Lê Hoàng Long	H1K4	92	89	Tốt	
38	2391039	Tô Ngọc Thanh Mai	H1K4	86	86	Tốt	
39	2391041	Ngô Bình Minh	H1K4	87	87	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2391042	Nguyễn Lê Na	H1K4	87	87	Tốt	
41	2391043	Nguyễn Thành Nam	H1K4	86	86	Tốt	
42	2391044	Đào Hải Ngân	H1K4	82	82	Tốt	
43	2391045	Nguyễn Thị Kim Ngân	H1K4	75	75	Khá	
44	2391046	Hán Thị Huyền Ngọc	H1K4	85	85	Tốt	
45	2391047	Nguyễn Minh Ngọc	H1K4	85	85	Tốt	
46	2391048	Trần Vũ Bảo Ngọc	H1K4	84	79	Khá	
47	2391049	Nguyễn Quý Khôi Nguyên	H1K4	81	70	Khá	
48	2391050	Nguyễn Thảo Nguyên	H1K4	96	96	Xuất sắc	
49	2391051	Vũ Văn Ninh	H1K4	87	87	Tốt	
50	2391052	Nguyễn Thị Như Quỳnh	H1K4	88	88	Tốt	
51	2391053	Đỗ Duy Thạch	H1K4	73	73	Khá	
52	2391054	Nguyễn Anh Thái	H1K4	86	86	Tốt	
53	2391055	Chu Phương Thảo	H1K4	86	86	Tốt	
54	2391056	Lê Thị Phương Thảo	H1K4	84	84	Tốt	
55	2391057	Hoàng Thị Thanh Thu	H1K4	88	88	Tốt	
56	2391058	Tạ Thị Vân Trang	H1K4	92	80	Tốt	
57	2391059	Trương Huyền Trang	H1K4	83	83	Tốt	
58	2391060	Trần Đức Trung	H1K4	75	65	Khá	
59	2391062	Bùi Thị Tuyết	H1K4	83	83	Tốt	

Tổng số 59 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 6
- Loại Tốt: 37
- Loại Khá: 16
- Loại Trung bình: 0
- Loại Yếu: 0



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: C1K1^{*} Ngành: Hóa học Hệ: Đại học chính quy Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2271002	Lê Nam An	C1K1	83	70	Khá	
2	2271003	Vương Hòa An	C1K1	87	87	Tốt	
3	2271004	Lê Phương Anh	C1K1	85	79	Khá	
4	2271005	Nguyễn Đặng Mai Anh	C1K1	84	79	Khá	
5	2271006	Trần Lê Phương Anh	C1K1	85	65	Khá	
6	2271007	Trần Nam Anh	C1K1	81	65	Khá	
7	2271008	Trần Quốc Anh	C1K1	68	60	Trung bình	
8	2271009	Đỗ Nguyễn Nguyệt Ánh	C1K1	87	87	Tốt	
9	2271010	Ngô Ngọc Ánh	C1K1	85	85	Tốt	
10	2271011	Hoàng Hữu Gia Bảo	C1K1	81	79	Khá	
11	2271012	Lê Văn Bình	C1K1	83	80	Tốt	
12	2271013	Nguyễn Kim Chi	C1K1	86	86	Tốt	
13	2271017	Vũ Hải Duy	C1K1	85	79	Khá	
14	2271018	Nguyễn Thị Hương Giang	C1K1	85	79	Khá	
15	2271019	Nguyễn Huy Giáp	C1K1	81	64	Trung bình	
16	2271020	Lại Thị Thu Hà	C1K1	89	89	Tốt	
17	2271021	Nguyễn Thúy Hằng	C1K1	89	89	Tốt	
18	2271022	Nguyễn Đức Hồng Hạnh	C1K1	91	91	Xuất sắc	
19	2271023	Đào Phương Hào	C1K1	84	79	Khá	
20	2271024	Lý Minh Hiền	C1K1	86	80	Tốt	
21	2271025	Mai Thị Minh Hiền	C1K1	81	65	Khá	
22	2271026	Vũ Thu Hiền	C1K1	90	90	Xuất sắc	
23	2271027	Nguyễn Phạm Gia Hiếu	C1K1	82	79	Khá	
24	2271028	Phạm Đình Huy Hoàng	C1K1	88	88	Tốt	
25	2271029	Tô Thị Tuyết Hồng	C1K1	84	79	Khá	
26	2271030	Đỗ Thị Lan Hương	C1K1	81	65	Khá	
27	2271031	Nguyễn Thu Hương	C1K1	88	88	Tốt	
28	2271032	Nguyễn Thu Hường	C1K1	83	79	Khá	
29	2271033	Nguyễn Minh Huyền	C1K1	82	79	Khá	
30	2271034	Nguyễn Thị Minh Huyền	C1K1	84	84	Tốt	
31	2271035	Doãn Phúc Khang	C1K1	85	79	Khá	
32	2271036	Hoàng Tuấn Kiệt	C1K1	81	64	Trung bình	
33	2271037	Nguyễn Diễm Lân	C1K1	79	79	Khá	
34	2271038	Phạm Đăng Linh	C1K1	84	84	Tốt	
35	2271040	Lê Bảo Long	C1K1	81	64	Trung bình	
36	2271041	Nguyễn Khắc Lê Minh	C1K1	84	84	Tốt	
37	2271042	Khúc Vũ Hằng Nga	C1K1	84	65	Khá	
38	2271043	Đào Phạm Đức Nghĩa	C1K1	87	79	Khá	
39	2271044	Trần Minh Ngọc	C1K1	84	84	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2271045	Tạ Thị Ngọc Nhi	C1K1	83	79	Khá	
41	2271047	Bùi Thị Thanh Phương	C1K1	85	85	Tốt	
42	2271049	Nguyễn Đức Thanh	C1K1	81	65	Khá	
43	2271050	Cao Thị Thảo	C1K1	81	65	Khá	
44	2271051	Trịnh Thị Thoa	C1K1	81	70	Khá	
45	2271052	Lê Thị Xuân Thu	C1K1	85	79	Khá	
46	2271053	Lưu Thị Minh Thu	C1K1	83	79	Khá	
47	2271054	Nguyễn Thị Thu Thủy	C1K1	89	89	Tốt	
48	2271056	Nguyễn Thị Phương Trâm	C1K1	83	79	Khá	
49	2271057	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang	C1K1	79	70	Khá	
50	2271058	Mai Thanh Trúc	C1K1	84	80	Tốt	
51	2271059	Bùi Anh Tuấn	C1K1	93	80	Tốt	
52	2271060	Nguyễn Đức Việt	C1K1	85	85	Tốt	
53	2271061	Bùi Thị Như Ý	C1K1	83	65	Khá	

Tổng số 53 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 2
- Loại Tốt: 19
- Loại Khá: 28
- Loại Trung bình: 4
- Loại Yếu: 0



KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: C1K2 *Ngành: Hóa học Hệ: Đại học chính quy

Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
1	2371001	Nguyễn Tình Xuyên A	C1K2	91	91	Xuất sắc	
2	2371002	Nguyễn Việt An	C1K2	83	79	Khá	
3	2371003	Phan Thúy An	C1K2	85	85	Tốt	
4	2371004	Chu Tuấn Anh	C1K2	84	80	Tốt	
5	2371005	Nguyễn Kim Anh	C1K2	83	79	Khá	
6	2371006	Nguyễn Thị Vân Anh	C1K2	87	87	Tốt	
7	2371007	Đỗ Hồ Bắc	C1K2	84	80	Tốt	
8	2371008	Phạm Hòa Bình	C1K2	86	86	Tốt	
9	2371009	Phan Minh Châu	C1K2	85	85	Tốt	
10	2371010	Nguyễn Cao Bảo Chi	C1K2	79	70	Khá	
11	2371011	Nguyễn Quỳnh Chi	C1K2	90	90	Xuất sắc	
12	2371012	Nguyễn Chí Công	C1K2	85	85	Tốt	
13	2371013	Phạm Đức Cường	C1K2	83	79	Khá	
14	2371014	Đặng Phạm Hải Đăng	C1K2	81	50	Trung bình	Khiển trách
15	2371015	Lê Thị Dung	C1K2	82	82	Tốt	
16	2371016	Từ Thùy Dương	C1K2	85	85	Tốt	
17	2371017	Lê Phúc Duy	C1K2	86	70	Khá	
18	2371018	Kiều Thị Thu Hà	C1K2	84	84	Tốt	
19	2371019	Phạm Thanh Hằng	C1K2	85	85	Tốt	
20	2371020	Phạm Duy Hiếu	C1K2	81	65	Khá	
21	2371021	Nguyễn Thị Hoa	C1K2	83	70	Khá	
22	2371022	Nguyễn Thị Hoài	C1K2	84	80	Tốt	
23	2371023	Trần Thị Hoài	C1K2	85	85	Tốt	
24	2371024	Trần Thị Hưng	C1K2	86	80	Tốt	
25	2371025	Đỗ Tuấn Khanh	C1K2	92	90	Xuất sắc	
26	2371026	Nguyễn Đức Nam Khánh	C1K2	85	85	Tốt	
27	2371027	Trần Hữu Khánh	C1K2	83	79	Khá	
28	2371028	Trần Trung Kiên	C1K2	86	86	Tốt	
29	2371029	Nguyễn Thị Diệu Linh	C1K2	84	80	Tốt	
30	2371030	Trần Phương Linh	C1K2	85	85	Tốt	
31	2371031	Đoàn Thị Loan	C1K2	84	84	Tốt	
32	2371032	Nguyễn Tiến Lộc	C1K2	82	79	Khá	
33	2371033	Vũ Bảo Long	C1K2	85	85	Tốt	
34	2371034	Vương Đình Lương	C1K2	83	83	Tốt	
35	2371036	Chu Viết Mạnh	C1K2	85	85	Tốt	
36	2371037	Hoàng Đức Mạnh	C1K2	92	92	Xuất sắc	
37	2371038	Nguyễn Xuân Mạnh	C1K2	85	85	Tốt	
38	2371039	Nguyễn Trà My	C1K2	83	79	Khá	
39	2371040	Trần Nguyễn Hà My	C1K2	90	90	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2371041	Vũ Huyền My	C1K2	84	84	Tốt	
41	2371042	Nguyễn Thúy Ngân	C1K2	87	87	Tốt	
42	2371043	Nguyễn Bảo Ngọc	C1K2	84	84	Tốt	
43	2371044	Phương Bảo Ngọc	C1K2	85	85	Tốt	
44	2371045	Trần Xuân Nguyên	C1K2	84	80	Tốt	
45	2371046	Trần Thị Thanh Nhân	C1K2	86	86	Tốt	
46	2371047	Vũ Thị Hồng Nhung	C1K2	82	79	Khá	
47	2371048	Nguyễn Ngọc Phúc	C1K2	85	85	Tốt	
48	2371049	Nguyễn Vũ Xuân Phương	C1K2	91	91	Xuất sắc	
49	2371050	Trần Thu Phương	C1K2	83	83	Tốt	
50	2371051	Hoàng Việt Quân	C1K2	85	85	Tốt	
51	2371052	Bùi Thanh Tâm	C1K2	81	70	Khá	
52	2371053	Chu Minh Tâm	C1K2	82	79	Khá	
53	2371054	Nguyễn Đức Thắng	C1K2	81	65	Khá	Phê bình
54	2371056	Nguyễn Quý Thành	C1K2	90	90	Xuất sắc	
55	2371057	Phạm Thuận Thành	C1K2	81	70	Khá	
56	2371059	Nguyễn Thị Minh Thu	C1K2	83	80	Tốt	
57	2371060	Nguyễn Thùy Trang	C1K2	84	80	Tốt	
58	2371061	Nguyễn Khánh Vân	C1K2	85	85	Tốt	
59	2371062	Nguyễn Tường Vy	C1K2	84	84	Tốt	

Tổng số 59 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 7
- Loại Tốt: 36
- Loại Khá: 15
- Loại Trung bình: 1
- Loại Yếu: 0

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: S1K1 Ngành: Công nghệ sinh học Hệ: Đại học chính quy Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
1	2281001	Đào Phương Anh	S1K1	87	87	Tốt	
2	2281002	Nguyễn Thị Lan Anh	S1K1	82	79	Khá	
3	2281003	Phạm Kỳ Anh	S1K1	83	79	Khá	
4	2281004	Trần Diệu Anh	S1K1	87	87	Tốt	
5	2281005	Trương Ngọc Ánh	S1K1	89	89	Tốt	
6	2281006	Vũ Thị Ngọc Ánh	S1K1	84	84	Tốt	
7	2281008	Trần Nguyễn Hà Châu	S1K1	84	84	Tốt	
8	2281009	Nguyễn Văn Dương	S1K1	86	86	Tốt	
9	2281010	Nguyễn Trường Giang	S1K1	81	79	Khá	
10	2281011	Nguyễn Thị Thu Hà	S1K1	84	84	Tốt	
11	2281012	Ngô Thái Hạ	S1K1	81	79	Khá	
12	2281013	Lê Thị Hạnh	S1K1	81	79	Khá	
13	2281014	Lê Văn Hiếu	S1K1	81	79	Khá	
14	2281015	Bùi Huy Hoàng	S1K1	96	96	Xuất sắc	
15	2281016	Nguyễn Quang Huy	S1K1	86	80	Tốt	
16	2281017	Đỗ Thu Huyền	S1K1	83	80	Tốt	
17	2281018	Hồ Thị Khánh Huyền	S1K1	81	70	Khá	
18	2281019	Nguyễn Thành Lâm	S1K1	83	70	Khá	
19	2281021	Dương Thùy Linh	S1K1	83	70	Khá	
20	2281022	Ngô Thùy Linh	S1K1	92	92	Xuất sắc	
21	2281023	Nguyễn Dương Hà Linh	S1K1	87	87	Tốt	
22	2281024	Nguyễn Khánh Linh	S1K1	83	80	Tốt	
23	2281025	Nguyễn Thị Linh	S1K1	87	79	Khá	
24	2281026	Nguyễn Thùy Linh	S1K1	93	93	Xuất sắc	
25	2281027	Phạm Ngọc Huyền Linh	S1K1	87	87	Tốt	
26	2281028	Phan Thị Khánh Linh	S1K1	86	86	Tốt	
27	2281029	Thái Thị Thùy Linh	S1K1	84	84	Tốt	
28	2281030	Trần Khánh Linh	S1K1	82	70	Khá	
29	2281031	Nguyễn Thị Hồng Lĩh	S1K1	85	79	Khá	
30	2281032	Đỗ Thành Long	S1K1	83	70	Khá	
31	2281033	Đặng Thị Oanh Mai	S1K1	84	70	Khá	
32	2281034	Đỗ Thị Ngọc Mai	S1K1	83	79	Khá	
33	2281035	Trần Huyền My	S1K1	82	65	Khá	
34	2281036	Trần Thị Trà My	S1K1	82	79	Khá	
35	2281037	Đỗ Minh Ngọc	S1K1	90	90	Xuất sắc	
36	2281038	Ngô Thị Minh Nguyệt	S1K1	89	89	Tốt	
37	2281039	Mai Thị Yến Nhi	S1K1	83	80	Tốt	
38	2281040	Nguyễn Tiến Phương	S1K1	89	80	Tốt	
39	2281041	Vũ Thu Phương	S1K1	84	84	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2281042	Phạm Thị Quyên	S1K1	84	84	Tốt	
41	2281043	Ngô Thị Như Quỳnh	S1K1	94	89	Tốt	
42	2281044	Nguyễn Mai Quỳnh	S1K1	92	90	Xuất sắc	
43	2281045	Nguyễn Trường Sơn	S1K1	77	65	Khá	
44	2281047	Phạm Lê Minh Tân	S1K1	82	79	Khá	
45	2281048	Trần Nhật Tân	S1K1	85	79	Khá	
46	2281049	Trịnh Thu Thảo	S1K1	90	89	Tốt	
47	2281050	Nguyễn Thị Thanh Thu	S1K1	82	79	Khá	
48	2281051	Trần Thị Anh Thu	S1K1	83	70	Khá	
49	2281052	Phạm Minh Thương	S1K1	87	87	Tốt	
50	2281053	Nguyễn Hương Trà	S1K1	84	80	Tốt	
51	2281054	Phan Phương Trinh	S1K1	87	87	Tốt	
52	2281055	Trần Thị Thanh Trúc	S1K1	83	79	Khá	
53	2281056	Phan Đức Trung	S1K1	93	93	Xuất sắc	
54	2281057	Phạm Thanh Tú	S1K1	92	92	Xuất sắc	
55	2281058	Nguyễn Long Vũ	S1K1	81	70	Khá	
56	2281059	Nguyễn Tuấn Vũ	S1K1	81	70	Khá	

Tổng số 56 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 7
- Loại Tốt: 24
- Loại Khá: 25
- Loại Trung bình: 0
- Loại Yếu: 0

ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Lớp/khóa: S1K2 Ngành: Công nghệ sinh học Hệ: Đại học chính quy Học kỳ: 1 Năm học: 2023-2024

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HD		
1	2381001	Đào Phương Anh	S1K2	96	96	Xuất sắc	
2	2381002	Đinh Ngọc Anh	S1K2	79	79	Khá	
3	2381003	Đinh Tổ Anh	S1K2	86	86	Tốt	
4	2381004	Đỗ Phương Anh	S1K2	95	95	Xuất sắc	
5	2381005	Hà Thị Lan Anh	S1K2	80	80	Tốt	
6	2381006	Lê Ngọc Anh	S1K2	83	83	Tốt	
7	2381007	Lê Phương Anh	S1K2	92	92	Xuất sắc	
8	2381008	Lê Văn Tuấn Anh	S1K2	82	65	Khá	
9	2381009	Nguyễn Đức Anh	S1K2	86	79	Khá	
10	2381010	Trần Hoàng Minh Anh	S1K2	92	92	Xuất sắc	
11	2381012	Nguyễn Như Bình	S1K2	92	92	Xuất sắc	
12	2381013	Phạm Thanh Bình	S1K2	74	64	Trung bình	
13	2381014	Cao Duy Công	S1K2	78	70	Khá	
14	2381015	Bùi Huy Cường	S1K2	82	79	Khá	
15	2381016	Trần Thành Đạt	S1K2	84	84	Tốt	
16	2381017	Khổng Văn Đôn	S1K2	71	61	Trung bình	Khiển trách
17	2381018	Nguyễn Duy Đức	S1K2	82	80	Tốt	
18	2381019	Đinh Vũ Khánh Duy	S1K2	87	87	Tốt	
19	2381020	Trịnh Thu Hà	S1K2	83	83	Tốt	
20	2381021	Đoàn Thu Hằng	S1K2	82	82	Tốt	
21	2381022	Nguyễn Thị Thu Hiền	S1K2	83	79	Khá	
22	2381023	Nguyễn Đức Hiệp	S1K2	94	94	Xuất sắc	
23	2381024	Trịnh Ngọc Tuấn Hoàng	S1K2	81	81	Tốt	
24	2381025	Đỗ Quỳnh Hương	S1K2	79	79	Khá	
25	2381026	Nguyễn Xuân Huy	S1K2	83	83	Tốt	
26	2381028	Trần Thanh Huyền	S1K2	88	88	Tốt	
27	2381029	Nguyễn Trung Kiên	S1K2	84	84	Tốt	
28	2381030	Nguyễn Thiên Lam	S1K2	81	80	Tốt	
29	2381032	Tạ Quang Lâm	S1K2	77	65	Khá	
30	2381033	Nguyễn Thị Diệu Linh	S1K2	93	89	Tốt	
31	2381034	Phạm Khánh Linh	S1K2	84	84	Tốt	
32	2381035	Trần Thị Phương Linh	S1K2	85	85	Tốt	
33	2381036	Nguyễn Trúc Mi	S1K2	98	98	Xuất sắc	
34	2381037	Nguyễn Kim Minh	S1K2	92	92	Xuất sắc	
35	2381038	Nguyễn Quang Minh	S1K2	82	70	Khá	
36	2381039	Trần Thị Kiều My	S1K2	81	65	Khá	
37	2381040	Đỗ Hoài Nam	S1K2	91	90	Xuất sắc	
38	2381041	Đỗ Bảo Ngọc	S1K2	72	70	Khá	
39	2381042	Nguyễn Minh Ngọc	S1K2	86	86	Tốt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm rèn luyện		Xếp loại	Ghi chú
				của Lớp	của HĐ		
40	2381043	Phạm Minh Ngọc	S1K2	84	84	Tốt	
41	2381044	Trương Yến Ngọc	S1K2	83	83	Tốt	
42	2381045	Phạm Yến Nhi	S1K2	95	90	Xuất sắc	
43	2381046	Dương Minh Phong	S1K2	72	64	Trung bình	
44	2381047	Đồng Ngọc Phúc	S1K2	72	70	Khá	
45	2381048	Hà Thảo Phương	S1K2	72	72	Khá	
46	2381049	Phạm Thị Phương	S1K2	94	89	Tốt	
47	2381050	Võ Diệu Phương	S1K2	96	96	Xuất sắc	
48	2381051	Phạm Đức Quân	S1K2	82	79	Khá	
49	2381052	Trần Hồng Quân	S1K2	86	86	Tốt	
50	2381053	Doãn Thị Như Quỳnh	S1K2	84	65	Khá	
51	2381054	Trịnh Quang Sơn	S1K2	84	79	Khá	
52	2381056	Nguyễn Thị Thành	S1K2	95	95	Xuất sắc	
53	2381057	Lê Thị Thanh Thảo	S1K2	75	70	Khá	
54	2381058	Trần Ngọc Phương Thùy	S1K2	82	70	Khá	
55	2381060	Nguyễn Hà Vy	S1K2	79	79	Khá	
56	2381061	Hoàng Thị Như Ý	S1K2	86	86	Tốt	

Tổng số 56 sinh viên, trong đó:

- Loại Xuất sắc: 12
- Loại Tốt: 22
- Loại Khá: 19
- Loại Trung bình: 3
- Loại Yếu: 0